

Amélie Nothomb



VÒNG TAY
SAMURAI



nhà sách văn
học nhà văn

VÒNG TAY SAMURAI



Nguyên bản tiếng Pháp: **NI D'EVE, NI D'ADAM**

Tác giả: **Amélie Nothomb**

Dịch giả: **Thi Hoa**

Công ty phát hành: **Nhã Nam**

Nhà xuất bản: **NXB Hội Nhà Văn**

Trọng lượng vận chuyển: **240 grams**

Kích thước: **12x20 cm**

Ngày xuất bản: **05/2010**

Giá bìa: **41.000đ**

Nguồn: <http://tve-4u.org>

Type+Làm ebook: **thanhbt**

Cuốn sách này được giới thiệu ở đây nhằm chia sẻ cho những bạn không có điều kiện mua sách!

Còn nếu bạn có khả năng hãy mua ủng hộ nha!

Giới thiệu

“**Vòng tay Samurai**” kể về mối tình của Amélie Nothomb với Rinri - một chàng trai Nhật Bản - vị hôn phu Tokyo “chính hiệu”. Câu chuyện tình lạ lùng này bắt đầu từ mối quan hệ: cô - trò.

Bằng cái nhìn tinh tế và bút pháp tự truyện duyên dáng nhưng không kém phần hóm hỉnh, Amélie Nothomb đã tái hiện lại một cách sinh động toàn bộ cuộc sống và con người ở xứ sở Mặt trời mọc dưới những lát cắt thú vị nhất. Đó là cuộc sống sinh hoạt của một gia đình Tokyo “kiểu mẫu”, là những phong tục khi giới thiệu bạn gái, những nét đặc sắc trong ẩm thực, âm nhạc và đặc biệt là sự phức tạp trong ngôn ngữ diễn đạt.

Từ những nhầm lẫn trong cách diễn đạt này mà vô tình, “cô giáo” Bi trở thành “cô bồ” của cậu trai Nhật Bản, rồi cũng lại bởi bất đồng ngôn ngữ mà cô gái một lần nữa “vô tình” đồng ý lời cầu hôn của chàng trai, để rồi bất đắc dĩ phải thực hiện cuộc chạy trốn khỏi đất nước mà cô yêu quý lẫn tôn sùng.

Có thể có một chút tiếc nuối, một chút dằn vặt khi câu chuyện tình trong tác phẩm là dang dở nhưng người đọc có quyền thở phào nhẹ nhõm, có quyền hạnh phúc như niềm hạnh phúc của Amélie trong vòng tay Rinri khi anh nói trong ngày cô trở lại: *“Anh muốn ôm em bằng vòng tay bạn hữu của Samurai”*

“Ta có thể tìm thấy tất cả trong thiên diễm tình giữa Đông - Tây này...”
- Marianne Payot, L'Express.

Vòng Tay Samurai

Tôi thấy có lẽ cách học tiếng Nhật hiệu quả nhất là đi dạy tiếng Pháp. Vậy nên tôi để lại mẫu tin rao vặt tại siêu thị: “Nhận dạy kèm tiếng Pháp, giá cả hấp dẫn”.

Ngay tối hôm đó, điện thoại đổ chuông. Cuộc hẹn được ấn định vào ngày hôm sau, tại một quán cà phê trên đại lộ Omote-Sando. Người gọi có nói tên anh ta, nhưng tôi chẳng hiểu gì cả, anh cũng không hiểu tên tôi. Lúc bỏ điện thoại xuống, tôi mới chợt nhận ra là cả tôi và anh đều không biết sẽ nhận ra nhau bằng cách nào. Đã vậy, tôi lại không nhanh trí hỏi số điện thoại của anh, thật chẳng biết phải làm sao nữa. “Có thể anh ta sẽ gọi lại cho mình vì lý do đó”, tôi nghĩ vậy.

Anh chẳng gọi lại cho tôi. Tôi nhớ giọng anh có vẻ còn trẻ. Điều đó không giúp ích gì nhiều. Vào năm 1989, ở Tokyo không hiếm thanh niên. Huống chi là vào tầm ba giờ chiều ngày 26 tháng Giêng tại quán cà phê trên đại lộ Omote-Sando này.

Tôi không phải là người nước ngoài duy nhất, còn rất nhiều người khác nữa. Song anh đi thẳng tới chỗ tôi ngồi mà không hề do dự.

- Cô là giáo viên dạy tiếng Pháp phải không?

- Sao anh biết?

Anh nhún vai. Rồi anh ngồi xuống lưng thẳng đơ và chẳng nói năng gì. Tôi hiểu mình là giáo viên nên phải là người quan tâm tới anh. Tôi hỏi anh vài câu và được biết anh hai mươi tuổi, tên là Rinri và đang học tiếng Pháp ở trường đại học. Anh thì biết tôi hai mươi một tuổi, tên là Amélie và đang

học tiếng Nhật. Anh không hiểu tôi là người nước nào. Tôi quen với điều này rồi.

- Kể từ bây giờ, chúng ta không được nói tiếng Anh nữa, tôi nói.

Tôi nói chuyện bằng tiếng Pháp vì muốn biết trình độ của anh: nó thật kinh hoàng. Tệ nhất là cách phát âm của anh: nếu không biết trước Rinri đang nói tiếng Pháp với tôi thì có lẽ tôi đã nghĩ mình gặp phải người vừa mới ậm ọe vài câu tiếng Trung. Vốn từ của anh quá nghèo nàn, cấu trúc câu thì bắt chước sai cấu trúc tiếng Anh, mà chẳng hiểu sao anh cứ lôi tiếng Anh ra mà quy chiếu. Ấy vậy mà anh đang là sinh viên tiếng Pháp năm thứ ba cơ đấy. Trường hợp của anh khẳng định rằng việc dạy ngoại ngữ ở Nhật đã thất bại thảm hại. Ở cấp độ như vậy thì thậm chí không thể đỗ tại cá tính cư dân hải đảo nữa.

Chàng trai hẳn ý thức được tình thế nên vội vàng xin lỗi, rồi im lặng. Tôi không thể chấp nhận thất bại này nên cố làm cho anh nói trở lại. Vô ích. Anh ngậm cứng miệng như thể để che đi hàm răng gớm ghiếc. Chúng tôi lâm vào ngõ cụt.

Tôi bèn chuyển sang nói với anh bằng tiếng Nhật. Suốt từ hồi năm tuổi đến giờ tôi không hề dùng lại thứ tiếng này và tôi mới quay trở lại đất nước Mặt Trời Mọc được có sáu ngày, sau mười sáu năm vắng mặt. Sáu ngày không thể đủ, còn lâu mới đủ, để khởi động lại những kỷ niệm thơ ấu của tôi về tiếng Nhật. Vậy nên tôi tuân ra cho anh nghe thứ ngôn ngữ trẻ con ngây ngô chẳng ra đầu cua tai nheo gì cả. Đó là những chuyện về nhân viên cảnh sát, về chó và về hoa anh đào. Chàng trai ngơ ngác nghe tôi nói rồi cuối cùng phá lên cười. Anh hỏi có phải một đứa trẻ lên năm đã dạy tôi tiếng Nhật không.

- Đúng đây, tôi trả lời. Đứa trẻ đó chính là tôi đây.

Và tôi kể cho anh nghe hành trình của mình. Tôi chậm rãi kể cho anh nghe,

bằng tiếng Pháp; nhờ một tình cảm đặc biệt, tôi cảm nhận được rằng anh hiểu những

Tôi đã hóa giải ức chế cho anh.

Bằng thứ tiếng Pháp còn tệ hơn cả tệ, anh bảo tôi rằng anh biết vùng Kansai nơi tôi sinh ra và sống năm năm đầu đời.

Anh là người gốc Tokyo, nơi bố anh điều hành một trường kim hoàn có tiếng. Nói đến đó, anh dừng lại, mặt phờ vì gắng sức, và uống một hơi hết cốc cà phê.

Với anh, diễn giải mấy ý đó mệt không kém gì vượt sông đang mùa lũ mà trên lối qua sông những hòn đá nằm cách xa nhau đến năm mét. Tôi thích thú ngắm nhìn anh thở hổn hển sau chiến công.

Phải thừa nhận rằng tiếng Pháp thật khó học. Tôi chẳng muốn phải ở vào địa vị cậu học trò của mình. Học để nói được thứ ngôn ngữ của tôi hẳn cũng khó như học để viết được thứ tiếng của anh.

Tôi hỏi anh thích gì trong đời. Anh suy nghĩ hồi lâu. Tôi những muốn biết anh phải suy nghĩ lâu như vậy là do bản chất hay vì khó khăn ngôn ngữ. Sau một hồi đào sâu suy nghĩ, câu trả lời của anh làm tôi hết sức lúng túng:

- Chơi.

Không tài nào xác định được khó khăn thuộc lĩnh vực từ vựng hay triết học. Tôi cố hỏi thêm:

- Chơi cái gì?

Anh nhún vai.

- Chơi.

Thái độ của anh toát lên hoặc là vẻ dửng dưng đáng ngưỡng mộ, hoặc là sự lười nhác khi học thứ tiếng Pháp hoành tráng của tôi.

Trong cả hai trường hợp, tôi nhận thấy chàng trai đã thoát khỏi tình thế khó khăn rất giỏi và tôi hòa theo ý anh. Tôi nói anh có lý, rằng cuộc sống là một trò chơi: ai nghĩ rằng chơi chỉ là phù phiếm tức là người đó chẳng hiểu gì hết, v.v.

Anh lắng nghe tôi nói như thể tôi đang kể anh nghe những chuyện gì lạ lắm lắm. Cái lợi trong những cuộc trò chuyện với người nước ngoài là khi thấy người kia có phần kinh ngạc thì ta luôn có thể đổ tại đó là do khác biệt văn hóa.

Đến lượt mình, Rinri hỏi tôi thích gì trong đời. Tôi trả lời, phát âm rành rọt từng âm tiết, rằng tôi th tiếng mưa rơi, thích đi dạo ở vùng núi, thích đọc, thích viết, thích nghe nhạc. Anh nói cắt ngang lời tôi:

- Chơi.

Sao anh nhắc lại ý kiến đã nói nhỉ? Chắc muốn hỏi ý kiến tôi về điểm này chẳng. Tôi nói tiếp:

- Đúng vậy, tôi thích chơi, nhất là chơi bài.

Lúc này dường như chính anh đang mất phương hướng. Tôi vẽ lên trang giấy trắng trong cuốn tay sổ hình những quân bài: át, hai, bích, rô.

Anh cắt ngang: vâng, tất nhiên là anh biết các quân bài. Tôi cảm thấy cực kỳ ngốc nghếch với phương pháp sư phạm vớ vẩn của mình. Để thoát êm

khỏi tình huống khó khăn, tôi liền nói về bất cứ thứ gì: anh thích ăn món gì?
Anh trả lời tôi rất dứt khoát:

- Ourrrrhhhh.

Tôi nghĩ mình biết rõ đồ ăn Nhật nhưng cái món anh nói thì đúng là tôi chưa nghe thấy bao giờ. Tôi đề nghị anh giải thích. Anh từ tốn nhắc lại:

- Ourrrrhhhh.

- Ừ, phải rồi, nhưng đó là món gì?

Vẻ sững sờ, anh cầm lấy cuộn sổ từ tay tôi và vạch lên đó một vòng hình quả trứng. Tôi phải mất vài giây để gắn kết những manh mối trong đầu rồi mới thốt lên được:

- Trứng!

Anh ta mở to mắt như để nói: Đúng rồi!

- Người ta phát âm là “oeuf”, tôi tiếp ngay, “oeuf”.

- Ourrrrhhhh.

- Không, anh nhìn miệng tôi này. Phải mở rộng hơn: oeuf.

Anh ta mở to miệng:

- Orrrrhhhhh.

Tôi tự hỏi: không biết liệu đó có phải là tiền bộ không? Có, bởi vì có thay đổi. Anh thay đổi, nếu không phải là theo chiều hướng tốt thì ít ra cũng là về một hướng khác.

- Có khờ, tôi nói, đầy lạc quan.

Anh mỉm cười, hài lòng vì thái độ lịch sự của tôi, dù không tin lắm. Tôi là giáo viên mà anh cần. Anh hỏi tôi về tiền công dạy.

- Anh trả bao nhiêu tùy anh.

Tôi trả lời vậy thực ra là để che giấu việc mình hoàn toàn mù tịt về giá cả hiện hành, dù chỉ là ước lượng. Tuy không hay biết gì về cách trả lời những câu hỏi kiểu này nhưng hẳn tôi đã nói đúng theo kiểu người Nhật, vì Rinri lôi trong túi ra một chiếc phong bì xinh xắn bằng giấy gạo trong đó đã nhét sẵn tiền.

Tôi ngại ngừng từ chối:

- Lần này thì không cần đâu, vì chưa hẳn là buổi học thật sự. Chỉ là buổi giới thiệu thôi mà.

Chàng trai đặt chiếc phong bì trước mặt tôi, đi trả tiền hai cốc cà phê chúng tôi đã uống, rồi quay lại để hẹn tôi vào thứ Hai tuần sau, không hề nhìn đến món tiền mà tôi cố trả lại anh, rồi chào tạm biệt và bỏ đi.

Nuốt nổi ngượng ngừng, tôi mở chiếc phong bì và đếm được sáu ngàn yên. Điều tuyệt vời khi được trả công bằng loại tiền có tỷ giá thấp, đó là tổng số tiền luôn rất lớn. Tôi nghĩ lại cái âm “ourrrrhhhh” được chuyển thành “orrrrhhhh” và nhận thấy mình không đáng được hưởng sáu ngàn yên.

Tôi thậm chí làm phép so sánh giữa sự giàu có của nước Nhật với nước Bỉ và rút ra kết luận rằng, màn giao dịch này chỉ là một giọt nước trong đại dương của mức chênh lệch như thế. Với sáu nghìn yên này, tôi có thể mua được sáu quả táo vàng ở siêu thị. Adam chắc chắn nợ Eva món đó. Hết thấy cần rút lương tâm, tôi sải bước trên đại lộ Omote-Sando.

30 tháng Giêng năm 1989. Ngày thứ mười tôi ở Nhật với tư cách một người trưởng thành. Từ sau cái ngày mà tôi gọi là sự trở về, mỗi sớm khi kéo rèm cửa, tôi lại thấy cả bầu trời một màu xanh ngắt. Sau suốt bao năm trời kéo những tấm rèm cửa ở Bỉ mở ra bầu trời xám xịt nặng trĩu, làm sao không tán dương mùa đông Tokyo cho được?

Tôi gặp lại cậu học sinh tại quán cà phê trên đại lộ Omote-Sando. Bài học sẽ tập trung nói về thời tiết trong ngày. Đó là ý kiến hay, vì khí hậu, chủ đề lý tưởng dành cho những người chẳng biết nói gì với nhau, là đề tài nói chuyện chính và bắt buộc ở nước Nhật.

Gặp ai đó mà lại không nói với người ta về tình hình thời tiết thì chẳng khác gì thiếu vốn sống.

Tôi thấy Rinri có vẻ tiến bộ kể từ sau lần gặp trước giữa chúng tôi. Điều đó có được hẳn không chỉ nhờ việc dạy dỗ của tôi: chắc hẳn anh cũng phải học bài. Hẳn là viễn cảnh trò chuyện với một phụ nữ nói tiếng Pháp đã thôi thúc anh.

Anh đang kể cho tôi nghe về thời tiết mùa hè khắc nghiệt thì tôi thấy anh ngược mắt nhìn về phía một cậu thanh niên vừa đi vào. Họ ra hiệu chào nhau.

- Ai đấy? tôi hỏi.

- Hara, bạn học với tôi.

Cậu thanh niên lại gần để chào. Rinri giới thiệu bằng tiếng Anh. Tôi ngần ngại:

- Anh nói tiếng Pháp đi, vì bạn anh cũng học thứ tiếng này mà.

Cậu học trò của tôi bình tĩnh lại sau thoáng lúng túng vì sự thay đổi bất ngờ, rồi cố hết sức phát âm từng từ:

- Hara, tớ giới thiệu với cậu đây là Amélie, cô bồ[1] của tớ.

Tôi phải khó khăn lắm mới khỏi phá lên cười để không làm nản chí bao cố gắng đáng khen như vậy. Tôi sẽ không sửa lỗi cho anh trước mặt bạn: như thế sẽ làm anh mất thể diện.

Ngày hôm đó thật nhiều điều tình cờ: tôi trông thấy Christine bước vào quán. Đó là một cô gái Bỉ tính tình rất dễ chịu làm việc tại sù quán, cô đã giúp tôi nhiều trong các thủ tục giấy tờ.

Tôi gọi cô.

Lẽ ra thì tới lượt tôi phải giới thiệu. Nhưng Rinri đang đà hưng phấn, hẳn muốn thực hành lại bài học, nên nói với Christine:

- Xin giới thiệu với cô đây là Hara bạn tôi, và Amélie, cô bồ của tôi.

Cô gái thoáng liếc nhìn tôi. Tôi giả vờ không quan tâm và giới thiệu Christine với mấy cậu thanh niên. Vì sự hiểu lầm đó, và vì sợ bị xem như kẻ thích lẩn át trong tình yêu nên tôi không dám ra lệnh cho cậu học trò của mình nữa. Tôi tự định cho mình mục tiêu duy nhất có thể là giữ tiếng Pháp làm ngôn ngữ đề tr chuyện.

- Hai bạn đều là Bỉ à[2]? Hara hỏi.

- Vâng, Christine mỉm cười. Anh nói tiếng Pháp giỏi lắm.

- Nhờ có Amélie là...

Đúng lúc đó tôi nói cắt ngang Rinri:

- Hara và Rinri đang học tiếng Pháp ở trường đại học.

- Ủ, nhưng hình như học riêng thế này mới hiệu quả, phải không?

Thái độ của Christine làm tôi rất bực, nhưng tôi lại không đủ thân với cô để giải thích sự thật.

- Anh đã gặp Amélie ở đâu? cô hỏi Rinri.

- Ở siêu thị Azabu.

- Ngộ thật!

May mà Rinri không trả lời là chúng tôi gặp nhau nhờ mẩu tin rao vặt.

Cô phục vụ tới ghi yêu cầu của những người mới đến. Christine nhìn đồng hồ và nói cô sắp có hẹn vì công việc. Lúc quay đi, cô nói với tôi bằng tiếng Hà Lan:

- Cậu ta đẹp trai thật, tớ mừng cho cậu. Khi cô đi rồi, Hara hỏi tôi có phải

Christine vừa nói tiếng Bỉ không. Tôi trả lời là đúng để tránh phải giải thích dài dòng.

- Các bạn nói tiếng Pháp giỏi thật, Rinri thán phục nói.

“Lại một hiểu lầm nữa”, tôi chán nản nghĩ[3]. Tôi chẳng còn hơi sức đâu mà trò chuyện nên bảo Hara và Rinri làm ơn nói chuyện bằng tiếng Pháp, và chỉ chữa cho họ những lỗi khó hiểu nhất. Những điều họ nói với nhau khiến tôi ngỡ ngàng:

- Nếu thứ Bảy cậu đến nhà tớ thì nhớ mang theo món tương Hiroshima nhé.

- Yasu sẽ tới chơi với chúng ta chứ

- Không, cậu ấy chơi ở nhà Minami.

Tôi rất muốn biết họ chơi cái gì. Tôi hỏi Hara nhưng cậu ta trả lời cũng chẳng rõ ràng gì hơn cậu học trò của tôi trong buổi học lần trước.

- Thứ Bảy này cô cũng đến chơi nhà tôi nhé, Hara nói.

Tôi chắc chắn cậu ta chỉ mời xã giao vậy thôi. Song tôi lại rất muốn nhận lời. Sợ rằng nếu đến sẽ làm phiền cậu học trò của mình nên tôi thử rào đón:

- Nhưng tôi chưa quen đường ở Tokyo, sợ lạc mất.

- Tôi sẽ tới đón cô, Rinri đề nghị.

Cảm thấy an tâm, tôi hồ hởi cảm ơn Hara. Tới khi Rinri chìa cho tôi chiếc phong bì có tiền công của tôi, tôi còn thấy ngại hơn lần trước. Tôi trấn an lương tâm bằng cách quyết định sẽ dành số tiền này để mua một món quà cho chủ nhà.

Chiều thứ Bảy, tôi thấy một chiếc Mercedes lộng lẫy màu trắng đi tới trước cửa nhà mình, nó sạch tới mức bóng loáng dưới ánh mặt trời. Khi tôi lại gần, cửa xe tự động mở ra.

Người lái xe là cậu học sinh của tôi.

Trong khi anh lái xe chạy qua Tokyo, tôi tự hỏi không biết có phải nghề của

bố anh chỉ là cái có che đậy việc anh thuộc tổ chức tội phạm Yakusa không. Tổ chức này chuyên đi xe Mercedes. Tôi giữ lại những thắc mắc cho mình. Rinri chỉ im lặng lái xe, hết sức tập trung vì mật độ giao thông dày đặc.

Qua khước mắt, tôi ngắm nét mặt nhìn nghiêng của anh, nhớ lại câu nói bằng tiếng Hà Lan của Christine. Có lẽ tôi sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến việc thấy anh đẹp trai nếu cô bạn đồng hương không nói với tôi điều ấy. Hơn nữa, tôi không thực sự bị thuyết phục là anh đẹp trai. Nhưng tôi lại có ấn tượng đặc biệt với cái gáy cạo nhẵn cứng đờ và những đường nét bất động hoàn toàn nơi anh.

Đây là lần thứ ba tôi gặp anh. Anh vẫn mặc bộ quần áo ấy: quần bò xanh, áo phông trắng và một chiếc áo khoác nhẹ màu đen bằng da đánh. Chân đi giày basket kiểu dành cho phi công vũ trụ. Tôi rất ngưỡng mộ vẻ mảnh dẻ gầy gò của anh.

Một tô bất ngờ tạt ngang đầu xe Rinri và vượt lên. Đã thế, gã tài xế còn xuống xe và gào lên chửi rửa Rinri thậm tệ. Cậu học trò của tôi rất bình tĩnh xin lỗi nhũn nhặn. Gã thô lỗ bỏ đi.

- Nhưng ông ta sai cơ mà! tôi hét lên.

- Đúng, Rinri điềm đạm nói.

- Sao anh phải xin lỗi?

- Tôi không biết từ tiếng Pháp nói thế nào.

- Anh nói tiếng Nhật đi.

- Kankokujin.

Người Hàn Quốc. Tôi hiểu rồi. Tôi thậm chí cười vì thái độ nhã nhặn sẵn có

của cậu học trò.

Hara sống trong một căn hộ nhỏ xíu. Rinri chia cho cậu ta một hộp tương Hiroshima to tướng. Tôi cảm thấy ngớ ngẩn với cái thùng bia Bỉ của mình mặc dù mọi người đón nhận nó với vẻ tò mò chân thành.

Ngoài chúng tôi ra còn có một anh chàng tên Masa đang thái bắp cải thành lát mỏng và một cô gái người Mỹ tên là Amy. Sự có mặt của cô gái này buộc chúng tôi phải nói tiếng Anh, điều này khiến tôi thấy cô ta thật khó chịu. Cô ta càng làm tôi khó chịu hơn khi tôi đoán họ đã mời cô ta tới đây với hy vọng để tôi được thoải mái. Cứ như thể tôi sẽ thấy khổ sở vì phải là người Tây phương duy nhất ở đây vậy.

Amy nghĩ đây là lúc để giải thích cho chúng tôi hiểu cô ta phải chịu đựng cảnh sống xa quê của mình ra sao. Điều khiến cô ta nhớ nhất là gì? Món peanut butter[4], cô ta nói mà không hề cười. Câu nào của cô ta cũng bắt đầu bằng “Ở Portland thì...”. Ba chàng trai lịch sự nghe cô kể trong khi rõ ràng là các cậu chẳng hề biết cái xứ khi họ cò gáy ấy nằm ở bờ biển nào của nước Mỹ và cũng chẳng quan tâm. Về phần mình, tôi luôn căm thù chủ nghĩa chống Mỹ sơ đẳng rồi lại nghĩ rằng việc căm mình ghét cô gái này vì lý do đó sẽ tạo nên một hình thức chủ nghĩa chống Mỹ sơ đẳng nhỏ nhen: vậy nên tôi phó mặc cho tình cảm ghét bỏ tự nhiên.

Rinri cạo vỏ gừng, Hara thì lột vỏ tôm, Masa cũng đã thái bắp cải xong. Tôi thâm trộn lẫn trong đầu tất cả những thứ này với món tương Hiroshima rồi hét lên, cắt ngang một câu của Amy về Portland:

- Chúng ta sẽ ăn món okonomiyaki!
- Cô cũng biết à? chủ nhà ngạc nhiên hỏi.
- Đó là món tôi thích nhất hồi sống ở Kansai!

- Cô từng sống ở Kansai à? Hara hỏi tôi. Rinri chẳng kể gì với cậu ta. Liệu anh có hiểu được từ nào trong những điều tôi đã kể với anh ở buổi học đầu tiên không nhỉ? Tôi bỗng thấy sự có mặt của Amy ở đây buộc chúng tôi phải nói chuyện bằng tiếng Anh là phước lành và giải thích quá khứ Nhật của mình bằng giọng run run.

- Cô có quốc tịch Nhật à? Masa hỏi tôi.

- Không. Sinh ra ở đây thì chưa đủ. Không có quốc tịch nào lại khó xin như quốc tịch Nhật.

- Cô có thể thành người Mỹ, Amy nhận xét.

Tôi chuyển ngay sang chủ đề khác để không nói hớ thêm lần nào nữa:

- Tôi muốn giúp các anh một tay. Trúng đề đâu nhỉ?

- Thôi mà, cô là khách của tôi, Hara nói, cô cứ ngồi và chơi đi.

Tôi cố nhìn quanh để tìm một món đồ chơi song vô ích. Amy thấy vẻ lúng túng của tôi và bật cười.

- Asobu, cô ta nói.

- Rồi, asobu, to play[5], tôi biết, tôi trả lời.

- Không, cô không biết đâu. Động từ asobu không cùng nghĩa với động từ to play. Trong tiếng Nhật, ngay khi người ta không làm việc, thì có nghĩa là asobu.

Ra là vậy. Tôi nóng tiết khi một đứa con gái xứ Portland lại dạy cho tôi biết

điều đó, bèn giờ ngay thói thông thái rởm để đặt cô ta lại đúng vị trí của mình:

- I see[6]. Vậy thì điều đó tương đương với khái niệm otium trong tiếng Latin.

- Tiếng Latin à? Amy sững sờ nhắc lại. Khoái chí vì phản ứng của cô ta, tôi so sánh otium với tiếng Hy Lạp cổ, rồi hàng loạt từ nguyên ngôn ngữ Ấn-Âu. Phải cho cái cô quê ở Portland này biết thế nào là nhà ngôn ngữ học.

Đến khi đã ăn miếng trả miếng được cô ta thì tôi yên lặng và bắt đầu chơi theo kiểu ở nước Mặt Trời Mọc. Tôi đứng nhìn việc chuẩn bị bột làm bánh xèo, rồi xem rán món okonomiyaki. Mùi vị của bắp cải, tôm xen lẫn gừng hòa quyện vào nhau, lách tách trên bếp đưa tôi trở lại mười sáu năm về trước, hồi cô bảo mẫu Nishio dịu dàng kỳ công làm cho tôi món ăn tuyệt vời mà từ bấy đến nay tôi chưa bao giờ được ăn lại này.

Căn hộ của Hara nhỏ đến độ không một chi tiết nào có thể lọt qua mắt tôi. Rinri mở hộp tương Hiroshima theo vệt chấm chấm trên bìa rồi đặt nó vào giữa chiếc bàn thấp. “What’s that?”[7] Amy rên rỉ. Tôi vơ lấy cái hộp giấy và hít hà trong cơn nhớ nhung mùi hương của mận chát, của dấm, của rượu sakê và nước tương ấy. Trông tôi như kẻ nghiện cái hộp tương.

Khi nhận đĩa bánh xèo nhồi nhân là tôi mất ngay lớp vỏ bọc văn minh, tôi rưới nước tương lên và đánh chén luôn chẳng đợi chờ ai.

Không một quán ăn Nhật nào trên thế giới có được món ăn dân dã tuyệt diệu này, nó vừa đơn giản lại vừa thanh nhã, vừa rất ngây ngô song cũng rất cầu kỳ. Hồi đó, tôi năm tuổi, lúc nào cũng bám váy cô Nishio và tôi gào thét đến muốn vỡ tim, lưỡi như tê dại đi. Tôi đánh chén đĩa okonomiyaki, mắt mơ màng, miệng rên lên thích thú.

Khi ăn hết đĩa của mình, tôi thấy những người khác đang nhìn tôi với vẻ

ngượng ngùng lịch sự.

- Ở mỗi nước lại có cách ăn uống riêng, tôi lúng búng. Các bạn vừa chiêm ngưỡng cách của người Bỉ đấy.

- Oh my God[8]! Amy kêu lên.

Cái cô này làm gì có quyền chỉ trích ai kia chứ. Cứ nhìn cô ta nhai mà xem, dù là ăn gì thì trông cũng như nhai kẹo cao su.

Còn cậu chủ nhà thì có phản ứng làm tôi càng thấy hài lòng hơn: cậu vội vàng đi làm cho tôi thêm một chiếc bánh xèo nữa.

Chúng tôi uống bia Kirin. Tôi đã mang tới mấy chai Chimay và lạ thay lại rất hợp với món tương Hiroshima. Bia châu Á quả là loại tuyệt vời dùng trong bữa ăn.

Tôi không biết những người khác nói chuyện gì. Món đang ăn choán hết cả tâm trí tôi rồi. Tôi đang trải nghiệm cuộc phiêu lưu vào ký ức sâu kín xúc động tới mức không mong cầu chia sẻ.

Qua làn sương mờ cảm xúc, tôi nhớ là sau đó Amy có rủ chơi trò Pictionary và thế là chúng tôi chơi giải nghĩa động từ theo cách hiểu của phương Tây. Chẳng mấy chốc cô ta đã thấy tiếc vì bày ra trò này: người Nhật thường cực kỳ siêu khi cần vẽ để mô tả khái niệm. Ba chàng trai Nhật đấu với nhau là chính, trong khi tôi thì ngất ngây tiêu hóa món ăn, còn cô người Mỹ bị thua hét lên tức tối. Cô ta vui mừng vì có tôi ở đó, bởi tôi còn chơi tồi hơn cô ta. Cứ mỗi lần đến lượt mình, tôi lại vạch đại lên tờ giấy thứ gì đó giống như món khoai tây chiên.

- Come on[9]! cô ta hét lên, còn ba chàng trai thì mỗi lúc càng khó giấu cơn buồn cười.

Quả là một buổi tối tuyệt vời. Sau đó Rinri đưa tôi về.

Buổi học sau, tôi nhận thấy cách cư xử của anh thay đổi: anh nói với tôi như với một cô bạn hơn là với giáo viên. Tôi thấy vui về điều đó, nhất là khi nó lại tạo điều kiện cho anh tiến bộ: anh bớt sợ nói hơn. Ngược lại, điều đó khiến tôi càng ngại ngùng hơn khi nhận phong bì.

Lúc chia tay, Rinri hỏi tôi vì sao lúc nào cũng hẹn anh ở quán cà phê trên đại lộ Omote- Sando.

- Tôi mới ở Tokyo được có hơn hai tuần, tôi không biết quán cà phê nào khác. Nếu anh có địa chỉ nào hay hay thì cứ bảo tôi, đừng ngại.

Anh trả lời là sẽ đến đón tôi bằng ô tô. Hồi đó tôi đã bắt đầu học chương trình tiếng Nhật trong kinh doanh. Tôi học cùng với các sinh viên người Singapore, người Đức, người Canada và người Hàn Quốc, họ nghĩ rằng việc học thứ tiếng này là chìa khóa của thành công. Trong lớp thậm chí còn có cả một người Ý, nhưng chẳng mấy chốc đã thấy anh ta bỏ cuộc, vì không thể bỏ được thói quen nói có trọng âm.

So với anh chàng người Ý thì lỗi phát âm của những người Đức cứ ngoan cố nói v thay cho w, xem ra không đáng kể gì. Vẫn như mọi khi, tôi là người Bì duy nhất trong lớp.

Cuối tu lần đầu tiên tôi mới có dịp rời Tokyo. Tàu hỏa đưa tôi tới thành phố nhỏ Kamakura, cách thủ đô một giờ đi đường. Khám phá lại nước Nhật cổ kính và trầm lặng khiến mắt tôi rung rung. Dưới bầu trời xanh ngắt này, những mái nhà nặng trĩu ngói cong cong và không khí bất động vì băng giá nói với tôi rằng chúng chờ đợi tôi, rằng chúng nhớ tôi, rằng việc tôi quay lại

đã lập lại trật tự thế giới, và rằng thời kỳ trị vì của tôi sẽ kéo dài mười ngàn năm.

Lúc nào tôi cũng ủy mị hoang tưởng tự đại thế đấy.

Chiều thứ Hai, chiếc xe Mercedes trắng lớp lại mở cửa cho tôi.

- Chúng ta đi đâu?

- Đến nhà tôi, Rinri nói.

Tôi chẳng biết nói gì. Đến nhà anh ư? Anh điên rồi. Lẽ ra anh phải báo trước cho tôi chứ. Một người Nhật được dạy dỗ tử tế như anh sao lại cư xử kỳ cục vậy?

Phải chăng linh cảm của tôi về việc anh thuộc tổ chức Yakusa là đúng? Tôi sẫm soi cổ tay anh: có hình xăm nào lòi ra ngoài tay áo khoác không? Cái gáy cạo nhẵn nhụi này thể hiện sự phục tùng gã trùm nào nhỉ?

Sau một chặng đường dài, chúng tôi tới khu Den-en-Chofu sang trọng, nơi những người giàu có của Tokyo sinh sống. Cái gara nhận ra chiếc xe và nâng cánh cửa lên. Ngôi nhà thể hiện ý tưởng rằng nước Nhật những năm sáu mươi đã đạt tới đỉnh cao hiện đại. Bao quanh ngôi nhà là khu vườn có chiều rộng hai mét tạo thành vành đai xanh như khung ảnh viền quanh tòa lâu đài hình vuông bằng bê tông này.

Bố mẹ anh tiếp tôi và gọi tôi là Sensei[10] làm tôi buồn cười kinh khủng. Quý Ông trông như một tác phẩm nghệ thuật đương đại, đẹp và khó hiểu, phủ đầy đồ trang sức bằng bạch kim. Quý Bà thì trông bình thường hơn nhiều, vận bộ đồ lịch lãm và đáng kính. Họ mời tôi uống trà xanh rồi lui ra rất nhanh để không làm ảnh hưởng tới việc dạy học của tôi.

Làm thế nào để chứng tỏ mình xứng với hoàn cảnh như vậy? Tôi thấy mình

không thể bắt anh nhắc đi nhắc lại từ “trúng” trong cái khung cảnh giống như trạm vũ trụ này. Sao anh lại đưa tôi đến đây nhỉ? Anh có ý thức được hiệu ứng nơi này gây ra cho tôi không? Rõ ràng là không.

- Anh vẫn thường sống ở ngôi nhà này à

- Vâng.

- Thật tuyệt vời.

- Không đâu.

Anh không có quyền trả lời khác đi. Tuy nhiên, điều đó cũng không hoàn toàn sai. Dù sao thì ngôi nhà trông vẫn giản dị. Ở bất kỳ nước nào khác, một gia đình giàu có như vậy hẳn đã ở trong lâu đài. Nhưng so với mức sống của người Tokyo, ví dụ như với căn hộ của cậu bạn Hara của anh, thì tòa biệt thự này vẫn gây choáng vì nó thật đồ sộ, uy nghi và yên tĩnh.

Tôi gắng gượng tiếp tục bài giảng, cố tránh không nói về ngôi nhà cũng như về bố mẹ anh nữa. Tuy nhiên tôi vẫn không thoát được cảm giác khó chịu làm sao ấy. Tôi cảm thấy như mình đang bị theo dõi. Chắc là tại chúng hoang tưởng của tôi thôi. Quý Ông và Quý Bà vô cùng đáng hoàng nên chắc chẳng đời nào lại tiêu khiển bằng mấy trò đó.

Dần dà, tôi cảm thấy Rinri cũng có nghi ngờ tương tự như mình. Anh dè chừng nhìn xung quanh. Có con ma ám tòa lâu đài bê tông này chẳng? Anh ra hiệu ngắt lời tôi và rón rén tiến lại gần gầm cầu thang.

Anh bật kêu lên rồi tôi trông thấy một ông lão cùng một bà lão lao vọt ra như hai con quỷ chui ra từ chiếc hộp, họ cười rú lên và càng cười khiếp hơn khi trông thấy tôi.

- Xin giới thiệu với cô giáo, đây là ông bà tôi.

- Cô giáo! Cô giáo! Hai cụ già kêu lên giọng the thé, hình như họ nghĩ rằng tôi giống cái kèn hai ống có rãnh trượt hơn là cô giáo.

- Cháu chào ông, cháu chào bà ạ...

Bất kỳ lời nói, cử chỉ nào của tôi cũng đều khiến họ cười như bị ma làm. Họ nhăn nhó, vỗ vỗ lưng cậu cháu trai, rồi vỗ lên lưng tôi, uống cả trà trong chén của tôi. Cụ bà sờ trán tôi, kêu lên: “Sao mà trắng thế!” rồi lăn ra cười, và chồng bà cũng bắt chước theo.

Rinri mỉm cười nhìn họ nhưng vẫn tỏ ra điềm tĩnh. Tôi nghĩ chắc ông bà anh già quá hóa lắm cảm. Anh và bố mẹ anh thật đáng ngưỡng mộ vì vẫn giữ lại nhà những tàn tích diên gàn này. Sau màn chen ngang kéo dài khoảng mười phút, cậu học trò của tôi cúi người trước ông bà và xin họ làm ơn leo lên phòng riêng nghỉ ngơi, bởi chắc họ phải mệt sau khi đùa như vậy.

H cụ già khùng khiếp rớt cuộc cũng tuân theo mệnh lệnh, song vẫn không quên trêu chọc tôi cho đã trước khi bỏ đi.

Tôi không hiểu hết những gì họ nói, nhưng nắm được ý chính. Sau khi họ biến mất, tôi nhìn chàng trai, mắt có ý hỏi. Nhưng anh chẳng nói gì.

- Ông bà anh... đặc biệt thật, tôi nhận xét.

- Ông bà già rồi, chàng trai dè dặt trả lời.

- Ông bà có gặp chuyện gì không? tôi cứ gắng hỏi.

- Ông bà già đi.

Cứ thế này thì chẳng thể nào thoát ra được. Buộc phải thay đổi chủ đề thôi. Tôi thấy một bộ dàn Bang & Olufsen nên hỏi anh nghe nhạc gì. Anh nói với

tôi về Ryuichi Sakamoto. Từng bước từng bước một, chúng tôi đi đến cuối buổi học. Chưa bao giờ tôi thấy mệt vì dạy học như buổi hôm nay. Khi nhận chiếc phong bì, tôi nghĩ mình không đánh cắp nó. Anh chở tôi về mà không nói lời nào.

Tôi tìm hiểu và biết rằng ở Nhật, những hiện tượng như vậy là chuyện thường gặp. Tại đất nước nơi mọi người luôn phải gắng giữ sao cho phải phép suốt cả cuộc đời thế này, thì thường khi đến ngưỡng tuổi già, người ta suy sụp và tự cho phép mình cư xử kỳ cục hết sức, mặc dù vậy, người thân trong gia đình vẫn chăm nom họ, theo truyền thống.

Tôi thấy như thế thật dũng cảm. Nhưng ban đêm, những cơn ác mộng cứ ám ảnh tôi. Tôi mơ thấy ông bà Rinri vừa cười rú lên vừa giật tóc và véo má tôi.

Khi chiếc Mercedes trắng tinh trắng ngần lại ban tặng cho tôi sự niềm nở của nó, tôi lưỡng lự không muốn lên xe.

- Chúng ta tới nhà anh à?

- Vâng.

- Anh không sợ phiền bố mẹ và nhất là ông bà anh sao?

- Không. Họ đi nghỉ rồi.

Tôi ngồi vào ghế cạnh anh.

Anh im lặng lái xe. Tôi thích người ta có thể bỏ qua việc nói chuyện phiếm như thế này mà vẫn không hề cảm thấy ng. Điều đó cho phép tôi quan sát

thành phố kỹ hơn và thi thoảng được ngắm gương mặt nhìn nghiêng bất động một cách lạ thường của cậu học trò.

Về đến nhà, anh pha cho tôi một chén trà xanh còn anh thì dùng lon Coca, chi tiết này khiến tôi buồn cười vì anh thậm chí không hỏi xem tôi thích gì. Chắc anh cho rằng một cô gái nước ngoài đương nhiên sẽ cảm thấy thích thú với thứ đồ uống Nhật tao nhã đó, còn anh thì đã nếm đủ rồi.

- Gia đình anh đi nghỉ ở đâu?

- Ở Nagoya. Đó là thành phố quê hương ông bà tôi.

- Thi thoảng anh có tới đó chứ?

- Không, ở đó buồn lắm.

Tôi thích những câu trả lời thẳng thừng của anh. Tôi được biết đó là bố mẹ của Quý Bà. Ông bà nội anh không còn nữa, tin đó khiến tôi thấy nhẹ cả người: vậy là trên đời này chỉ có hai con quý.

Vì tò mò, tôi đánh bạo đề nghị anh cho thăm quan ngôi nhà. Anh không thấy khó chịu và dẫn tôi đi xem qua một loạt những gian phòng và cầu thang quanh co rắc rối. Bếp và các phòng tắm trông rất hoành tráng hiện đại. Các phòng ngủ thì khá đơn giản, nhất là phòng anh: một chiếc giường sơ sài kê sát tủ sách. Tôi xem tên sách: toàn tập tác phẩm của Kaiko Takeshi, nhà văn ưa thích nhất của anh, rồi còn có cả Stendhal và Sartre. Tôi biết Sartre rất được người Nhật hâm mộ, họ thấy ông hết sức lạ lùng: buồn nôn trước hòn đá cuội bị biến bào mòn thật trái ngược với thái độ Nhật, vậy nên tác giả gọi lên sức cuốn hút mà điều lạ lùng thường tạo ra.

Thấy sách của Stendhal khiến tôi vui và càng thêm ngạc nhiên. Tôi nói với anh rằng đó là một trong những tác giả tôi tôn thờ. Anh rất cảm động. Tôi chưa bao giờ thấy anh cười như vậy.

- Tuyệt vời, anh nói. Anh nói đúng.

- Anh là độc giả tốt đấy.

- Tôi nghĩ suốt đời mình chỉ toàn nằm đọc sách trên giường này.

Tôi xúc động nhìn tấm nệm bông, tưởng tượng ra cậu học trò nằm trên đó suốt bao năm trời, tay cầm sách đọc.

- Tiếng Pháp của anh tiến bộ lắm, tôi

Anh xòe tay chỉ vào tôi, ý nói nhờ có tôi.

- Không, tôi không phải là giáo viên giỏi đâu. Đó là nhờ anh.

Anh nhún vai.

Trên đường đưa tôi về, khi đi qua một bảo tàng, anh nhìn thấy tấm áp phích mà tôi không đọc được.

- Cô có muốn đi xem triển lãm này không? anh hỏi tôi.

Tôi có muốn xem một triển lãm mà tôi hoàn toàn chẳng biết gì không ư? Có chứ.

- Tôi sẽ tới đón cô vào chiều mai, anh nói. Tôi thấy thích thú với cái ý nghĩ là không biết mình sẽ đi xem triển lãm hội họa, điêu khắc hay hồi cứu lịch sử của những món đồ khác nhau. Thường là nên đi xem triển lãm theo cách như vậy, ngẫu nhiên, hoàn toàn không biết gì. Điều quan trọng là có ai đó muốn cho ta xem cái gì đó, vậy thôi.

Chiều tối hôm sau, tôi vẫn không hiểu được gì thêm về chủ đề của cuộc

triển lãm. Có những bức tranh có lẽ là hiện đại, nhưng tôi không chắc chắn lắm; những bức phù điêu mà tôi chẳng biết nhận xét thế nào. Chẳng mấy chốc, tôi hiểu ra là quang cảnh trong gian phòng mới chính là điều đáng để xem nhất. Điều khiến tôi ấn tượng nhất là công chúng Tokyo kính cẩn dừng bước trước mỗi tác phẩm và nghiêm túc quan sát rất lâu.

Rinri cũng làm như họ. Cuối cùng tôi hỏi anh:

- Anh thích à?

- Tôi không biết.

- Cái đó thu hút anh à?

- Không nhiều lắm.

Tôi bật cười. Mọi người nhìn tôi khó chịu.

- Nếu thích thì anh sẽ phản ứng thế nào? Anh không hiểu câu hỏi của tôi. Tôi không gắng hỏi nữa.

Lúc ra khỏi bảo tàng, có người phân phát tờ rơi. Tôi không thể đọc chúng, nhưng rất khoái nhìn mọi người háo hức cầm tờ giấy và đọc. Rinri hẳn đã quên là tôi hầu như chưa nắm được những chữ tượng hình, bởi sau khi đọc tờ rơi của mình, anh vừa chỉ vào nó vừa hỏi tôi có thích tới đó không. Chẳng có gì quỵến rũ hơn cái từ đó khi nó chỉ điều ta chưa biết. Tôi phân khởi đồng ý.

- Vậy tới ngày kia tôi tới đón cô, anh nói.

Tôi cảm thấy phân khích với ý nghĩ là không biết liệu chúng tôi sẽ đi biểu tình chống hạt nhân, dự buổi trình diễn của các nhà làm phim video với sự tham gia tích cực của công chúng, hay tới xem một vở múa đương đại đây.

Chẳng biết phải ăn vận sao cho hợp cảnh nên tôi ăn mặc kiểu chung chung nhất. Tôi đánh cược là Rinri sẽ mặc bộ đồ quen thuộc của anh. Quả vậy, anh cải trang thành chính mình để đưa tôi đến nơi đã định. Hóa ra là một buổi khai mạc triển lãm.

Đó là một nghệ sĩ người Nhật mà tôi đã quên hẳn họ tên. Tranh của ông ta chán ngắt, nhưng khán giả vẫn tỏ ra trân trọng một cách thật đáng ngưỡng mộ trước mỗi tác phẩm, với vẻ kiên trì tuyệt vời đặc trưng cho họ. Một buổi tối như vậy hẳn sẽ khiến tôi có cảm tình trở lại với nhân loại nếu như người họa sĩ không hiện diện một cách đau đớn ở đó. Tôi khó mà tin được rằng người đàn ông độ chừng năm mươi lăm tuổi này lại thuộc về dân tộc ấy, ông ta thật đáng ghét. Rất nhiều người tới chúc mừng ông ta, thậm chí tới mua một vài bức tranh của ông ta dù với giá cắt cổ. Ông ta khinh khỉnh nhìn những con người ấy. Hẳn là ông ta coi họ như một điều bất tiện nhưng vẫn nhất thiết phải chịu đựng. Tôi không thể ngăn mình tới bắt chuyện với ông ta.

- Xin lỗi, tôi không tài nào hiểu được tranh của ông. Ông có thể giải thích cho tôi được không?

- Chẳng có gì mà hiểu, chẳng có gì mà giải thích, ông ta trả lời tôi vẻ chán ghét. Phải cảm nhận.

- Tôi hỏi ông chính vì tôi chẳng cảm nhận được gì hết.

- Kệ cô thôi.

Tôi không nói lại nữa. Xét cho cùng thì ông ta cũng có cái lý riêng. Từ buổi khai mạc triển lãm đó, tôi rút ra một kết luận tuy, đúng theo lẽ, nó chưa từng giúp ích cho tôi: đó là nếu ngày nào đó tôi trở thành nghệ sĩ, dù có tài hay không có tài, tôi sẽ triển lãm ở Nhật. Khán giả Nhật là khán giả tuyệt vời nhất trên đời và, hơn nữa, họ còn mua tác phẩm. Không nói đến chuyện

tiền bạc, với người nghệ sĩ sáng tạo, thật tuyệt vời biết bao khi thấy tác phẩm của mình được đón nhận với sự chú ý nhường ấy!

Buổi học sau đó, Rinri đề nghị tôi nói tới vấn đề xung hô lịch sự. Tôi ngạc nhiên là vấn đề này lại khó hiểu với một người sử dụng thứ ngôn ngữ lịch sự phức tạp nhất trên đời.

- Vâng, anh ta nói. Nhưng, ví dụ, tại sao chúng ta lại xung hô theo kiểu lịch sự?

- Vì tôi là giáo viên của anh.

Anh chấp nhận lời giải thích của tôi mà không hề cau mày. Tôi suy nghĩ rồi nói thêm:

- Nếu anh thấy phiền thì chúng ta có thể quyết định xung hô thân mật hơn.

- Không, không.

Anh nói, vẻ rất tôn trọng điều mà hình như anh coi là thông lệ.

Tôi hướng bài học tới những mối quan tâm bình thường hơn. Cuối buổi học, khi đưa cho tôi cái phong bì, anh hỏi liệu có thể tới đón tôi vào chiều thứ Bảy không.

- Đi đâu cơ? tôi hỏi.

- Chơi.

Tôi thấy thích thú với câu trả lời nên đồng ý.

Về phần mình cũng vậy, tôi đi học tiếng Nhật và tiến bộ hết mức có thể. Chẳng mấy chốc tôi đã khiến người khác khó chịu. Cứ mỗi khi có chi tiết nào thấy tò mò là tôi giơ tay ngay. Các giáo viên chỉ thiếu chút nữa là bị nhồi máu cơ tim khi thấy mấy ngón tay tôi chìa thẳng lên trời. Tôi nghĩ họ yên lặng là để cho tôi nói nên dạn dĩ đặt câu hỏi. Mà thật lạ là họ chẳng trả lời cho ra môn ra khoai gì cả.

Sự việc kéo dài cho tới cái ngày một trong các giáo viên thấy cử chỉ quen thuộc của tôi liền hét vào mặt tôi rất hung bạo:

- Thôi đi!

Tôi sống người lại, trong khi các sinh viên khác nhìn tôi chăm chăm.

Sau buổi học, tôi đi xin lỗi thầy giáo, và nhất là để biết mình mắc tội gì.

- Không ai lại đặt câu hỏi cho giáo viên.

Thầy giáo trách mắng tôi.

- Nhưng lỡ không hiểu thì sao

- Phải hiểu!

Vậy là tôi biết vì sao việc dạy ngoại ngữ ở Nhật lại thất bại thảm hại rồi.

Cũng có những buổi học mà mỗi người phải giới thiệu đất nước mình. Tới lượt tôi, tôi thấy rõ mình được thừa hưởng một hồ sơ khó. Ai nấy đều nói về một đất nước đã quen thuộc. Tôi là người duy nhất phải chỉ rõ quốc gia của mình nằm ở châu lục nào. Tôi tiếc là lại có mặt mấy sinh viên người Đức, vì nếu không có họ thì tôi đã có thể tha hồ ba hoa, chỉ vào một hòn đảo ở ngoài khơi Châu Đại dương trên bản đồ, bịa ra những phong tục mọi rợ như

đặt câu hỏi cho giáo viên. Tôi đành phải trình bày theo cách cổ điển. Trong khi nói, tôi bực mình thấy mấy sinh viên người Singapore hào hứng xĩa những chiếc răng bằng vàng.

Chiều thứ Bảy, tôi thấy chiếc Mercedes còn trắng hơn cả thường lệ.

Tôi được biết chúng tôi sẽ đi Hakone. Vì chẳng biết gì về nơi này nên tôi hỏi thêm chút thông tin. Sau khi lúng búng một hồi, Rinri nói là rồi tôi sẽ thấy. Đường đi đối với tôi dường như dài vô tận, dọc đường đầy những trạm thu phí cầu đường.

Cuối cùng chúng tôi tới một cái hồ rộng mênh mông, bao quanh là những ngọn đồi và hàng cây tori đẹp như tranh vẽ. Người ta tới đây dạo chơi bằng thuyền hoặc xe đạp nước. Chi tiết cuối cùng này làm tôi buồn cười. Hakone là địa điểm dạo chơi vào ngày Chủ nhật của những người Tokyo theo chủ nghĩa lãng mạn kiểu Lamartine[11].

Chúng tôi lướt đi trên sóng hồ trong một thứ giống như chiếc phà. Tôi thích thú trước cảnh những gia đình người Nhật vừa say mê ngắm phong cảnh vừa lau chùi thay tã cho đứa con út, những đôi tình nhân ăn vận những bộ đồ đôi, tay trong tay.

- Anh đã bao giờ đưa người yêu tới đây chưa?

Tôi hỏi.

- Tôi không có người yêu.

- Trước kia, anh có người yêu chứ?

- Có. Tôi không đưa cô ấy đến đây

Vậy hóa ra tôi là người đầu tiên được hưởng vinh hạnh này. Hẳn vì tôi là người nước ngoài.

Trên tàu có một chiếc loa phóng thanh phát ra những bài hát màu mè nhạt nhẽo. Tàu ghé qua bến đỗ gần một cây tori: chúng tôi xuống và đi dạo trên một đoạn đường có đặt cọc tiêu thật thơ mộng. Các đôi dừng lại ở những chỗ đã định và xúc động ngắm nhìn cảnh mặt hồ qua tán cây tori. Đám trẻ con ríu ra ríu rít như để báo cho những người yêu nhau về tương lai đầy lãng mạn. Tôi thấy vui.

Sau cuộc dạo chơi bằng tàu, Rinri mua cho tôi một cốc kori: tôi rất mê món đá bào rưới xi rô vị trà lễ này. Từ thời thơ ấu đến giờ tôi chưa được ăn lại món đó. Nó kêu lạo xạo dưới răng.

Trên đường về, tôi tự hỏi tại sao chàng trai này lại đưa tôi tới Hakone. Đương nhiên là tôi rất vui vì chuyến thăm quan đặc biệt đó, nhưng còn anh, vì sao anh lại muốn chỉ cho tôi xem chôn đó? Có lẽ tôi đã đặt quá nhiều câu hỏi rồi. Hơn tất cả những dân tộc khác trên trái đất, người Nhật làm những việc cần làm, vậy thôi. Và như vậy thật tốt.

Tôi cảm thấy Rinri chờ tôi mời đến nhà chơi. Đó là điều lịch sự tối thiểu, bởi tôi đã đến nhà anh biết bao nhiêu lần rồi.

Tuy nhiên, tôi vẫn bướng bỉnh không chịu làm vậy. Lúc nào tôi cũng thấy khổ sở khi phải mời ai về nhà chơi, dù cho đó có là ai đi chăng nữa. Chẳng hiểu tại sao nhưng chỗ ở của tôi không phải là nơi để giao đãi bạn bè.

Từ khi bắt đầu sống tự lập là chỗ ở của tôi lập tức giống hệt cái nhà kho bị những kẻ tị nạn chính trị chiếm giữ, những kẻ lúc nào cũng sẵn sàng lui đi khi thấy cảnh sát ập đến.

Đầu tháng Ba, Christine gọi điện cho tôi. Cô về Bỉ thăm mẹ một tháng và nhờ tôi đến ở căn hộ nhà cô ấy để tưới cây. Tôi đồng ý và đến nhà cô. Thật không tin nổi vào mắt mình nữa: Christine sống trong căn hộ cực kỳ hiện đại và đẹp đẽ, trong một tòa nhà theo phong cách vị lai, trông ra những tòa khác cũng theo khuynh hướng vị lai. Tôi há hốc miệng nghe Christine giải thích cách vận hành ngôi nhà kỳ diệu này nơi mọi thứ đều được tin học hóa hết. Đám cây xanh giống như những vết tích thời tiền sử còn sót lại, chỉ nhằm mục đích duy nhất là cho tôi cái cơ được sống trong tòa lâu đài nguy nga này một tháng.

Tôi nóng lòng chờ Christine đi và dn đến cái căn cứ vũ trụ này. Không nghi ngờ gì, ở đây chẳng giống nhà tôi chút nào. Mỗi phòng đều có điều khiển từ xa để lập chương trình âm nhạc, điều chỉnh nhiệt độ và thực hiện những việc diễn ra gần đó. Vậy nên khi nằm trên giường tôi cũng có thể nấu đồ ăn trong lò vi sóng, chạy máy giặt và đóng rèm phòng khách.

Hơn nữa, tòa nhà lại ở ngay cạnh doanh trại Ichigaya nơi Mishima^[12] đã tự tử theo nghi lễ truyền thống. Tôi cảm thấy mình sống ở nơi vô cùng quan trọng và cứ đi đi lại lại trong căn hộ, vừa nghe nhạc Bach vừa quan sát sự hòa hợp bí ẩn giữa đàn clavecin với phong cảnh đô thị như ảo ảnh và bầu trời quá trong xanh kia.

Trong bếp, máy nướng bánh thông minh đẩy những lát bánh mì lên khi nó cảm thấy chúng đã đủ giòn. Lúc đó, một điệu nhạc chuông liền nổi lên, tôi thấy nó quyến rũ quá đi mất. Tôi lập cả một chương trình hòa nhạc bằng nhạc tín hiệu của các máy gia dụng điện tử.

Tôi chỉ đưa số điện thoại nơi này cho một người duy nhất và người đó gọi cho tôi ngay.

- Căn hộ thế nào? Rinri hỏi.

- Với anh thì có lẽ cũng thường thôi. Với tôi thì không thể tin được. Thứ Hai đến đây học, anh sẽ thấy.

- Thứ Hai à? Giờ là thứ Sáu. Thứ Hai thì lâu quá. Tối nay tôi đến có được không?

- Đến ăn tối à? Tôi không biết nấu ăn đâu.

- Tôi sẽ lo liệu mọi chuyện.

Tôi chẳng tìm được có gì để từ chối, vả lại điều đó cũng khiến tôi hài lòng. Đây là lần đầu tiên cậu học trò của tôi tỏ ra dạn dĩ. Chắc là nhờ căn hộ của Christine. Một nơi không thuộc về cả hai chúng tôi, đó là điều làm thay đổi cục diện.

Lúc mười chín giờ, tôi nhìn thấy gương mặt cậu học trò trên màn hình điện thoại nội bộ và mở cửa cho anh. Rinri đến cùng một chiếc va li mới toanh.

- Anh đi xa à?

- Không, tôi đến nấu ăn ở nhà cô.

Tôi đưa anh đi xem căn hộ, có vẻ như Rinri không thấy lóa mắt như tôi

- Được đây, anh nói. Cô có thích món pho mát rượu Thụy Sĩ không?

- Có, thì sao?

- Tốt quá. Tôi mang đồ đến để làm món đó.

Dần dà tôi phát hiện ra người Nhật rất sùng bái các vật dụng dành riêng cho từng hoạt động trong cuộc sống: vật dụng leo núi, vật dụng đi biển, vật

dụng đánh gôn, và tối nay, vật dụng để nấu món pho mát rượu Thụy Sĩ. Ở nhà Rinri có hẳn một phòng chứa các va li sắp xếp rất gọn ghẽ, sẵn sàng cho những hoạt động này.

Trước ánh mắt như bị thôi miên của tôi, chàng trai mở va li đặc dụng ra, và tôi thấy những món đồ được xếp đặt cố định, đầu vào đáy: bếp phun lửa dùng trên tàu vũ trụ, nồi sâu lòng chống dính, túi pho mát bằng màng polystyrène[13], chai rượu vang trắng chống đông và những mẫu bánh mì không vỡ vụn. Anh đặt những món đồ đặc biệt đó lên chiếc bàn bằng thủy tinh hữu cơ.

- Tôi bắt đầu nhé? - Anh hỏi.

- Vâng, tôi nóng lòng được xem đây.

Anh rót polystyrène và rượu chống đông vào nồi, nhóm bếp, kỳ lạ là cái bếp không bay lên trời[14], rồi trong khi máy chất đó cùng tạo ra các phản ứng hóa học, anh lôi trong va li ra mấy cái đĩa bắt chước kiểu Tyrol[15], đĩa dài và ly có chân “để uống chỗ rượu còn lại”.

Tôi chạy đi tìm Coca trong tủ lạnh, cam đoan là thứ đồ uống này rất hợp với món pho mát rượu Thụy Sĩ, rồi rót đầy vào ly có chân dành cho mình.

- Xong rồi đấy, anh thông báo.

Chúng tôi đứng cảm ngời đối diện nhau, và tôi đánh bạo lấy đĩa xiên một miếng bánh mì không vỡ vụn nhúng vào thứ hỗn hợp chất lỏng. Tôi lôi nó ra và thán phục nhìn vô số sợi tơ ngay lập tức xuất hiện trên miếng bánh.

- Vậy đấy, Rinri tự hào nói, nấu theo cách này tạo được rất nhiều sợi t

Ai cũng biết mục đích thực sự của món pho mát rượu Thụy Sĩ là tạo ra những sợi tơ như thế mà. Tôi cho thứ đó vào miệng và nhai: chẳng có vị gì

hết. Tôi hiểu ra là người Nhật thích pho mát rượu Thụy Sĩ vì nó giống như trò chơi và họ đã tạo ra một món chẳng còn mùi vị vốn là chi tiết khó chịu duy nhất của món ăn truyền thống này.

- Ngon tuyệt, tôi khẳng định, cô không phá lên cười.

Rinri thấy nóng và, lần đầu tiên, tôi thấy anh không mặc áo da đen. Tôi đi lấy một chai xốt cay tabasco, viện cớ là ở Bỉ người ta ăn món pho mát rượu Thụy Sĩ với ớt đỏ. Tôi nhúng một miếng bánh mì vào chất polystyrène nóng, lôi lên hàng nghìn sợi tơ, đặt cái khối màu vàng đỏ vào trong đĩa và rưới tobasco lên cho nó có mùi vị. Chàng trai nhìn tôi làm trò và tôi thề là thấy trong mắt anh câu này: “Người Bỉ kỳ quặc thật”. Chính anh mới thật kỳ quặc.

Chẳng mấy chốc tôi thấy chán món pho mát rượu theo kiểu đương đại.

- Rinri, anh kể cho em nghe đi.

- Ồ, cô lại... xưng em với tôi à?

- Sau khi đã cùng nhau ăn món pho mát rượu thế này thì phải xưng hô anh em chứ.

Chắc là chất polystyrène vẫn còn đang xâm chiếm trí não tôi, tổng hợp thành một dạng hoang tưởng thể nghiệm. Trong khi Rinri cố vắt óc tìm ra chuyện gì đó để kể thì tôi thôi tắt bếp, làm anh chàng Nhật rất ngạc nhiên, tôi đổ nốt chỗ rượu chống đông vào hỗn hợp cho nó nguội đi, rồi nhúng cả hai tay vào thứ hồ đó.

Chàng khách của tôi kêu lên:

- Sao cô lại làm thế?

- Để xem thôi.

Tôi lôi tay ra và khoái trí nhìn cái móng bóng bong những sợi tơ dính hai tay tôi lại với nhau. Một lớp pho mát giả dày cộp phủ lên tay tôi.

- Cô làm thế nào để rửa sạch tay bây giờ?

- Dùng nước và xà phòng.

- Không, thứ này dính ghê lắm. Cái nôi có tráng chất chống dính, tay cô thì

- Cứ để xem sao.

Quả thật, nước lã và xà phòng rửa bát không hề làm trôi đi lớp bao tay vàng vàng của tôi.

- Tôi sẽ thử dùng dao làm bếp gọt tay xem sao.

Tôi tiến hành ngay trước ánh mắt hoảng sợ của Rinri. Việc gì phải đến đã đến: tôi gọt vào gan bàn tay và máu phụt ra từ lớp màng chất dẻo. Tôi đưa vết thương lên miệng để không biến nhà cửa thành hiện trường một vụ án mạng.

- Cô cho phép nhé, chàng trai nói.

Anh quỳ xuống, nắm lấy một bàn tay tôi rồi bắt đầu dùng răng nạo. Chắc chắn đó là phương pháp hiệu quả nhất, nhưng cảnh chàng hiệp sĩ quỳ gối trước quý bà, nhẹ nhàng cầm những ngón tay nàng mà gặm lớp chất dẻo làm tôi phá lên cười. Chưa bao giờ thái độ lịch thiệp với phụ nữ lại làm tôi sững sờ đến như vậy.

Rinri không để tôi làm cho bối rối, vẫn dùng răng nạo đến cùng. Việc diễn

ra rất lâu và trong lúc đó, tôi dần quen với tình huống kỳ quặc này. Sau đó, như bác nghệ nhân cầu toàn, anh dùng xà phòng và miếng mút cọ rửa những ngón tay tôi trong bồn rửa.

Khi xong việc, anh chăm chú ngắm nhìn thành quả và thở phào nhẹ nhõm. Tình tiết này dường như cởi bỏ mọi ràng buộc trong tâm can anh. Anh ôm lấy tôi rồi không buông ra nữa.

Sáng hôm sau, cảm giác tay khô đến đau rát làm tôi tỉnh giấc. Trong lúc bôi kem vào tay, tôi nhớ lại tối và đêm qua. Vậy là có một chàng trai trên giường. Phải làm gì bây giờ nhỉ?

Tôi đánh thức anh dậy và dịu dàng nói với anh là ở nước tôi, theo truyền thống, người đàn ông phải ra đi lúc mờ sáng. Chúng tôi suýt không tôn trọng truyền thống, vì mặt trời đã lên rồi. Chúng tôi sẽ coi thiếu sót đó là vì ở đây xa quá. Tuy nhiên cũng không thể lạm dụng lý lẽ ấy mãi được. Rinri hỏi theo tục lệ Bỉ thì chúng tôi có được gặp lại nhau không.

- Có, tôi trả lời.

- Anh sẽ đến đón em lúc ba giờ chiều.

Tôi hài lòng nhận thấy những lời giảng giải của mình về việc xưng hô anh em đã có kết quả. Anh ẵm chào từ biệt tôi. Tôi nhìn anh đi xa dần, trên tay là chiếc va li đựng đồ nấu món pho mát rượu Thụy Sĩ.

Ngay khi còn lại một mình, tôi đã cảm thấy một niềm vui vô bờ bến trào dâng. Tôi nhớ lại các sự kiện trong tâm trạng vừa sung sướng vừa sững sờ. Tóm lại, điều làm tôi ngạc nhiên nhất không phải là những hành động kỳ quặc của Rinri, mà là điều kỳ quặc tuyệt đỉnh này: tôi có quan hệ với một

người đáng yêu và quyến rũ. Hành động và lời nói của anh chưa bao giờ xúc phạm tôi. Tôi không hề biết là điều đó tồn tại.

Tôi pha nửa lít trà đặc sệt và vừa uống vừa nhìn doanh trại Ichigaya qua cửa sổ. Chẳng hề có ý muốn mở bụng tự tử sáng nay. Nhưng vô cùng muốn được viết. Dù rằng cuốn sách viết ở Tokyo này có gây sốc chẳng nữa thì tôi vẫn cứ phải viết. Tôi bắt đầu viết trên trang giấy trắng tinh, tin chắc là sẽ có động đất.

Kỳ lạ là chẳng có trận động đất nào hết. Với vùng chúng tôi ở thì sự yên tĩnh dưới lòng đất này thật kỳ lạ, chỉ có thể giải thích là nhờ hoàn cảnh thuận lợi.

Đôi khi, tôi ngừng viết, vừa ngắm nhìn Tokyo qua khung cửa kính rộng vừa nghĩ: “Mình có quan hệ với một anh chàng ở đây.”

Tôi thấy ngơ ngẩn vì điều đó, rồi lại viết tiếp.

Cả ngày trôi qua như vậy. Những ngày như thế thật là tuyệt vời.

Ngày hôm sau, sự đúng giờ của chiếc Mercedes chỉ có thể so sánh với lớp sơn trắng toát của nó.

Rinri đã thay đổi. Trông cách anh lái xe không còn quá cứng đờ và thờ ơ nữa. Sự yên lặng của anh càng tăng vì vẻ bối rối thú vị.

- Mình đi đâu? tôi hỏi.

- Rồi em sẽ thấy.

Câu trả lời đó sẽ trở thành một trong những câu cổ điển của anh; dù nơi đến tuyệt đẹp hay chẳng có gì đáng kể, các câu hỏi của tôi chỉ nhận được những câu trả lời “rồi em sẽ thấy”. “Rồi-em-sẽ-thấy” là xứ Cythère^[16] của chàng

traì này, một địa điểm không cố định mà chức năng duy nhất là cho chiếc xe một hướng đi.

Chủ nhật này mở màn cho một nơi “rem-sẽ-thấy” nằm ở Tokyo: công viên Olympic. Tôi thấy ý tưởng này hay vì nó có ý nghĩa, nhưng hoàn toàn chẳng làm tôi quan tâm: tôi vốn chẳng bao giờ say mê những trò thi đấu dù là của những đội danh tiếng nhất. Tôi nhìn sân vận động và các thiết bị thể thao với vẻ lịch sự tuyệt vời của kẻ thờ ơ, lắng nghe những lời giải thích dè sẻn của Rinri mà chỉ chú ý đến những tiến bộ trong tiếng Pháp của anh. Rinri mà thi Olympic ngoại ngữ thì thể nào cũng được huy chương vàng.

Chúng tôi chẳng phải là những cặp tình nhân duy nhất, nếu dùng thứ ngôn từ thông dụng, đi dạo quanh sân vận động. Tôi rất thích cái “hành trình bắt buộc” trong những thử thách gian nan của chúng tôi: truyền thống đất nước này tạo ra cho những cặp tình nhân gấn bó ngày một ngày hai hay những đôi lứa bên nhau trọn đời một dạng cơ sở hạ tầng để họ khỏi phải đau đầu suy nghĩ xem đi đâu chơi. Điều này giống như một trò chơi tập thể. Bạn thấy có tình cảm với ai đấy ư? Thay vì vẽ chuyện ngồi nghĩ ngợi về bản chất thực sự của mối bán loạn trong tâm tư, hãy đưa người đó vào ván cờ triệu phú của chúng tôi, hay đúng hơn là ván cờ tình cảm. Tại sao ư? Rồi bạn sẽ thấy.

“Ròi-em-sẽ-thấy” là thứ triết lý tốt nhất.

Rinri và tôi chẳng hề biết chúng tôi làm gì cùng nhau hay đi đâu nữa. Chúng tôi tò mò khám phá lẫn nhau một cách đầy thiện chí trong khi làm ra vẻ quan tâm thăm thú nơi này nơi nọ. Ô xuất phát trong ván cờ tình cảm kiểu Nhật làm tôi thấy khoái chí.

Rinri nắm tay tôi, cũng như mỗi người đàn ông trong hành trình này nắm tay người yêu mình. Đến bực danh dự, anh nói với tôi:

- Đây là bực danh dự.

- Thế à, tôi trả lời.

Đến trước bể bơi, anh bảo tôi:

- Đây là bể bơi.

- Ra vậy đấy, tôi hết sức nghiêm trang trả lời.

Không đời nào tôi chịu đổi chỗ cho bất cứ ai trong trò chơi này. Tôi chơi đùa nhón nhơ và khơi gợi ra bao điều mới mẻ, bước về phía võ đài để được nghe “đây là võ đài”, v.v. Những lời giới thiệu đó làm tôi vui.

Đến mười bảy giờ, như phần lớn những cô người yêu địa phương, tôi nhận được một cốc kori vị lựu. Tôi hào hứng nhai lớp đá bào nhuộm màu rau rầu. Nhận thấy là những anh chàng hào xung quanh sau khi mua kem cho người yêu đều nhận được những biểu hiện biết ơn dịu dàng, tôi cũng chẳng hà tiện gì mà không làm thế với Rinri. Tôi thích cái cảm giác bắt chước cách đáp trả của các cô gái đứng quanh mình.

Xâm tối, trời bắt đầu lạnh. Tôi hỏi Rinri là ván cờ tình cảm chuẩn bị gì cho buổi tối.

- Gì cơ? anh hỏi lại.

Để anh khỏi phải bối rối, tôi mời anh đến căn hộ của Christine. Anh có vẻ vừa vui vừa thấy nhẹ nhõm.

“Rồi-em-sẽ-thấy” chưa bao giờ tuyệt diệu như khi ở trong một tòa nhà Tokyo hoàn hảo. Nhạc Bach vang lên ngay khi tôi mở cửa.

- Nhạc Bach đấy, tôi nói. Giờ đến lượt tôi mà.

- Anh rất thích, Rinri nhận xét.

Tôi quay lại phía anh và chỉ vào anh:

- Đây là anh.

Sau khi yêu nhau, chẳng còn quy luật nào nữa. Tôi thấy trên gối một người khác hẳn. Anh nhìn tôi rất lâu rồi nói:

- Bánh trai[17] quá em.

Đó là cấu trúc câu kiểu tiếng Anh dịch vụng về sang tiếng Pháp. Tôi chẳng đời nào lại sửa lỗi của anh. Đã ai khen tôi bánh trai bao giờ đâu.

- Phụ nữ Nhật xinh hơn nhiều, tôi nói.

- Không phải thế.

Tôi thấy khoái vì khiếu thẩm mỹ tồi của anh.

- Anh kể em nghe về phụ nữ Nhật đi.

Anh nhún vai. Tôi cứ nằn nì. Cuối cùng anh nói:

- Anh không thể giải thích cho em được. Họ làm anh bực mình. Họ không còn là chính bản thân mình nữa.

- Có lẽ em cũng không còn là chính bản thân em

- Có chứ. Em ở đó, em tồn tại, em nhìn ngó. Còn phụ nữ Nhật, họ chỉ suốt ngày tự hỏi không hiểu người ta có thích mình không. Họ chỉ nghĩ đến họ thôi.

- Phần lớn phụ nữ phương Tây cũng vậy mà.

- Các bạn anh và anh, bọn anh có cảm giác mình chỉ là cái gương trong mắt các cô ấy.

Tôi làm vẻ soi mình trong anh, lấy tay vuốt tóc.

Anh cười.

- Anh có hay nói chuyện về con gái với các bạn anh không?

- Không. Ngại lắm. Còn em, em có hay nói chuyện về con trai không?

- Không. Đó là chuyện riêng tư.

- Các cô gái Nhật thì ngược lại. Trước mặt con trai thì thẹn thò bẽn lẽn. Nhưng với bạn gái thì kể tuốt tuột.

- Phụ nữ phương Tây cũng vậy thôi.

- Sao em lại nói thế?

- Để bênh phụ nữ Nhật. Làm phụ nữ Nhật chắc khó lắm.

- Làm đàn ông Nhật cũng khó lắm.

- Chắc chắn rồi, anh kể đi.

Anh im bật, hít thở. Tôi thấy nét mặt anh biến đổi.

- Lên năm tuổi, như những đứa trẻ khác, anh dự thi để vào một trong những trường tiểu học tốt nhất. Nếu anh thi đậu thì một ngày nào đó có thể vào

một trong những trường đại học tốt nhất. Mới năm tuổi, anh đã biết thế. Nhưng anh không thi đậu.

Tôi thấy anh run lên.

- Bố mẹ anh chẳng nói gì. Bố mẹ thất vọng. Hồi lên năm tuổi, bố anh đã thi đậu. Anh đợi đến đêm và khóc.

Anh bật khóc nức nở. Tôi ôm lấy thân hình anh đang co quắp vì đau khổ. Tôi đã nghe nói đến những kỳ thi tuyển kinh khủng này của Nhật, những kỳ thi áp đặt quá sớm với đã ý thức được tầm quan trọng của việc thi đậu hay hỏng thi.

- Lúc năm tuổi, anh đã biết là mình không đủ thông minh.

- Không phải thế. Lúc năm tuổi, anh biết là mình không được chọn.

- Anh cảm thấy bố anh nghĩ thế này: “Không sao. Nó là con mình, nó sẽ thừa hưởng vị trí của mình.” Anh bắt đầu thấy xấu hổ và lúc nào cũng cảm thấy thế.

Tôi siết chặt anh vào lòng, thì thầm những lời động viên, cam đoan với anh là anh thông minh. Anh khóc hồi lâu rồi ngủ thiếp đi.

Tôi bước ra ngắm màn đêm trên thành phố nơi mỗi năm phần lớn trẻ em năm tuổi đều biết rằng đời mình thế là xôi hỏng bỏng không. Tôi như nghe thấy bản hòa tấu của những giọt nước mắt cố nén lại.

Rinri thoát khỏi tình thế đó nhờ là con của bố anh: đó cũng như bù đắp một nỗi đau bằng sự xấu hổ. Nhưng những người khác, những người hỏng thi, ngay từ lúc còn rất nhỏ họ đã biết rằng giỏi lắm mình cũng chỉ làm được những công việc lật vạt, như đám lính quèn trong chiến tranh lúc nào cũng

có thể bị “cờ bí thí tốt”. Thế mà người ta còn ngạc nhiên là có nhiều thiếu niên Nhật tự tử đến như vậy.

Ba tuần nữa Christine mới về. Tôi đề nghị Rinri tận dụng tối đa căn hộ của cô. Ván cờ tình cảm sẽ lại tiếp tục khi Christine trở về. Chàng trai rất vui vì lời gợi ý của tôi.

Trong tình yêu cũng như trong bất cứ việc gì, cơ sở hạ tầng đóng vai trò cốt yếu. Trong khi nhìn doanh trại Ichigaya qua ô cửa kính rộng, tôi hỏi Rinri có thích Mishima không.

- Tuyệt vời, anh nói.

- Anh làm em ngạc nhiên đấy. Nhiều người Âu khẳng định với em rằng chủ yếu chỉ có người nước ngoài thích nhà văn này.

- Người Nhật không thích con người ông ấy lắm. Nhưng tác phẩm của ông thì tuyệt vời. Điều đáng ngạc nhiên người Âu của em nói thật lạ, vì tác phẩm của ông ấy bằng tiếng Nhật mới hay. Câu văn của ông có nhạc điệu. Làm sao dịch được thứ ấy?

Tôi rất vui khi nghe anh nói vậy. Vì còn cần nhiều thời gian nữa mới có thể đọc được những chữ tượng hình cần thiết nên anh đọc to cho tôi nghe những câu văn của Mishima. Anh vui vẻ làm ngay và tôi rùng mình nghe anh đọc Kinjiki[18]. Còn lâu tôi mới hiểu được hết những gì anh đọc, ngay cả đầu đề cũng vậy.

- Tại sao lại là “những màu sắc bị cấm đoán”?

- Trong tiếng Nhật, màu sắc có thể đồng nghĩa với tình yêu.

Quan hệ đồng tính từng bị luật pháp Nhật cấm đoán rất lâu. Dù sự tương đồng giữa màu sắc và tình yêu có thú vị đến đâu chăng nữa thì Rinri cũng đề cập đến một đề tài tế nhị. Tôi chưa bao giờ nói đến tình yêu. Anh thường đề cập đến vấn đề đó nhưng tôi luôn tìm cách đổi chủ đề cuộc trò chuyện. Chúng tôi dùng ống nhòm nhìn ra ngoài cửa sổ, quan sát những cây anh đào Nhật đang trở hoa.

- Theo lệ thì anh phải hát cho em nghe trong khi uống rượu sakê dưới bóng hoa anh đào vào ban đêm.

- Vậy thì cô lên nào.

Dưới bóng cây anh đào gần nhất, Rinri hát cho tôi nghe những bài ca ngắn. Tôi cười, anh giận dữ:

- Anh hát những gì anh nghĩ đấy.

Tôi uống một hơi hết chỗ rượu sakê để che giấu vẻ lúng túng. Đám nụ hoa này thật nguy hại, chúng kích thích tính đa cảm của chàng trai.

Quay về căn hộ tiện nghi, tôi cứ tưởng thế là an toàn. Nhầm to: tôi lại được nghe những lời yêu đương cao ngất như cả tòa nhà. Tôi đứng cảm nghe chúng và im lặng. May là chàng trai chấp nhận sự im lặng của tôi.

Tôi rất quý anh. Người ta không thể nói thế với người yêu được. Tiếc thật. Về phần tôi, rất quý anh đã là rất nhiều.

Anh làm tôi hạnh phúc.

Lúc nào tôi cũng thấy vui khi gặp anh. Tôi dành cho anh tình bạn, tình cảm triu mến. Khi anh không có đó, tôi không thấy nhớ. Phương trình tình cảm của tôi với anh là vậy đấy, và tôi thấy chuyện này thật tuyệt vời.

Vì vậy mà tôi sợ những lời tỏ tình đòi hỏi phải có lời đáp, hay tệ hơn là phải có qua có lại. Nói dối trong tình huống này là một khổ hình. Tôi phát hiện ra là nỗi sợ hãi không có cơ sở. Rinri chỉ cần tôi lắng nghe mà thôi. Anh mới thật có lý làm sao! Biết nghe là rất đáng quý. Và tôi nhiệt tình lắng nghe anh.

Thứ tình cảm tôi dành cho chàng trai này không có tên trong tiếng Pháp hiện đại, nhưng trong tiếng Nhật thì có, từ koi có lẽ là thích hợp nhất. Koi có thể dịch ra tiếng Pháp cổ là thích. Tôi thích anh. Anh là chàng koibito của tôi, người tôi chia sẻ koi: tôi thích ở cùng anh.

Trong tiếng Nhật hiện đại, những cặp sống với nhau mà không cưới hỏi gọi người sống chung với mình là koibito. Mối thẹn thùng sâu sắc khiến họ không dám dùng từ yêu. Trừ khi có biến cố hay đam mê điên cuồng, còn thường thì người ta không sử dụng cái từ đao to búa lớn ấy, nó chỉ dành cho văn học hay những thứ đại loại như vậy. Thế mà tôi lại gặp phải anh chàng người Nhật duy nhất chẳng ngại gì mà không sử dụng cái từ ngữ đó cũng như những kiểu cách thích hợp.

Nhưng tôi tự trấn an mình rằng tình huống kỳ quặc này chắc phần lớn là do thói chuộng tiếng nước ngoài. Chẳng phải ngẫu nhiên mà Rinri tỏ tình lúc thì bằng tiếng Pháp, lúc thì bằng tiếng Nhật với một cô gái nói tiếng Pháp: tiếng Pháp có lẽ là đại diện cho cái lãnh địa vừa bóng bẩy vừa phóng đảng nơi người ta có thể thoải mái diễn đạt những tình cảm khó nói mà chẳng ngại ngần gì.

Tình yêu là thứ rung động mà ai cũng cho là đặc kiểu Pháp. Tôi không cho là đến mức ấy, nhưng cũng phải thừa nhận rằng tiếng Pháp rất thích hợp cho yêu đương. Có thể coi là Rinri và tôi đều bị nhiễm khuynh hướng điển hình trong ngôn ngữ của nhau: anh thì chơi trò yêu đương, ngây ngất với điều mới lạ ấy, còn tôi thì thích thú với koi. Điều này chứng tỏ cả hai chúng tôi đều hết sức cởi mở với nền văn hóa của nhau.

Koi chỉ có duy nhất một nhược điểm: nó đồng âm với cá chép, con vật duy nhất luôn làm tôi thấy ghê tởm. May là sự trùng hợp này chẳng kèm theo bất kỳ sự tương đồng nào: dù ở Nhật, cá chép tượng trưng cho các cậu con trai, nhưng tình cảm tôi dành cho Rinri chẳng giống chút nào với con cá to xù dính bùn, miệng thì như nhớp ấy. Ngược lại, koi làm tôi vui vì sự nhẹ nhàng, linh hoạt, tươi mới và không nghiêm túc. Koi thật lịch sự, vui vẻ, hài hước, văn minh. Một trong những nét quyến rũ của koi là nhại lại tình yêu: ta bắt chước một số thái độ trong tình yêu, chẳng phải để bày tỏ gì hết, mà chỉ để đùa vui.

Tuy nhiên tôi cố nén không bật cười để khỏi làm tổn thương Rinri; ai lại cười cợt tình yêu bao giờ. Tôi đồ rằng anh đã biết là với anh, tôi chỉ cảm thấy koi chứ không ai[19] - cái từ đp đến nỗi đôi khi tôi thấy tiếc là không được dùng đến nó. Nếu anh không buồn vì chuyện đó thì chắc là vì trong thâm tâm anh cũng hiểu anh là koi đầu tiên của tôi, cũng như tôi là tình yêu đầu của anh. Vì dù tôi đã từng cảm vài chàng nhưng chưa từng thấy thích bất kỳ ai như anh.

Giữa hai từ koi và ai không phải là sự khác nhau về cường độ mà là sự không tương thích cơ bản. Ta có phải lòng người mà mình thích không? Không đời nào. Ta chỉ yêu những kẻ ta không chịu đựng nổi, những người được coi là hiểm họa không thể đương đầu. Schopenhauer[20] coi tình yêu là mưu mẹo của bản năng duy trì giống nòi. Lý thuyết này khiến tôi thấy kinh sợ. Tôi coi tình yêu như mưu mẹo của bản năng của tôi để không sát hại người khác: khi tôi cảm thấy cần giết hại một người cụ thể nào đó thì một cơ chế bí hiểm - phải chăng là phản xạ miễn dịch? ảo ảnh ngây thơ? hay nỗi sợ phải vào tù? - khiến tôi như kết tinh quanh người đó. Nhờ vậy mà cho đến giờ này, theo như tôi biết thì tôi vẫn còn chưa giết ai.

Giết Rinri ư? Ý tưởng thật tàn bạo và nhất là thật vô lý! Ai lại giết người tốt đến như vậy, người chỉ gọi lên trong tôi những điều tốt đẹp nhất! Mà tôi đã giết anh đâu, chứng tỏ điều đó là không cần thiết.

Có lẽ tôi nên viết một câu chuyện trong đó chẳng ai muốn giết ai. Chắc hẳn đó là một câu chuyện về koi.

Rinri là người nấu các bữa ăn. Anh nấu ăn dở, nhưng vẫn còn khá hơn tôi, mà thực ra chẳng mấy ai nấu ăn dở hơn tôi. Thật tiếc là cái bếp điện tử hoành tráng của Christine chẳng được sử dụng mấy. Nó chỉ được dùng để nấu những món mì đáng ngờ mà anh gọi là carbonara[21]. Anh đặt tên món ăn cổ điển này cho những thứ mình nấu, nhồi nhét vào đó tất cả các thể loại chất béo được ghi nhận trên hành tinh này vào năm 1989, mà lại với số lượng lớn nữa chứ. Ai cũng biết là người Nhật ưa nấu những món thanh đạm ít mỡ. Trong trường hợp này, tôi cũng không loại trừ giả thiết rằng mình là cái cớ để anh thỏa sức nhồi nhét những thứ văn hóa nước ngoài.

Thay vì nói không nuốt nổi các món anh nấu, tôi bảo anh là mình rất mê sashimi và sushi. Anh nhăn mặt.

- Anh không thích à? - Tôi

- Có chứ, anh lịch sự bảo tôi.

- Chắc mấy món đó khó làm lắm.

- Ừ.

- Anh mua đồ nấu sẵn cũng được mà.

- Em muốn ăn mấy món đó thật à?

- Sao anh lại nói thích ăn mấy món đó nếu anh không thích?

- Anh thích chứ. Có điều khi ăn mấy món đó, anh có cảm giác như đang ăn tối ở nhà và ông bà anh cũng ở đó.

Lý lẽ xác đáng đây.

- Hơn nữa, khi ăn các món đó cùng ông bà, ông bà cứ nói suốt là chúng tốt cho sức khỏe. Chán chết đi được, anh nói thêm.

- Em hiểu. Vì thế mà anh muốn ăn những món có hại cho sức khỏe như mì carbonara, tôi nói.

- Món đó có hại cho sức khỏe à?

- Nấu theo cách của anh thì chắc chắn là có hại.

- Thế nên nó mới ngon.

Nói anh nấu món khác còn khó hơn nữa.

- Hay là anh lại làm món pho mát rượu cho chúng mình nhé? anh đề nghị.

- Đừng.

- Em không thích à?

- Có chứ, nhưng đó là kỷ niệm đặc biệt. Lặp lại nó có thể sẽ làm bọn mình thất vọng.

May quá, tôi đã tìm được lý do thoái thác lịch sự.

- Thế món okonomiyaki mà bọn mình đã ăn ở nhà bạn anh thì sao?

- Được, món đó dễ.

Thoát rồi. Thế là okonomiyaki trở thành món sùng bái của chúng tôi. Tủ lạnh lúc nào cũng đầy tôm, trứng, bắp cải và gừng hộp tương mặn ngọt trên bàn.

- Anh mua thứ tương ngon tuyệt này ở đâu vậy?

- Ở nhà anh có cả kho. Bố mẹ anh mang ở Hiroshima về.

- Nghĩa là khi nào hết thì lại phải quay lại đó.

- Anh chưa từng tới đó.

- Vừa hay. Anh chưa thấy gì ở Hiroshima, chưa gì hết.

- Sao em lại nói thế?

Tôi giải thích cho anh là mình vừa nhại lời một bộ phim chuyển thể kinh điển Pháp.

- Anh còn chưa xem phim đó, anh bực tức nói.

- Anh đọc truyện cũng được mà.

- Chuyện như thế nào?

- Em không thích kể mà để anh tự khám phá thì hơn.

Khi ở bên nhau, chúng tôi chẳng hề thò mặt ra đường. Christine sắp về đến

nơi rời, chúng tôi hoảng sợ nghĩ đến lúc phải rời khỏi căn hộ này, nơi đóng vai trò quan trọng biết chừng nào trong quan hệ của chúng tôi.

- Hay là bọn mình chèn cửa lại không cho cô ấy vào, tôi gợi ý.

- Em dám làm thế à? - Anh hỏi, vẻ ngưỡng mộ khiếp hãi.

Tôi thích anh nghĩ tôi dám làm những hành động xấu xa như thế.

Chúng tôi dành không biết bao nhiêu thời gian ở trong phòng tắm. Bồn tắm to như con cá voi rộng ruột có lỗ mũi quay vào bên trong.

Rinri tôn trọng truyền thống kỳ cọ toàn thân ở chỗ chậu rửa rồi mới bước vào bồn tắm: không được làm bẩn nước trong cái bồn tắm khả kính. Tôi không thể bắt mình tuân theo thứ tục lệ mà tôi thấy thật phi lý. Chẳng khác gì cho bát đĩa sạch vào máy rửa bát.

Tôi nói cho anh nghe quan điểm của mình.

- Có thể em có lý, anh nói, nhưng anh không thể cư xử khác được. Anh không thể làm bẩn nước tắm.

- Trong khi anh lại thấy phi báng các món ăn Nhật thì chẳng sao.

- Thế đấy.

Anh có lý. Ai chẳng có những thói quen thâm căn cố đế không giải thích được.

Cái bồn hình cá voi đôi khi làm tôi có cảm giác nó động đậy và lôi những người ngồi trong bồn xuống đáy biển.

- Anh có biết chuyện Jonas không? - Tôi hỏi.

- Đừng nói về cá voi. Mình sẽ cãi nhau mất.
- Đừng bảo em là anh cũng thuộc số những người Nhật ăn thịt cá voi đấy.
- Anh biết là làm thế không tốt. Nhưng có phải lỗi tại anh đâu. Thịt cá voi ngon quá mà.
- Em ném thử rồi, kinh lắm!
- Em thấy không? Nếu em thích thì chắc em đã chẳng thấy sốc vì thói quen ăn cá voi của bọn anh.
- Nhưng cá voi đang bị tuyệt chủng!
- Anh biết. Bọn anh sai. Biết làm thế nào được? Anh nhỏ nước dãi khi nghĩ đến vị món thịt cá voi. Anh không thể dừng được. Anh không phải là người Nhật điển hình. Vì vậy, anh đã đi du lịch rất nhiều, nhưng là đi một mình và không mang máy ảnh.
- Đó là điều anh phải giấu mọi người. Nếu bố mẹ biết anh đi một mình, bố mẹ sẽ lo lắm.
- Bố mẹ sợ anh gặp nguy hiểm à?
- Không. Họ sợ đầu óc anh không bình thường. Ở đây, thích đi chơi một mình bị coi là gàn dở. Trong tiếng Nhật, từ “một mình” có hàm ý tuyệt vọng.
- Nhưng cũng có những nhà tu hành ẩn dật nổi tiếng ở nước anh đấy thôi.
- Chính thế đấy. Người ta cho rằng phải là nhà sư mới thích cô đơn

- Tại sao đồng bào anh cứ ra nước ngoài lại co cụm thành từng nhóm với nhau?

- Họ thích nhìn những người khác mình mà đồng thời vẫn cảm thấy yên tâm vì ở bên những người giống mình.

- Thế còn nhu cầu chụp ảnh?

- Anh không biết. Anh ghét việc đó lắm, nhất là họ toàn chụp những ảnh giống nhau. Có lẽ để chứng tỏ là họ không nằm mơ.

- Em chưa bao giờ thấy anh mang máy ảnh.

- Anh không có.

- Anh có tất cả những thứ đồ điện tử tồn tại trên đời này, kể cả bếp để nấu món pho mát rượu Thụy Sĩ trên tàu vũ trụ, vậy mà lại không có máy ảnh?

- Không. Anh không quan tâm.

- Rinri ngộ thật.

Anh hỏi tôi ý nghĩa của cách nói đó. Tôi giải thích cho anh. Anh thấy nó thật lạ lùng đến nỗi đâm ra mê mẩn, nói đến hai chục lần mỗi ngày: “Amélie ngộ thật”.

Một chiều, trời bỗng đổ mưa rào, rồi mưa đá. Tôi nhìn cảnh đó qua cửa sổ ngôi nhà và bình luận:

- Ô, hóa ra ở Nhật cũng có mưa bóng mây.

Tôi nghe thấy phía sau vọng lên tiếng anh nhắc lại:

- Mưa bóng mây.

Tôi hiểu là anh vừa khám phá ra từ này, ngữ cảnh cho anh biết chính xác nghĩa từ và anh phát âm để ghi nhớ trong đầu. Tôi cười. Dường như anh hiểu điều làm tôi buồn cười vì anh nói:

- Anh ngộ thật.

Đầu tháng Tư, Christine từ Bỉ quay về Nhật. Sẵn lòng tốt, tôi trả lại căn hộ cho cô. Rinri xem ra buồn thảm hơn tôi. Mọi quan hệ của chúng tôi lại rơi vào cảnh nay đây mai đó. Tôi không thấy bất mãn lắm, vì cũng thấy hơi nhớ ván bài tình cảm.

Tôi quay lại tòa lâu đài bê tông. Bố mẹ anh không gọi tôi là cô giáo nữa, chứng tỏ họ rất tinh tường. Ông bà anh thì lại càng thích gọi tôi là cô giáo, điều đó khẳng định là họ tai ác thật.

Vì tôi đến dùng trà cùng cả nhà, bố anh cho tôi xem món đồ trang sức ông vừa chế tác ra. Đó là một chiếc vòng cổ kỳ quặc, nửa giống tác phẩm của Calder[22], nửa như vòng mã não.

- Cháu có thích không? - ông hỏi.

- Cháu thích cách kết hợp màu đen và màu bạc. Trông thật tao nhã.

- Nó thuộc về cháu.

Rinri đeo nó vào cổ cho tôi. Tôi bối rối quá. Khi còn lại một mình với anh, tôi nói:

- Bố anh tặng em món quà tuyệt quá. Làm thế nào để đáp lại bây giờ?

- Nếu em tặng bố anh cái gì, bố lại tặng em thứ khác đấy.

- Em phải làm gì?

- Chẳng gì cả.

Anh có lý. Để tránh tặng đi tặng lại, chẳng có cách nào khác là dừng cảm nhận những tặng vật xa hoa.

Trong thời gian đó, tôi đã quay lại nhà. Rinri rất tế nhị nên không đề nghị tôi tiếp anh tại nhà, nhưng thỉnh thoảng lại bóng gió gần xa song tôi cứ phớt lờ.

Anh thường xuyên gọi điện cho tôi. Anh diễn đạt hết sức buồn cười dù không chú ý, làm tôi thấy rất ngộ, nhất là vì lúc đó anh không hề đùa:

- Chào Amélie. Anh muốn biết tình trạng sức khỏe của em ra sao.

- Tuyệt vời.

- Nếu sức khỏe tuyệt vời như thế thì em có muốn gặp anh không?

Tôi phá lên cười. Anh không hiểu tại sao.

Rinri có cô em gái mười tám tuổi đang học ở Lngeles. Một hôm, anh thông báo là cô về Tokyo nghỉ vài hôm.

- Tôi nay anh sẽ đến đón em để giới thiệu con bé với em.

Có chút gì đó trang trọng cảm động run rẩy trong giọng anh. Tôi chuẩn bị

đón nhận một sự kiện quan trọng.

Khi ngồi vào chiếc Mercedes, tôi quay lại chào cô gái ngồi trên ghế sau. Sắc đẹp của cô làm tôi sững sờ.

- Amélie, đây là Rika. Rika, đây là Amélie.

Cô chào tôi bằng nụ cười duyên dáng vô cùng. Tôi thất vọng khi nghe tên cô, nhưng những thứ còn lại ở con người cô thì tuyệt vời. Cô như thiên thần vậy.

- Anh Rinri đã kể với em rất nhiều về chị, cô nói.

- Anh ấy cũng kể với chị rất nhiều về em, tôi bịa.

- Cả hai chị em đều bịa. Anh có bao giờ nói nhiều đâu.

- Đúng vậy, anh ấy chả bao giờ nói gì, Rika tiếp tục. Anh ấy hầu như chả nói gì về chị với em. Vì thế em tin chắc là anh ấy yêu chị.

- Nếu thế thì anh ấy cũng rất yêu em.

- Chị không giận nếu em nói tiếng Mỹ chứ? Em hay nói sai tiếng Nhật lắm.

- Em có nói sai chị cũng chẳng nhận ra đâu.

- Anh Rinri lúc nào cũng bắt lỗi em. Anh ấy muốn em phải hoàn hảo.

Cô còn hơn cả hoàn hảo ấy chứ. Rinri đưa chúng tôi đến công viên Shirogane. Khi đêm xuống, nơi này vắng vẻ đến mức ta có cảm giác như mình đang ở trong một cánh rừng bí ẩn nào đó cách xa Tokyo.

Rika xuống xe mang theo cái túi và mở ra.

Cô lôi trong đó ra tấm khăn trải bàn bằng lụa rồi trải xuống đất, sau đó đến rượu sakê, cốc và bánh. Cô ngồi xuống tấm vải rồi mời bọn tôi cùng ngồi. Vẻ duyên dáng của cô làm tôi lóa mắt.

Trong khi chúng tôi uống mừng hội ngộ, tôi hỏi Rika xem tên cô viết bằng chữ tượng hình như thế nào. Cô chỉ cho tôi

- Xứ sở hương thơm! tôi thốt lên. Thật tuyệt vời, tên đó hợp với em lắm.

Từ khi biết ý nghĩa tên cô trong tiếng Nhật, tôi không còn thấy cái tên đó xấu nữa.

Cuộc sống ở California khiến cô cởi mở hơn anh trai nhiều. Cô huyền thuyên trò chuyện nghe thật dễ thương. Tôi nghe như nuốt lấy từng lời. Rinri hình như cũng bị thôi miên như tôi. Chúng tôi chiêm ngưỡng cô như hiện tượng thiên nhiên mê hồn.

- Nào, cô bỗng nói, pháo hoa đâu nhỉ?

- Để anh, Rinri nói.

Tôi ngó người ra. Rinri lấy trong cốp xe ra chiếc va li dành riêng cho pháo hoa, cũng như có chiếc dành riêng cho món pho mát rượu Thụy Sĩ. Anh đặt xuống đất dụng cụ bắn pháo hoa và báo cho chúng tôi biết sắp bắt đầu rồi. Chẳng mấy chốc bầu trời trên đầu chúng tôi phủ đầy màu sắc và sao sa trong khi cô gái reo lên vui sướng.

Trong đôi mắt choáng ngợp của tôi, người anh thể hiện với cô em gái không phải là bằng chứng, mà cả một biểu hiện yêu thương. Chưa bao giờ tôi thấy mình gần gũi với anh như thế.

Khi ánh bình minh phương Bắc không còn lệt đẹt trên đầu chúng tôi nữa,

Rika nuôi tiếc thốt lên:

- Đã hết rồi ạ?

- Còn mấy thanh pháo nữa, Rinri nói. Anh lôi trong va li ra mấy bó que nhỏ và chia cho chúng tôi từng nắm. Anh chỉ châm lửa một que, nhưng lửa lan ra khắp cả bó. Từng que phát ra chùm sáng xoay tít.

Đêm phủ ánh bạc lên bụi tre trong công viên Shirogane. Ánh sáng pháo hoa trong tay chúng tôi như đám đom đóm chiếu ánh vàng lên màu trắng đục đó. Hai anh em Rinri thán phục nhìn bó pháo hoa như ánh sao trên tay. Tôi thấy mình đang ở cùng hai đứa trẻ yêu thương nhau vô cùng và điều đó khiến tôi xúc động.

Tôi thật may mắn được hai anh em chấp nhận. Hơn cả một biểu hiện tình yêu, đó là biểu hiện của lòng tin.

Những đóm lập lòe đủ màu sắc cuối cùng đã tắt, nhưng phép lạ vẫn còn đó. Cô gái thở dài vui sướng:

- Thích

Tôi chia sẻ tình yêu của Rinri dành cho cô bé vui vẻ này. Có cái gì đó siêu thực như trong tác phẩm của Nerval[23] trong không khí cuối ngày hội với c gái trẻ đẹp như trong huyền thoại ấy. Nerval ở Nhật ư, ai mà tin được?

Tối hôm sau, Rinri dẫn tôi đi ăn mì Tàu trong một quán nhỏ.

- Em quý Rika lắm, tôi bảo anh.

- Anh cũng thế, anh cười cảm động trả lời.

- Anh biết không, em và anh có một điểm chung kỳ lạ. Em cũng rất yêu quý

chị gái đang sống ở xa. Chị ấy tên là Juliette và em rất khổ tâm khi rời xa chị ấy.

Tôi cho anh xem ảnh người chị gái yêu quý.

- Chị ấy đẹp lắm, anh chăm chú nhìn ảnh và nhận xét.

- Vâng, chị ấy còn hơn cả đẹp ấy chứ. Em nhớ chị ấy lắm.

- Anh hiểu. Khi Rika ở California, anh cũng nhớ nó kinh khủng.

Ngồi trước bát mì, tôi bỗng dưng thấy buồn thảm. Tôi bảo anh là người duy nhất hiểu tôi thấy trống trải như thế nào khi vắng Juliette. Tôi kể cho anh nghe sức mạnh mối liên hệ đã luôn gắn kết tôi với chị, rằng tôi yêu chị biết bao nhiêu và tôi đã phải khổ sở thế nào khi quyết định rời xa chị.

- Em phải quay lại Nhật, nhưng liệu em có cần phải chịu cảnh chia ly đau khổ thế này không?

- Sao chị ấy không đi cùng em?

- Chị ấy muốn sống ở Bỉ nơi chị ấy làm việc. Chị ấy không mê đất nước anh như em.

- Thế thì giống Rika. Con bé cũng chẳng thiết tha gì Nhật Bản.

Sao những người tuyệt vời như chị tôi và em gái anh lại không mê đất nước này nhỉ? Tôi hỏi Rinri em gái anh học gì ở California. Anh trả lời là chương trình học của con bé rất mù mờ, rằng thực ra cô là bồ của một gã họ Trương, người Tàu, trùm đạo tặc ở Los Angeles

- Em không thể hình dung được gã ấy giàu thế nào đâu, anh nói, về tuyệt vọng cố làm ra hài hước.

Tôi sửng sốt tự hỏi sao thiên thần lạc từ trên trời xuống lại có thể chọn sống với một tay anh chị. “Đừng ngốc thế, tôi tự nhủ, đời là thế mà.” Tôi bỗng hình dung ra trong đầu hình ảnh Rika với chiếc khăn lông to xù quanh cổ và đôi giày gót nhọn, bước đi trong tay găng người Tàu mặc đồ trắng. Tôi phá lên cười.

Rinri mỉm cười đồng tình với tôi. Chúng tôi nhìn thấy chị em gái mình trong bát nước mì. Quan hệ của chúng tôi thật có ý nghĩa.

Tôi thấy choáng trước những tiến bộ của bản thân trong tiếng Nhật, nhưng vẫn chưa bằng vốn tiếng Pháp của Rinri. Anh nói khá lên rất nhanh.

Chúng tôi hay thích trộ nhau trong lĩnh vực này. Khi có mưa rào, Rinri nói:

- Trời mưa như bò đái.

Giọng anh lúc nào cũng tao nhã nên nói câu đó nghe rất buồn cười.

Khi anh nói điều gì đó kỳ quặc, tôi thường cười phá lên nói:

- Nani ô shaimasu ka?

Dịch ra là - mà đúng hơn là không dịch được, bởi chỉ có người Nhật mới nói những câu kiểu cách đến thế, kiểu cách đến nỗi ngay cả người Nhật cũng chẳng còn dùng nữa - “Ngài dám nói gì trịnh trọng vậy?”

Anh bò lăn ra cười. Một tối nọ, bố mẹ anh mời tôi đến ăn cơm trong tòa lâu đài bê tông, tôi muốn làm họ ngạc nhiên. Khi Rinri vừa nói điều gì đó ngạc nhiên, tôi liền cao giọng ngay:

- Nani ô shaimasu ka?

Sau phút sững sờ, Quý ông phá lên cười. Ông bà anh thì bực mình mắng, bảo tôi không được nói thế. Quý bà thì đợi mọi người im lặng rồi mới cười bảo tôi:

- Sao cháu phải nhọc sức tỏ ra lịch sự làm gì? Mặt cháu lúc nào cũng sinh động thế thì làm sao ra vẻ quý bà được.

Tôi khẳng định điều mà vẻ lịch thiệp của bà đã lờ mờ thấy từ trước: bà ghét tôi. Không những lấy mất con trai bà, tôi còn là người nước ngoài nữa. Ngoài hai tội ấy, bà còn linh cảm thấy điều gì đó trong tôi khiến bà còn ghét hơn.

- Nếu Rika mà ở đây thì thế nào nó cũng cười đến chảy cả nước mắt mắt thôi, Rinri nói, không để ý đến câu nói ác nghiệt của mẹ anh.

Hồi trước, tôi từng học tiếng Anh, tiếng Hà Lan, tiếng Đức và tiếng Ý. Với tất cả các sinh ngữ này, tôi đều hiểu nhiều nhưng nói được ít. Điều đó cũng hợp lý thôi: người ta bao giờ cũng quan sát một hành vi rồi mới bắt chước. Ta có trực cảm ngôn ngữ ngay cả khi chưa có khả năng nói được thứ ngôn ngữ đó trôi chảy.

Với tiếng Nhật thì ngược lại: nhận thức chủ động của tôi vượt xa nhận thức thụ động. Hiện tượng đó chưa bao giờ biến mất và tôi chẳng thể giải thích được. Rất nhiều lần tôi diễn đạt được bằng tiếng Nhật những ý tưởng phức tạp đến nỗi người trò chuyện cùng tôi cứ tưởng gặp được thạc sĩ Nhật Bản học nên trả lời bằng những lời lẽ phức tạp không kém. Tôi chẳng còn cách nào khác là chuồn đi để giấu không cho người đó biết mình chẳng hiểu bất cứ từ nào trong lời đáp. Khi không chuồn đi được, tôi đành cố hình dung ra xem thực ra người đó nói gì và cứ thế tiếp tục cuộc độc thoại giả là đối thoại đó.

Tôi kể hiện tượng này với một số nhà ngôn ngữ học, họ cam đoan với tôi đó là chuyện bình thường: “Cô không thể có trực cảm ngôn ngữ với thứ tiếng khác xa tiếng mẹ đẻ của cô đến vậy.” Nhưng thực ra tôi đã nói tiếng Nhật cho đến tận lúc lên năm tuổi đấy chứ. Hơn nữa, tôi đã từng ở Trung Quốc, ở Bangladesh, v.v., ở các nước đó, cũng như ở những nơi khác, nhận thức thụ động của tôi với ngôn ngữ địa phương bao giờ cũng trội hơn nhận thức chủ động. Vậy là trong trường hợp của tôi thực sự có ngoại lệ đối với tiếng Nhật, tôi muốn dùng số phận để lý giải điều này: đó là đất nước nơi tôi không thể nghĩ đến chuyện thụ động được.

Điều gì phải đến đã đến: tháng Sáu, Rinri rầu rầu thông báo với tôi là hết tương mạo đẳng mất rồi.

- Chúng mình dùng với tốc độ như thế thì không thể nào khác được.

Tiến bộ trong tiếng Pháp của anh khiến tôi ngỡ ngàng. Tôi đáp:

- Càng hay! Em luôn mơ được đến Hiroshima cùng anh.

Mặt anh đang rầu rầu chuyển sang khùng khiếp. Tôi tìm cách giải thích theo kiểu tương thuyết, viện dẫn nguyên do lịch sử:

- Cả thế giới ngưỡng mộ lòng dũng cảm của Hiroshima và Nagasaki khi chịu đựng...

- Không phải vì chuyện đó đâu, anh ngắt lời tôi. Anh đã đọc cuốn sách nhỏ do một bà người Pháp viết, cuốn em đã nói với anh ấy mà....

- Hiroshima tình yêu của tôi[24].

- Đúng rồi. Anh chả hiểu gì hết. Tôi phá lên cười.

- Anh đừng lo, rất nhiều người nói tiếng Pháp cũng thấy thế. Thêm một lý do để đến Hiroshima, tôi bị ra thêm.

- Em muốn nói là nếu đọc cuốn đó ở Hiroshima thì sẽ hiểu ư?

- Chắc chắn rồi, tôi tuyên bố.

- Vớ vẩn. Anh chẳng cần phải đi Venise mới hiểu Chết ở Venise[25], cũng chẳng cần đến Parma để đọc Tu viện thành Parma[26].

- Marguerite Duras là một tác giả rất đặc biệt, tôi nói, tin chắc là mình nói đúng.

Thứ Bảy sau, chúng tôi hẹn nhau bảy giờ sáng tại sân bay Haneda. Tôi thích đi tàu hơn, nhưng người Nhật suốt ngày đi tàu rồi nên Rinri muốn thay đổi.

- Hơn nữa, bay trên Hiroshima chắc cũng giống như ngồi trên chiếc Enola Gay[27], anh bảo vậy.

Lúc đó là đầu tháng Sáu. Ở Tokyo, thời tiết thật lý tưởng, trời đẹp, hai mươi lăm độ. Ở Hiroshima, phải cộng thêm năm độ và không khí ẩm thấp của mùa mưa đã lẫn quất trong không khí. Nhưng vẫn còn có nắng.

Ngay từ sân bay Hiroshima, tôi đã có cảm giác rất đặc biệt, như thể không còn là năm 1989 nữa. Tôi cũng chẳng biết đang là năm nào nữa, chắc chắn không phải là năm 1945, nhưng giống như những năm năm mươi hay sáu mươi. Phải chăng cú sốc nguyên tử đã làm chậm dò thời gian? Thành phố có nhiều tòa nhà hiện đại, mọi người ăn vận bình thường, xe cộ cũng không khác gì ở những nơi khác trên nước Nhật. Nhưng hình như mọi sinh linh ở đây sống mạnh mẽ hơn ở nơi khác.

Trên khắp hành tinh, cái tên của thành phố này đồng nghĩa với cái chết.

Sống ở một thành phố như vậy hẳn kích thích sự sống trong họ. Kết quả là tạo ra cảm giác lạc quan, cảm giác đó gọi lại không khí của cái thời mà người ta còn tin vào tương lai.

Nhận xét đó thấm sâu vào tim tôi. Ngay lập tức tôi thấy cảm động vì thành phố có bầu không khí hạnh phúc dửng dưng cảm đến nao lòng này.

Bảo tàng Bom khiến tôi sửng sờ. Dù biết chuyện gì đã xảy ra nhưng những chi tiết vẫn vượt xa trí tưởng tượng của tôi. Những thứ được trưng bày ở đó mang lại hiệu quả gần như là thi ca: người ta kể về một đoàn tàu, vào ngày 6 tháng Tám năm 1945, đi dọc theo bờ biển về hướng Hiroshima. Trong số các hành khách có những người đi làm sáng. Hành khách uể oải nhìn thành phố qua cửa sổ tàu. Sau đó, tàu đi vào đường hầm, và khi tàu chui ra, những người lao động nhận ra không còn Hiroshima nữa.

Khi đi dạo trên các con phố của thành phố tỉnh lẻ này, tôi nghĩ rằng phẩm giá Nhật tìm thấy ở đây minh chứng rạn vỡ nhất. Chẳng có gì, tuyệt nhiên không có gì gợi nhớ đến một thành phố từng chịu thảm họa. Tôi nghĩ rằng tại bất cứ đất nước nào, một điều khủng khiếp như vậy cũng sẽ được tận dụng triệt để. Vốn liếng để kết tội, kho tàng quốc gia của biết bao dân tộc, không tồn tại ở Hiroshima.

Trong công viên Hòa bình, những cặp tình nhân hôn nhau trên ghế đá. Tôi chợt nhớ ra mình không chỉ có một mình và tuân theo tục lệ địa phương. Sau đó, Rinri lôi trong túi ra cuốn sách của Marguerite Duras. Tôi đã quên mất cuốn sách. Anh thì chỉ nghĩ đến nó. Anh đọc to cho tôi nghe, từ đầu đến cuối, cuốn *Hiroshima tình yêu của tôi*.

Tôi có cảm giác như anh đang đọc bản cáo trạng của tôi vậy, và rằng tôi phải hiểu mình đáng trách vì điều gì. Cuốn truyện còn dài mà anh thì lại đọc chậm vì ảnh hưởng giọng Nhật nên tôi có thời gian để chuẩn bị lời bào chữa. Khó khăn nhất là phải cố nhịn cười khi anh đọc, bực bội vì không

hiếu: “Anh giết em, anh làm em thấy dễ chịu quá.” Anh nói câu đó chẳng giống Emmanuelle Riva[28] chút nào.

Hai giờ sau, khi đọc xong, anh đóng sách lại và nhìn tôi.

- Tuyệt vời, phải không anh? - Tôi đánh bạo thì thầm.

- Anh không biết - anh nghiêm khắc trả lời.

Tôi không dễ gì mà thoát được đâu.

- Đặt cô gái Pháp bị cạo trọc đầu khi Giải phóng[29] ngang hàng với dân chúng Hiroshima, chỉ có Duras mới dám làm thế.

- Thế à? Thế là sao? - anh hỏi.

- Vâng, cuốn sách này ca ngợi tình yêu bị những điều dã man tàn bạo vùi dập.

- Sao tác giả lại nói điều ấy bằng cách kỳ quặc thế?

- Đó là Marguerite Duras mà. Nét hấp dẫn trong truyện của bà là ta cảm nhận được những điều mà không hẳn ta đã hiểu.

- Anh thì chẳng cảm nhận được gì hết.

- Có chứ - anh giận dữ.

- Đó là phản ứng bà ấy muốn tạo ra à?

- Duras cũng thích điều đó. Đó là một thái độ tốt. Khi đọc xong sách của Duras, người ta cảm thấy bức bối. Nó giống như một cuộc điều tra mà đến

hôi kết ta chẳng hiểu được bao nhiêu. Ta thoáng thấy sự vật qua tấm kính mờ. Ta rời khỏi bàn ăn khi vẫn còn đói.

- Anh đói.

- Em cũng thế.

Món okonomiyaki là đặc sản của Hiroshima.

Người ta làm món đó trong những quán hàng tồi tàn dựng ngoài trời, rộng mênh mông, trên những tấm kim loại khổng lồ bốc khói trong bóng tối. Dù trời đêm khá mát mẻ, người đầu bếp vẫn nhỏ mồ hôi ròng ròng xuống tấm bánh xèo nhân bắp cải anh đang rán trước mắt chúng tôi. Những giọt mồ hôi góp phần làm nên kiệt tác. Chưa bao giờ chúng tôi được ăn món okonomiyaki ngon đến như vậy. Tiện thể, Rinri mua lại của người đầu bếp rất nhiều hộp tương mặn đắng.

Sau đó, căn phòng khách sạn là cái cớ để tôi lan man trích dẫn vô số câu từ cuốn sách của Marguerite Duras. Rinri có vẻon trước. Không thể nói hết tôi đã tận tụy đến thế nào với văn học Pháp.

Đầu tháng Bảy, chị tôi đến nghỉ hè một tháng cùng tôi. Tôi suýt chết vì vui mừng khi được gặp lại chị. Suốt một giờ đồng hồ, chị em tôi cứ ôm hôn, gằm gừ sung sướng.

Tôi đến, Rinri đợi trước cửa nhà tôi trong chiếc Mercedes trắng. Tôi giới thiệu với anh người tôi quý nhất trên đời. Cả hai người đều hết sức rụt rè. Tôi đành lôi mình ra làm đề tài trò chuyện.

Khi còn lại một mình với Juliette, tôi hỏi chị nghĩ gì về Rinri.

- Cậu ấy gầy - chị bảo.

- Nhưng sao nữa?

Tôi chẳng moi được gì hơn từ chị. Tôi gọi điện cho chàng trai:

- Sao, anh thấy chị ấy thế nào?

- Chị ấy gầy, anh bảo.

Tôi chẳng moi được gì hơn từ anh. Bỏ qua giả thiết hai người ngầm thỏa thuận với nhau trước, tôi thậm bực mình: chỉ đánh giá được đến thế thôi à? Ừ, đương nhiên là hai người gầy, nhưng rồi còn gì nữa chứ? Chẳng lẽ họ không tìm ra được điều gì thú vị hơn để nói với tôi à? Với tôi, điều làm tôi chú ý nhất không phải là vẻ ngoài gầy gò của họ, mà là vẻ đẹp, phép màu của chị tôi, sự tinh tế và kỳ quặc của Rinri.

Tuy nhiên không có gì là thù địch trong nhận xét về nhau của hai người: Rinri và Juliette thấy quý nhau ngay. Sau đó, tôi thấy họ có lý. Xét lại quá khứ, tôi thấy tất cả những người từng đóng vai trò quan trọng trong đời tôi đều gầy. Nếu đương nhiên đó không phải là đặc tính chính của họ thì đó là điểm chung duy nhất kết nối họ với nhau. Điều đó chắc phải có ý nghĩa gì đó.

Tất nhiên là trên đường đời, tôi cũng từng gặp nhiều người gầy không làm thay đổi số phận của tôi. Và lại tôi từng sống ở Bangladesh nơi đa phần dân chúng đều gầy trơ xương, song đâu phải vì thế mà tất cả bọn họ đều quan trọng với tôi. Nhưng khi nhắm mắt xuôi tay, tôi sẽ chỉ nhớ đến những bóng hình gầy guộc.

Dù không biết điều đó có ý nghĩa gì không, nhưng tôi ngờ rằng về phần mình, tôi đã chọn những người gầy, dù là vô tình hay c. Trong các tiểu

thuyết của tôi, những nhân vật được yêu đều rất gầy. Tuy nhiên, không nên kết luận rằng với tôi cứ gầy là đủ. Cách đây hai năm, có một cô nàng ngốc nghếch, tôi sẽ không nêu tên cô ta đâu, đến trình diện tôi, với danh nghĩa mà tôi muốn lờ đi như không biết. Thấy tôi ngạc nhiên, cô nàng quay một vòng trước mặt tôi để khoe vẻ mảnh khảnh rồi, tôi xin thề là cô nàng đã nói thề này:

- Chị không thấy tôi giống một trong những nhân vật nữ chính của chị à?

Hè 1989, tôi bỏ rơi chàng người yêu gầy guộc một tháng: Juliette và tôi về lại nơi ngày xưa gia đình tôi từng ở.

Tàu đưa chúng tôi về Kansai. Vùng này vẫn đẹp như xưa. Tuy nhiên, tôi không mong cho bất kỳ ai một chuyến đi như thế này nữa. hẳn phải có phép màu nên tôi mới sống sót được sau thử thách đau lòng ấy. Không có chị gái đi cùng, tôi sẽ chẳng bao giờ có đủ dũng khí để quay về nơi đã sống qua tuổi thơ.

Không có chị gái đi cùng, chắc tôi đã chết vì buồn ở làng Shukugawa.

Ngày 5 tháng Tám, Juliette quay về Bỉ. Tôi đóng cửa trong phòng gào thét lồng lộn như một con thú suốt nhiều giờ. Khi đã trút hết tiếng thét ra khỏi lồng ngực, tôi gọi cho Rinri. Anh rất tốt bụng nên giấu không cho tôi thấy anh vui, vì anh biết tôi đau khổ. Chiếc Mercedes trắng đến đón tôi.

Anh đưa tôi đến công viên Shirogane.

- Lần trước chúng mình đến đây cùng Rika, tôi nói. Trong lúc không có em, anh có đi thăm con bé không?

- Không. Khi ở đó nó không còn là nó nữa. Nó đóng vai người khác.

- Thế anh làm gì?

- Anh đọc một cuốn sách bằng tiếng Pháp về các hiệp sĩ dòng Đền, anh hào hứng nói.

- Hay lắm.

- Ủ. Và anh đã quyết định trở thành người như họ.

- Em không hiểu.

- Anh muốn trở thành hiệp sĩ dòng Đền. Tôi dành hết phần thời gian còn lại trong chuyến dạo chơi để thuyết phục Rinri rằng tham vọng của anh không hợp thời. Dưới thời Philippe le Bel^[30], ở châu Âu, thì điều này còn có ý nghĩa. Còn ở Tokyo, vào năm 1989 thì điều đó thật phi lý với vị giám đốc tương lai của một trường nghề kim hoàn nổi tiếng.

- Anh muốn là hiệp sĩ dòng Đền, Rinri cứ khăng khăng, về tiếc nuôi. Anh tin chắc là có dòng Đền ở Nhật.

- Em cũng vậy, đơn giản vì ở nước anh cái gì mà chả có. Đồng bào của anh hiểu kỳ đến mức ai cũng có thể tìm được người chia sẻ đam mê với mình ở đây.

- Thế sao anh lại không được là hiệp sĩ dòng Đền?

- Vì ngày nay nghe nó cứ như là giáo phái ấy.

Anh thử dài khâuát phục.

- Hay mình đi ăn mì Tàu đi? cuối cùng chàng trai toan làm hiệp sĩ dòng Đền bảo tôi.

- Ý tưởng tuyệt vời.

Trong khi ăn, tôi cố kể cho anh nghe Những ông vua bị nguyên rủa[31].
Khó nhất là giải thích cho anh hiểu việc bầu giáo hoàng.

- Điều đó chẳng thay đổi gì hết. Người ta vẫn tổ chức hội nghị bầu giáo hoàng, các vị hồng y vẫn phải ở trong phòng họp khóa kín...

Đang hăng với chủ đề này, tôi kể cho anh nghe cặn kẽ từng chi tiết. Anh vừa nghe vừa húp mì xì xụp. Kể xong, tôi hỏi:

- Thực ra thì người Nhật nghĩ gì về giáo hoàng?

Thường khi tôi đặt câu hỏi cho Rinri, bao giờ anh cũng ngẫm nghĩ rồi mới trả lời. Nhưng lúc đó, anh chẳng nghĩ ngợi lấy một giây mà nói luôn:

- Chẳng nghĩ gì cả.

Anh nói bằng giọng vô cảm đến mức tôi phá lên cười. Chẳng có gì là ngạo mạn trong cái giọng quả quyết của anh cả, chỉ là nhận xét đương nhiên thôi.

Từ đó, mỗi lần nhìn thấy giáo hoàng trên tivi, tôi lại nghĩ: “Và đây là người mà một trăm hai mươi lăm triệu dân Nhật chẳng nghĩ gì đến hết”, câu đó lúc nào cũng làm tôi thấy buồn cười.

Và lại thì vì người Nhật vốn rất hiếu kỳ với những thứ đặc trưng nước ngoài nên gần như chắc là câu nói của Rinri cũng có nhiều ngoại lệ. Nhưng tôi tin mình có lý khi thuyết phục anh đừng vào dòng Đền vì anh chẳng quan tâm gì đến kẻ thù chính của dòng tu này.

Ngày mai, anh đưa em lên núi chơi, Rinri thông báo qua điện thoại. Em mang giày đi bộ nhé.

- Chưa chắc là ý hay đâu - tôi nói.

- Tại sao? Em không thích núi à?

- Em rất yêu núi.

- Vậy thì mình sẽ đi, thế nhé - anh quyết định dứt khoát mà không buồn để ý đến những câu nói trái ngược nhau của tôi.

Anh vừa gác máy là tôi đã thấy người như lên cơn sốt: các ngọn núi trên toàn thế giới, nhất là ở Nhật, đều cuốn hút tôi đến mức đáng sợ. Tuy nhiên, tôi cũng biết là chuyến phiêu lưu sẽ rất nguy hiểm: cứ leo qua mức một nghìn năm trăm mét là tôi trở thành người khác hẳn.

Ngày 11 tháng Tám, chiếc Mercedes trắng mở cửa cho tôi.

- Mình đi đâu?

- Rồi em sẽ thấy.

Tôi chẳng bao giờ giỏi chữ tượng hình, nhưng vẫn đọc được địa danh. Điều này rất có ích cho tôi trong những chuyến du ngoạn ở Nhật. Vì vậy, sau một quãng đường dài, những phỏng đoán của tôi được khẳng định:

- Núi Phú Sĩ!

Đó là giấc mơ của tôi. Theo truyền thống, người Nhật nào cũng phải leo lên núi Phú Sĩ ít nhất một lần trong đời, nếu không thì không xứng đáng với dân tộc cao quý ấy. Tôi khát khao thành người Nhật nên thấy việc leo núi là một mẹo rất hay để chuyển đổi quốc tịch. Hơn nữa núi non là lãnh địa của tôi.

Xe đỗ trong một bãi xe không lộ trên vùng đồng bằng do dung nham tạo ra. Không xe nào được đi quá vùng đó. Xe cộ cứ đỗ về nướm nướp làm tôi thấy ấn tượng lắm, điều ấy chứng tỏ nhu cầu trở thành người Nhật đích thực của mọi người dân. Mà đó không phải chỉ vấn đề thủ tục đâu nhé: phải leo từ mực nước biển lên đến độ cao 3776 mét trong chưa đến một ngày, vì chỉ có trên đỉnh núi và dưới chân núi là có nơi ngủ. Thế mà trong đám đông chen chúc ở điểm xuất phát này có cả người già, trẻ con, những bà mẹ bế con còn đỏ hỏn - tôi thậm chí còn thấy một phụ nữ đang mang thai chừng tháng thứ tám. Do đó mà quốc tịch Nhật luôn chứa hàm ý anh hùng.

Tôi nhìn lên không trung: núi Phú Sĩ là vậy đấy. Cuối cùng tôi cũng tìm thấy một nơi mà từ đó trông núi không đẹp, bởi vì người ta không trông thấy núi, đó là chân núi. Còn lại thì ngọn núi lửa này quả là thứ sáng tạo tuyệt trần mà ta thấy ở gần như khắp mọi nơi, đến nỗi đôi khi tôi nghĩ đó là một hình nổi ba chiều. Không thể tính hết những nơi ở Honshu có thể nhìn thấy cảnh núi Phú Sĩ rất đẹp: có lẽ đếm những nơi không nhìn thấy ngọn núi còn dễ hơn. Nếu những người theo chủ nghĩa quốc gia muốn tạo ra biểu tượng liên bang, có lẽ họ nên xây núi Phú Sĩ. Không thể quan sát ngọn núi mà không cảm thấy nao nức chất huyền thoại thiêng liêng: nó quá đẹp, quá hoàn hảo, quá lý tưởng.

Chỉ trừ có phần chân núi, nơi nó giống như mọi ngọn núi khác, một thứ phình ra dị hình.

Rinri có các dụng cụ cần thiết: giày cao cổ leo núi, áo liền quần như của phi công vũ trụ, gậy leo núi. Anh thương hại nhìn đôi giày bas- ket và cái quần jean của tôi nhưng nín nhịn không bình phẩm gì, chắc không muốn cứa dao vào vết thương.

- Minh đi chứ? anh hỏi.

Tôi chỉ chờ có thể và thả cho đôi chân lỏng lên. Đang là giữa trưa, trời nắng và trong đầu tôi như cũng nóng rực lên. Tôi leo lên, sung sướng vì còn được leo rất nhiều nữa. Một ngàn năm trăm mét đầu tiên là đoạn khó leo nhất: nền đất chỉ toàn là dung nham mềm lún chân. Như người ta thường nói, phải quyết tâm lắm mới leo được. Tất cả chúng tôi đều quyết tâm. Nhìn các cụ già người nhỏ thó leo núi thành hàng thật đáng khâm phục.

Sau khi vượt qua một ngàn năm trăm mét đầu tiên, đường đi giống như mọi ngọn núi khác, với đá và đất cứng rất tuyệt, xen lẫn những vùng có đá giăm đen. Tôi đã đạt đến độ cao nơi con người tôi biến đổi hẳn. Tôi đợi Rinri đang leo cách tôi hai trăm mét phía dưới, hẹn anh sẽ gặp nhau trên đỉnh núi.

Sau này, anh bảo:

- Anh không biết lúc đó có chuyện gì xảy ra. Em biến mất tã.

Anh nói đúng. Vượt qua một ngàn năm trăm mét là tôi bi mất. Cơ thể tôi biến thành năng lượng thuần túy và trong khi mọi người tự hỏi tôi đâu rồi thì đôi chân cứ đưa tôi đi xa đến nỗi tôi thành ra vô hình. Một số người khác cũng có đặc tính như thế, nhưng tôi chẳng biết có ai lại biến đổi bất ngờ như thế, vì tôi chẳng giống Zarathoustra[32] chút nào.

Vậy mà tôi lại thành ra thế đấy. Một sức mạnh siêu nhiên xâm chiếm lấy tôi và tôi cứ leo thẳng về phía mặt trời. Trong đầu tôi vang lên bài ca không phải của thể vận hội Olympic, mà là của các vị thần núi Olympus. Hercule

là cậu em họ yếu ớt của tôi. Đây là mới chỉ tính đến nhánh Hy Lạp trong dòng họ chúng tôi thôi đấy. Chúng tôi, những người theo đạo Thiên, thì lại khác.

Là Zarathoustra nghĩa là mang đôi chân thần thánh ngổn ngáo núi non, biến chúng thành bầu trời, nghĩa là có máy phóng ở đầu gối và phần còn lại của cơ thể là vật để phóng đi. Là mang trống trận trong bụng và bộ gõ mừng chiến thắng trong tim, là mang trong đầu niềm vui đáng sợ đến mức phải có sức mạnh phi thường mới mang nổi nó, là sở hữu mọi sức mạnh tồn tại trên đời vì lý do duy nhất mà người ta cần triệu đến chúng và ghìm giữ chúng trong máu, đó là không chạm đất nữa để đối thoại với mặt trời được gần hơn.

Số phận vốn hay bông đùa nên cho tôi sinh ra làm người Bỉ. Sinh ra ở một đất nước bằng phẳng trong khi lại thuộc dòng dõi Zarathoustra thì thật là trớ trêu.

Tôi vượt qua các toán người Nhật. Vài người ngược mắt lên khỏi mặt đất nhìn tôi lao vút qua như ngôi sao băng. Các cụ già nói: “Wakaimono” (“sức trẻ mà”) thay lời giải thích. Những người trẻ thì chẳng biết nói gì.

Khi đã vượt qua tất cả những người leo núi, tôi nhận ra không chỉ có mình mình. Còn có một Zarathoustra khác trong đám những người leo núi ban ngày và anh ta dứt khoát muốn làm quen với tôi: đó là chàng lính Mỹ đóng quân ở Okinawa đến đây ngắm núi.

- Tôi đã tin là mình không bình thường, anh ta bảo tôi, nhưng cô là con gái mà leo chẳng kém gì tôi.

Tôi chẳng muốn giải thích với anh ta rằng từ bao đời nay, vẫn có những người phụ nữ thuộc dòng dõi Zarathoustra. Anh ta không xứng thuộc về dòng giống ấy: anh ta rất lấm mòm và chẳng quan tâm gì đến điều thiêng liêng. Trong gia tộc nào cũng có những kẻ là biến dị di truyền thế này.

Phong cảnh trở nên tuyệt vời, tôi cố chỉ cho anh chàng người Mỹ cùng dòng thấy vẻ huy hoàng đó. Anh ta chỉ nói:

- Yeah, great country.[33]

Tôi đoán chắc ngời trước một đĩa bánh kẹp thì anh ta cũng hào hứng y như vậy.

Tôi tăng tốc vì muốn cắt đuôi. Thế nhưng anh ta cứ bám nhằng nhẵng sau tôi, mồm nhắc đi nhắc lại:

- That's a girl![34]

Anh ta thực ra cũng là người dễ mến, nghĩa là không cố tỏ ra mình là dòng giống Zarathoustra. Tôi ao ước được ở một mình để biết trạng thái tinh thần của những người theo đạo Thiên, những người mê nhạc của Wagner kiêm những người theo trường phái triết học của Nietzsche trong hoàn cảnh này. Không thể làm thế được, vì anh chàng lính Mỹ cứ lải nhải luôn mồm và hỏi tôi xem có phải Bì là đất nước của hoa tuy líp không. Chưa bao giờ tôi nguyên rửa sự hiện diện quân sự của Mỹ ở Okinawa đến thế.

Đến độ cao ba ngàn năm trăm mét, tôi lịch sự bảo anh ta im đi, giải thích rằng đây là ngọn núi thiêng liêng và tôi muốn tĩnh tâm leo nốt hai trăm bảy mươi bảy mét còn lại. “No problem”[35], anh ta nói. Tôi thoát được cảm giác bị anh ta đeo bám và say sưa leo nốt đoạn đường còn lại.

Trên đỉnh núi hiện ra vành trăng, một đường tròn rộng mênh mông bằng đá bao quanh vực thẳm miệng núi lửa. Chỉ có thể giữ được thăng bằng nếu đi men theo đường tròn đó. Ngoảnh lại sau lưng là đồng bằng Nhật Bản bát ngát ngút tầm mắt, dưới bầu trời trong xanh.

Lúc bấy giờ là bốn giờ chiều.

- Giờ cô làm gì? - người lính Mỹ hỏi.

- Tôi đợi người yêu.

Câu trả lời có tác dụng như mong đợi: anh chàng người Mỹ quay lại phía đồng bằng ngay. Tôi thở dài khoan khoái.

Tôi đi dọc theo miệng núi lửa. Hình như phải mất cả ngày mới đi hết được đường tròn ấy. Chẳng ai dám bén mảng vào bên trong: núi lửa đã tắt, nhưng sự linh thiên vẫn ám ảnh công trường đá của những người khổng lồ này.

Tôi ngồi xuống đất, đối diện với nơi những người leo núi sẽ lên. Tất cả mọi người đều leo theo một sườn núi, dù ngọn núi này hình nón, tôi cũng chẳng hiểu tại sao nữa. Có lẽ chỉ là do tính khuôn mẫu của người Nhật và tôi cũng leo theo mọi người vì muốn thành người Nhật. Ngoài anh chàng người Mỹ và tôi, tôi chẳng thấy bất cứ người nước ngoài nào khác. Thật cảm động khi ngắm các cụ già leo lên đến đỉnh, tay chống gậy, rất trang nghiêm nhưng cũng vô cùng kinh ngạc về kỳ tích của mình.

Một cụ già tám mươi tuổi lên đến đỉnh lúc khoảng sáu giờ chiều, reo lên:

- Giờ thì tôi xứng đáng là người Nhật rồi!

Vậy đấy, trải qua chiến tranh chưa đủ để được phong tước hiệp sĩ. Chỉ có trèo lên 3776 mét mới xứng đáng với danh hiệu đó.

Ở một đất nước khác nơi dân chúng bớt trung thực hơn thì hẳn có khối người giả vờ đã từng leo núi, đến mức phải lập hẳn bên miệng núi lửa một quày phát chứng chỉ cho những ai leo thật. Nếu thế thì tốt cho tôi quá. Tiếc là tôi chỉ có mỗi lời nói của bản thân để khẳng định công trạng; mà chắc chắn là lời nói của tôi chẳng có giá trị gì rồi.

Đến sáu rưỡi chiều, Rinri mới leo tới nơi.

- Em lên đến nơi rồi! - anh thốt lên, hết bản khoăn lo lắng.

- Từ rất lâu rồi.

Anh đổ phịch người xuống đất.

- Anh không thể đi được nữa.

- Giờ anh là người Nhật thật rồi.

- Cứ như thể anh cần phải làm thế mới là người Nhật vậy!

Tôi nhận thấy điểm khác biệt trong quan điểm của anh và của cụ già tám mươi. Dường như việc được làm người Nhật đã mất uy nhiều rồi.

- Anh không ngồi đó được đâu, - tôi bảo anh.

Rồi tôi kéo anh lên, dẫn về ngôi nhà dài trú chân trên núi nơi có thể kiếm được chỗ nghỉ. Khi anh đưa tôi bánh quy khô và nĩa lóng lánh, tôi nhắc anh là chúng tôi phải dậy trước bình minh để ngắm mặt trời mọc.

- Sao em leo được nhanh thế? - anh hỏi tôi.

- Vì em là Zarathoustra, - tôi trả lời.

- Zarathoustra. Người đã nói như thế ư?[36]

- Vậy đây.

Rinri ghi nhận thông tin mà chẳng hề ngạc nhiên rồi lăn ra ngủ. Tôi lay lay

để gọi anh dậy, tôi muốn có anh cùng trò chuyện, nhưng vô ích, chẳng khác nào cù người chết. Làm sao tôi có thể buồn ngủ được bây giờ? Tôi đang ở trên đỉnh Phú Sỹ, điều đó quá ấn tượng để có thể nhắm mắt lại. Tôi chui ra khỏi nơi trú ẩn.

Lúc này đồng bằng đã chìm trong bóng đêm. Xa xa, thấp thoáng bóng một cây nấm rộng lớn sáng rực: Tokyo. Tôi run lên vì lạnh và vì xúc động khi nhìn nước Nhật thu nhỏ dưới mắt mình: núi Phú Sỹ cổ kính và thủ đô theo khuynh hướng vị lai.

Tôi nằm dài gần miệng núi lửa, vừa thức chong chong vừa rét run vì những ý tưởng vĩ đại hơn tôi biết bao nhiêu. Trong khu lều, cuối cùng mọi người cũng thiếp đi cả. Tôi muốn là người thấy được những tia sáng đầu tiên.

Trong khi chờ đợi, tôi được chứng kiến một cảnh không thể tin nổi. Từ nửa đêm, từng đoàn ánh sáng bắt đầu leo núi. Vậy là có những người dũng cảm leo núi ban đêm, chắc là để khỏi phải chịu cái lạnh trên núi quá lâu. Quả vậy, ngắm cảnh mặt trời lên là nghi lễ không thể bỏ qua. Chẳng cần phải leo lên núi sớm hơn thời điểm đó nhiều. Nước mắt rung rung, tôi nhìn mấy vệt sáng dài như những con sâu óng vàng chậm chạp trườn lên đỉnh núi. Chắc chắn trong mấy đoàn người đó chẳng có ai là vận động viên điền kinh, mà chỉ toàn là người thường cả thôi. Làm sao có thể không khâm phục một dân tộc như vậy?

Khoảng bốn giờ sáng, khi những người đi đêm đầu tiên lên đến nơi, vài vệt sáng xuất hiện trên bầu trời. Tôi vào lay Rinri nhưng anh lâu lâu bảo anh đã là người Nhật rồi, và hẹn gặp nhau ở dưới xe lúc chiều tối. Tôi nghĩ nếu tôi xứng đáng là người Nhật thì có lẽ anh cũng xứng đáng là người Bỉ, và tôi quay ra ngoài. Mọi người dần dần tụ tập trước những tia sáng đầu tiên trong ngày.

Tôi đứng lẫn vào đám người. Mọi người đứng đó chờ mặt trời xuất hiện trong bầu không khí lặng im sâu thẳm. Tim tôi bắt đầu đập rất mạnh. Không

một gợn mây trên bầu trời hè. Phía sau chúng tôi là vực thẳm của ngọn núi lửa đã tắt.

Bỗng dưng, một quãng đỏ xuất hiện nơi đường chân trời. Cả đám người đang im bật bỗng xông xáo. Sau đó, vừa nhanh vừa oai vệ, cả vàng dương bước ra khỏi hư không và ngự trên đồng bằng.

Lúc đó bỗng diễn ra một hiện tượng mà mỗi lần nghĩ đến tôi đều rất cảm động; hàng trăm lồng ngực những người tụ tập ở đó, trong đó có tôi, cùng reo lên:

- Banzaê[37]!

Tiếng reo đó chỉ là cách nói giảm nhẹ: cả vạn năm cũng không đủ để diễn tả cảm giác bất tử Nhật Bản do quang cảnh này gợi lên.

Chắc trông chúng tôi giống như cuộc tụ họp của những người theo phái cực hữu. Tuy nhiên, những con người trung hậu có mặt ở đó lúc ấy hẳn chẳng thể nào là phát xít được, cũng như bạn và tôi vậy. Trên thực tế, chúng tôi không đi theo một lý tưởng mà là một huyền thoại, mà chắc chắn đó là một trong những huyền thoại linh nghiệm nhất trên hành tinh.

Mắt giàn giụa, tôi ngắm biểu tượng trên cờ Nhật dần bớt màu đỏ để tỏa ánh vàng lên nền trời xanh còn nhợt nhạt. Nữ thần mặt trời chẳng phải chị họ tôi.

Khi cơn ngậy ngất tập thể đã nguôi đi đôi chút, tôi nghe thấy ai đó nói:

- Phải xuống núi thôi. Tôi thấy đi xuống mệt hơn là trèo lên. Hình như kỷ lục xuống núi này là năm mươi lăm phút. Tôi tự hỏi làm sao có thể xuống núi trong thời gian ngắn như vậy được, nhất là nếu chẳng may bị ngã thì kết quả không được tính: luôn phải đứng vững trên đôi chân.

- Tôi thấy thế cũng đúng thôi, người khác nói.

- Không đâu. Đất trơn đến mức có thể ngồi mà trườn xuống được. Tôi đã thấy một bà cụ già làm thế đấy.

- Thế có nghĩa đây không phải là lần đầu anh leo lên núi à?

- Đây là lần thứ ba. Tôi leo không biết chán.

“Ông ta xứng đáng nhiều lần mang Nhật”, tôi nghĩ vậy. Những lời ông nói như rót vào tai tôi.

Tôi đứng trước mặt trời, và đúng lúc năm giờ rưỡi, tôi lao xuống sườn núi. Tôi thả cho đôi chân thoải mái chạy. Những gì tôi trải qua vượt quá cả sự vĩ đại: để không bị ngã thì chân lúc nào cũng phải cử động, chạy trên nền dung nham, trí não vận động cũng nhanh như đôi chân, không được làm đứt đoạn sự tỉnh táo điên rồ dù chỉ một giây, phải cười để không ngã khi bị trượt chân, mà những cú trượt không thể tránh khỏi như vậy lại càng làm tăng tốc độ; tôi là ngôi sao băng dưới ánh mặt trời mọc, tôi là viên đạn được bắn đi, tôi gào lên đánh thức ngọn núi lửa.

Khi tôi xuống đến bãi để xe, còn chưa đến sáu giờ mười lăm: tôi đã vượt xa kỷ lục. Chỉ tiếc là chẳng có gì làm chứng để xác nhận kỷ lục hết. Kỳ tích của tôi mãi mãi là truyền thuyết cá nhân thôi.

Có vòi nước ở đó, tôi rửa sạch khuôn mặt lấm đầy dung nham và uống cho đỡ khát. Chỉ còn phải đợi Rinri nữa thôi. Chắc là mất nhiều thời gian lắm đây. May mà chẳng thể nào thấy chán khi ngắm mọi người qua lại, nhất là ở Nhật. Tôi ngồi xuống đất và trong suốt nhiều giờ liền lặng ngắm những người mà tôi gần như coi mình là đồng bào của họ.

Khi Rinri xuống đến chỗ tôi hẳn đã hai giờ chiều. Trông anh rũ rượi mệt

mỏi. Anh bình tĩnh chở tôi về Tokyo trên chiếc Mercedes.

Ngày hôm sau, anh gửi cho tôi hai mươi hai bông hồng đỏ. Có tấm thiệp gửi kèm: “Zarathoustra yêu quý, mừng sinh nhật em!” Anh xin lỗi vì không phải là siêu nhân để có thể tự mang hoa đến cho tôi. Chân anh đau nhức không thể bước nổi.

Vài ngày sau, Rinri gọi điện báo cho tôi biết là gia đình anh đi chơi một tuần. Anh mời tôi đến ở nhà anh trong thời gian đó.

Tôi vừa tò mò vừa e ngại nhận lời anh: tôi chưa từng sống cùng anh trong thời gian dài đến thế.

Anh đến đón tôi cùng chiếc balô con. Khi bước vào tòa lâu đài bê tông, tôi ngại ngần hỏi:

- Em ngủ ở đâu?

- Cùng với anh, trên giường bố mẹ anh. - Tôi phản đối sự bố trí vụng về đó. Rinri nhún vai như thường lệ.

- Làm sao ngủ trên giường

- Bố mẹ không biết thì chẳng sao, - anh nói.

- Nhưng em không thể làm ngơ được.

- Vậy em muốn mình ngủ trên cái giường đơn của anh à? Thế thì khó chịu lắm.

- Không có cách khác à?

- Có. Ngủ trên giường ông bà anh.

Lý lẽ của anh đã thắng. Ông bà anh làm tôi ghê sợ nên tôi hết áy náy đồng ý ngủ trên giường của bố mẹ anh.

Đó là một tấm đệm nước không lò. Loại này từng rất phổ biến cách đây hai mươi năm. Nằm trên đó thật vô cùng bất tiện.

- Hay đấy, tôi nhận xét. Nằm trên đệm này muốn động đậy một chút cũng phải cân nhắc xem có nên hay không.

- Cứ như đang ngồi trên ca-nô trong phim Giải thoát[38].

- Chính xác. Ra khỏi được cái đệm này chính là giải thoát đấy.

Rinri giam mình trong bếp. Anh định làm những món đặc biệt. Tôi dạo chơi trong lầu đài bê tông.

Chẳng hiểu sao tôi không rũ bỏ được cảm giác chắc chắn là có chiếc máy quay đang theo dõi mình nhỉ? Cảm giác như có con mắt vô hình cứ bám theo tôi. Tôi nhắm mắt nhìn lên trần nhà, rồi về phía các bức tường: chẳng thấy gì hết. Kẻ thù rất tinh khôn cứ giả vờ không thấy cách cư xử không phải đạo của tôi. Phải cảnh giác.

Rinri bắt gặp tôi đang lè lưỡi trước một bức tranh đương đại.

- Em không thích tác phẩm của Nakagami à? - anh hỏi.

- Có chứ. Tuyệt vời, tôi nói với vẻ hào hứng chân thành trước bức tranh tuyệt vời khó hiểu.

Hắn Rinri phải rút ra kết luận là người Bỉ thè lưỡi ra trước những bức tranh

họ thấy thích.

Những món ăn cầu kỳ đợi tôi trên bàn: rau chân vịt rắc vừng, túng chim cút nấu đông với chiso, nhím biển. Tôi ăn ngon lành, nhưng nhận ra là anh chẳng ăn chút nào.

- Sao thế?

- Anh không thích mấy món này.

- Thế sao anh lại nấu chúng?

- Để em ăn. Anh thích nhìn em ăn.

- Em cũng thế, em cũng thích nhìn anh ăn, - tôi khoanh tay nói.

- Em ăn nữa đi, làm ơn đi mà, trông em ăn thích lắm.

- Em sẽ tuyệt thực đến chừng nào anh mang đồ ăn của anh ra thì thôi.

Tôi rất cực lòng, không chỉ vì làm anh khổ, mà nhất là vì không được ăn ngấu nghiến những đồ ăn ngon lành đang hút chặt lấy mắt tôi.

Rinri buồn rầu đi vào bếp và mang ra món xúc xích kiểu Ý-Mỹ cùng một hộp may-onnaise. Tôi nghĩ: “Không, anh ấy không thể làm thế được.” Nhưng mà có đây: anh ăn từng lát xúc xích phết mayonnaise dày tới cả xăng ti mét. Trả thù hay khiêu khích đây? Tôi giả vờ thờ ơ và tiếp tục thưởng thức những món ăn tinh tế trong khi anh khoái trá ngấu nghiến cơn ác mộng đó. Anh bắt gặp vẻ kinh hoàng của tôi và ranh mãnh hỏi:

- Chẳng phải em muốn anh ăn là gì?

- Em rất vui, tôi nói dối. Em và anh, mỗi người đều ăn thứ mình thích. Thế

là tốt.

- Anh muốn mời tất cả bạn bè đến giới thiệu với em. Em có đồng ý không?

Tôi chấp nhận. Buổi tiếp đón được định vào năm ngày sau đó.

Đang là kỳ nghỉ hè. Tôi không bước chân ra khỏi tòa lâu đài bê tông. Rinri đối đãi tôi như công chúa. Anh xếp cho tôi một cái bàn viết bằng sơn mài trong phòng khách, dưới bức tranh của Nakagami. Tôi chưa từng viết trong những điều kiện như thế, vả lại chúng cũng chẳng thích hợp với tôi. Tôi chỉ cần những thứ vật dụng rẻ tiền, thậm chí là đồ bỏ đi, để có thể sáng tạo. Sơn mài phai màu ra tay tôi, tôi làm bản thảo lấm lem.

Rinri ngỡ ngàng nhìn tôi, cái bút trong tay tôi chết cứng. Vậy là Rinri ra hiệu viết đi, mặt lộ vẻ van nài, và tôi hiểu chỉ cần viết bất cứ thứ gì, anh cũng sẽ hài lòng biết bao. Hệt như nhân vật chính trong *Shining*^[39], tôi viết cả nghìn lần rằng tôi đang phát điên. Nhưng quanh đây chẳng có cái rìu nào để tôi tiếp tục bắt chước nhân vật đó.

Cho đến lúc này, cuộc sống hai người duy nhất mà tôi từng biết là với chị tôi. Nhưng chị ấy giống tôi đến mức đó không phải là cuộc sống hai người, mà là sự tồn tại mãn nguyện của một cá thể hoàn hảo.

Điều tôi trải nghiệm cùng Rinri thật mới mẻ, nó là sự chia sẻ mỗi ngày ngừng thú vị. Cuộc sống lứa đôi này cũng giống với tấm nệm nước nơi chúng tôi ngủ: lồi thò, không thoải mái và buồn cười. Mọi quan hệ của chúng tôi là cùng cảm thấy sự khó chịu cảm động.

Cứ mỗi lần Rinri khen tôi đẹp, anh lại làm ngừng hết mọi việc lại: tôi phải giữ nguyên tư thế, dù thường là rất kỳ quặc. Lúc đó, chàng trai bèn vừa đi vòng quanh tôi vừa thốt lên những tiếng “ôi” đầy cảm động. Tôi chẳng hiểu ra sao nữa. Một hôm, tôi bước vào bếp nơi anh đang tất tả bận rộn. Một quả cà chua làm tôi thấy thèm, tôi bèn cắn một miếng. Anh kêu lên, tôi tưởng đó

là một trong những khoảnh khắc đẹp trứ danh như mọi khi nên giữ nguyên cử chỉ đó. Anh giăng quả cà chua khỏi tay tôi và nói loại quả này sẽ làm hồng màu da tôi. Người ăn xúc xích với mayonnaise mà cũng nói thế được thì quá lắm, tôi thấy vậy và lấy lại quả cà chua. Anh thở than những điều tuyệt vọng về sự chóng tàn của làn da trắng.

Đôi khi, điện thoại reo. Anh nghe điện thoại theo kiểu Nhật, tức là nói ít đến mức đáng ngờ. Những cuộc trò chuyện qua điện thoại chỉ kéo dài không quá mười giây. Tôi còn chưa biết lệ đó ở Nhật và lại nghĩ anh là mafia, cũng như chiếc Mercedes trắng tinh khôi từng làm tôi nghi ngờ anh. Anh đi chợ bằng ô tô và hai giờ sau trở về nhà với ba củ gừng. Cái trò đi chợ này chắc chắn là để che giấu âm mưu gì đây. Vả lại, nhờ có cô em gái, anh chả có quan hệ với đám anh chị California đây thôi.

Sau này, khi không còn nghi ngờ sự vô tội của anh nữa, tôi mới biết được sự thật còn khó tin hơn nhiều: anh quả thực đã bỏ ra hai tiếng đồng hồ để chọn ba củ gừng.

Thời gian trôi chậm. Tôi muốn đi đâu thì đi, nhưng tôi chẳng nghĩ đến điều đó. Chuyện nghỉ lại nhà anh đầy trọng thể này cuốn hút tôi. Khi Rinri ra ngoài cho những chuyến đi bí ẩn, tôi muốn tận dụng lúc chỉ có một mình để làm hành động gì đó xấu xa: tôi đi vòng quanh lâu đài bê tông, tìm cách để gây hại, nhưng chẳng thấy cách nào hết. Chán quá, tôi đành viết

Anh quay về. Tôi đón anh trịnh trọng, gọi anh là Danasama (Ông chủ đáng kính). Vì cho rằng mình có địa vị thấp kém, anh phản đối bằng cách quỳ gối và tự gọi mình là “nô lệ của em”. Sau mấy trò hề đó, anh cho tôi xem thứ anh mang về.

- Ba củ gừng, tuyệt quá! tôi tỏ vẻ hân hoan mê li.

Tôi như thấy mình tham gia vào hội thảo về những bà vợ của mấy tên tội

phạm khét tiếng. “Làm sao chị biết chồng chưa cưới của mình là một tay anh chị?”

Tôi cố giải mã cách cư xử của anh. Anh có nhiều cách cư xử rất lạ. Anh để giữa phòng khách một cái chậu to bằng tre đựng cát. Anh xoa mịn bề mặt rồi đứng dùng bàn chân trần vẽ những dấu hiệu bí hiểm.

Tôi toan giải mã những thứ anh vẽ ra, nhưng anh thấy xấu hổ và dùng gót xóa đi. Điều đó khẳng định giả thiết anh là tội phạm, tôi thấy vậy. Giả vờ ngây thơ, tôi hỏi anh những chữ tượng hình đó có nghĩa gì.

- Chỉ để anh tập trung thôi, - anh bảo.

- Tập trung để làm gì?

- Chẳng làm gì cả. Ta luôn có nhu cầu tập trung.

Hình như biện pháp này chẳng có ích mấy: trông anh lúc nào cũng như đang trên mây trên gió. Cuối cùng điều đó làm tôi nhớ đến một người.

- Chúa Jesus Christ, trong trường đoạn người phụ nữ ngoại tình, dùng chân vẽ những dấu hiệu xuống đất, - tôi nói.

- Thế à, - anh bình luận với vẻ thờ ơ hết mức thường có với các chủ đề tôn giáo (trừ dòng Đền, các bạn cũng biết tại sao rồi đấy).

- Anh biết không, trên cây thánh giá, người La Mã đã khắc chữ INRI^[40] phía trên hình Jesus đấy. Thêm một chữ nữa là thành tên anh.

Và tôi giải thích cho anh nghe ý nghĩa của từ viết tắt đó. Tôi đã khiến anh quan tâm đến chủ đề này.

- Thế sao tên anh lại có thừa một chữ cái? - anh hỏi. Ó lẽ vì anh không phải

là Christ, - tôi gợi ý.

- Hoặc là Christ có một chữ cái đầu tên nữa. Chữ R ở đầu có thể là rônin[41].

- Anh có biết nhiều câu pha trộn giữa tiếng Nhật và tiếng Latin không? tôi giễu cợt hỏi.

- Nếu Chúa Jesus Christ hiện về ngày nay, ông ấy sẽ không chịu chỉ nói một thứ tiếng đâu.

- Đúng, nhưng ông ấy đâu có nói tiếng Latin.

- Tại sao không? Ông ấy sẽ pha trộn giữa các thời đại.

- Và vì thế anh cho rằng sẽ là rônin?

- Đúng thế đấy. Nhất là khi bị đóng đinh lên cây thánh giá, ông ấy đã nói: “Sao người lại bỏ ta?” Câu đó xứng đáng là của một samurai không có chủ.

- Anh biết à? Anh đã đọc Kinh thánh à?

- Không. Đó là trong cuốn Làm thế nào để trở thành hiệp sĩ dòng Đền.

Đầu đề cuốn sách khiến tôi nghĩ là mình đã xuất hiện kịp thời.

- Có cả một cuốn sách bằng tiếng Nhật có tựa đề như thế ư?

- Phải. Em đã giác ngộ cho anh. Anh là chàng samurai Jesus.

- Anh giống Jesus ở điểm nào?

- Rồi sẽ biết. Anh mới hai mươi một tuổi thôi mà.

Cái kết luận rất rộng đường cho anh làm tôi thấy vui.

Ngày mời các bạn anh ăn tối đã tới. Từ sáng, Rinri đã xin lỗi là phải bỏ tôi lại một mình và chui biệt vào trong bếp.

Ngoài Hara và Masa ra thì tôi chẳng biết mình sẽ gặp ai nữa. Hai người này chẳng có vẻ gì là mafia cả, nhưng Rinri cũng vậy mà. Những người khác có lẽ trông sẽ giống hơn.

Tôi trầm ngâm hồi lâu trước bức tranh khổng lồ của agami. Để chiêm ngưỡng vẻ lộng lẫy bí hiểm của bức tranh này thì chỉ một chút nhạc thôi cũng gây khó chịu.

Khoảng mười tám giờ, tôi thấy Rinri lướt mát mồ hôi chui ra từ đồng xoong nồi và bày bát đĩa lên một chiếc bàn dài. Tôi đề nghị được giúp nhưng anh cấm không cho tôi làm. Sau đó, anh lao vào tắm rồi quay ra với tôi. Mười tám giờ năm mươi lăm phút, anh báo với tôi khách khứa đã tới.

- Anh nghe thấy tiếng họ à? - tôi hỏi.

- Không, anh mời họ đến lúc mười chín giờ mười lăm. Thế có nghĩa là họ sẽ đến lúc mười chín giờ.

Đúng mười chín giờ, tiếng cồng điện tử vang lên khẳng định sự đúng giờ. Mười một chàng trai đợi trước cửa dù họ không hề đi cùng nhau tới.

Rinri mở cửa cho họ vào, chào hỏi ngắn gọn rồi biến mất trong bếp. Hara và Masa gật đầu chào tôi. Chín người còn lại tự giới thiệu. Phòng khách vừa đủ rộng cho tất cả chúng tôi. Tôi mời mọi người uống bia Rinri đã chuẩn bị.

Mọi người yên lặng nhìn tôi. Tôi thử nói chuyện với những người tôi đã quen nhưng vô ích, rồi bắt chuyện với những người tôi chưa quen, chỉ nhọc

công. Trong lòng tôi thầm van nài Rinri ra bàn ăn để sự hiện diện của anh xóa bỏ bầu không khí gò bó này. Nhưng mọi việc chuẩn bị hẳn vẫn chưa xong.

Tình trạng câm lặng nặng nề đến nỗi tôi bắt đầu đọc thoại về chủ đề đầu tiên nghĩ ra:

- Tôi chưa từng nghĩ là người Nhật lại thích bia đến thế. Tối nay tôi lại kiểm chứng được điều tôi từng nhận thấy nhiều lần: khi được mời uống thì bao giờ các anh cũng chọn bia.

Họ lịch sự lắng nghe tôi và chẳng nói gì hết.

- Ngày xưa người Nhật có uống bia không?

- Tôi không biết, - Hara nói.

Những người khác lắc đầu để khẳng định họ cũng không biết. Lại im lặng.

- Ở Bỉ, chúng tôi cũng uống rất nhiều bia. Tôi hy vọng Hara và Masa sẽ nhớ lại món quà của tôi trong lần gặp trước và sẽ nói về điều đó, nhưng họ chẳng nói năng gì. Tôi lại phải mở miệng và nói tất cả những gì tôi biết về các loại bia của nước tôi. Mười một chàng trai cư xử như thể họ được mời đến dự hội nghị, kính cẩn lắng nghe tôi; tôi ngờ rằng một trong số họ rồi sẽ rút sổ ra ghi. Tôi thấy mình thật kỳ cục.

Tôi cứ im miệng thì tình trạng lại như cũ. Mười một chàng trai dường như cũng không thoải mái vì bầu không khí yên lặng đó: tuy nhiên, chẳng ai chịu tận tụy giúp tôi. Đôi khi tôi làm thử nghiệm với thái độ của họ, đẩy họ đến tận cùng của sự im lặng; tôi nhìn đồng hồ, năm phút trôi qua, vẫn chẳng ai nói gì. Khi tất cả chúng tôi đã đạt đến tận cùng khổ ải, tôi đành bắt đầu nói bất cứ thứ gì:

- Cũng còn loại Rodenbach, là một loại bia đỏ. Người ta gọi nó là bia-rượu vang.

Ngay lập tức họ thở dễ dàng hơn. Cuối cùng tôi hy vọng họ coi tôi là một diễn giả thực thụ và sẽ đặt câu hỏi cho tôi.

Khi Rinri gọi chúng tôi vào bàn, tôi thở phào nhẹ nhõm. Chúng tôi ngồi dọc theo bàn nơi tôi chiếm vị trí trung tâm và tôi nhận ra không còn chỗ cho chủ nhà.

- Anh quên không xếp chỗ cho anh rồi, tôi thì thăm với anh.

- Không đâu.

Anh trốn ngay vào trong bếp và tôi chẳng biết gì hơn. Anh quay lại với một khay những món ăn rất kỳ công và bày trước mặt chúng tôi: hoa bồ công anh tẩm bột rán, lá chiso nhồi củ sen, đậu dầm với quả thanh yên, cua lùn rán giòn. Sau khi rót rượu sakê ấm cho mỗi người, anh biến mất và đóng cửa bếp lại.

Đến lúc đó thì tôi hiểu: tôi là chủ nhân duy nhất của bữa tối này. Rinri giam mình trong gian phòng dành cho nô lệ hết như người vợ Nhật truyền thống.

Hình như chỉ có tôi là ngạc nhiên, trừ phi những vị khách mời lịch sự nên không tỏ thái độ. Có tiếng thì thăm khen các món ăn tinh tế. Tôi hy vọng là ít ra món ngon cũng làm họ phải mở miệng. Nhưng không. Mọi người yên lặng sùng kính nếm từng món một.

Tôi tán thành thái độ đó. Tôi luôn khó chịu vì buộc phải nói trong khi thưởng thức những tuyệt tác ẩm thực. Nghĩ rằng Rinri dù sao cuối cùng cũng đã cứu tôi, tôi tĩnh tâm lại và liếm mép chẳng nói năng gì.

Sau cơn thăng hoa âm thực, tôi nhận ra các vị khách mời đang nhìn mình vẻ hơi khó xử và dò hỏi: dường như họ không hiểu vì sao tôi không quan tâm đến họ nữa. Tôi quyết định đành công không chịu nói. Nếu họ muốn nói thì cứ việc mà nói! Sau bài diễn thuyết về bia Bỉ, tôi có quyền được nghỉ và được ăn chút. Tôi bỏ vai trò nhà hùng biện rồi.

Rinri ra dọn chỗ bát đĩa sạch trơn và mang cho mỗi người một cái bát sơn mài đựng nước canh hoa lan. Tôi nhiệt tình khen tác phẩm của anh. Những người khác coi việc anh đóng vai bà nội trợ Nhật quá hiển nhiên đến mức chỉ khen một câu. Gã nô lệ cụp mắt khiêm tốn và chạy đi giam mình vào ngục tối, chẳng nói chẳng rằng gì cả.

Món canh hoa lan trông thì đẹp nhưng nhạt nhẽo. Ngấm xong thì chẳng còn việc gì mà làm nữa. Lại im lặng đến ngạt thở.

Đúng lúc đó, Hara nói với tôi cái điều không thể tin nổi ấy:

- Cô đang nói về loại bia-rượu vang.

Cái thìa của tôi chết sững trên không và tôi hiểu: họ lệnh cho tôi tiếp tục diễn thuyết. Đúng hơn là họ tuyên bố rằng tối nay tôi là người nói chuyện.

Người Nhật đã sáng tạo ra cái nghề tuyệt vời ấy: nói chuyện. Họ đã nhận ra mối tai vạ của những bữa tối chính là cái bồn phận chán ngắt phải nói chuyện. Thời Trung Cổ, trong những buổi yến tiệc vua ban, mọi người đều câm như hến, thế thật hay. Đến thế kỷ XIX, việc khám phá các tục lệ phương Tây xui khiến những người lịch sự tao nhã nói chuyện bên bàn ăn. Họ phát hiện ra ngay nỗi phiền nhiễu nảy sinh từ nỗ lực này, nỗ lực từng một thời được đẩy cho các geisha[42]. Những phụ nữ đó ngày càng ít đi và người Nhật đã khéo léo tìm ra giải pháp bằng cách tạo ra nghề nói chuyện.

Trước mỗi lần làm nhiệm vụ, người nói chuyện nhận được cả tập hồ sơ gồm

sơ đồ bàn ăn, nhân thân của từng vị khách. Anh ta phải tìm hiểu về mỗi vị khách, trong giới hạn lịch sự cho phép. Trong bữa ăn, người nói chuyện dùng micro, đi quanh bàn tiệc và nói: “Ngài Toshiba có mặt ở đây, chủ tịch của doanh nghiệp rất nổi tiếng, chắc sẽ nói với ngài Sato, người học cùng phổ thông với mình, rằng ngài Sato chẳng thay đổi gì suốt từ thời đó. Ngài Sato chắc sẽ trả lời rằng việc chơi golf liên tục giúp giữ gìn vóc dáng, như ngài đã từng nói thán trước trên tờ Asahi Shimbun. Còn ngài Horie gợi ý là trong tương lai, ngài Sato nên nhận trả lời phỏng vấn tờ Mainichi Shimbun thì hơn. Ngài Horie là tổng biên tập tờ Mainichi Shimbun...”

Những lời tầm phào đó chắc chắn là chẳng lấy gì làm hấp dẫn, nhưng cũng chẳng khác gì những điều người châu Âu chúng tôi nói trong những bữa ăn tương tự. Hơn nữa, chúng lại có lợi thế là cho phép khách mời được yên thân ăn mà không phải cố nói. Điều đáng ngạc nhiên nhất là người ta lại lắng nghe người nói chuyện.

- Ở Bruxelles, người ta vẫn còn sản xuất loại bia gueuze[43] thủ công..., tôi nói.

Thế là lại bắt đầu. Bạn bè của Rinri ngay lập tức tỏ ra hài lòng. Quá trình ủ bia bằng men tự nhiên khiến họ say mê, nhất là sau khi có sự ngắt quãng trong câu chuyện. Tận đáy lòng mình, tôi lấy làm tiếc là không tham gia công đoàn: tôi là người nói chuyện không được trả lương, tệ hơn nữa là tôi chẳng nhận được tập hồ sơ nào về những người này, làm sao có thể hành nghề được trong những điều kiện như vậy đây?

Nhưng dẫu sao tôi cũng dừng cảm đảm đương công việc, dù trong lòng thâm nguyện rửa Rinri. Anh dọn đũa bát dùng để ăn món canh hoa lan đi và tôi tức điên nhìn anh bày ra các đĩa chawan mushi. Tôi dám đánh đổi tất cả để được ăn món bánh làm bằng hải sản, mộc nhĩ và sốt cá này, cái món phải ăn nóng mới ngon, tôi biết là mình không được nuốt dù chỉ một miếng, bởi tôi đang phải giải thích vì sao Orval là loại bia duy nhất phải uống ở nhiệt độ thường.

Đây là bữa tối cuối cùng của Chúa với các tông đồ theo kiểu Bữa, trong đó một Jesus Christ của đất nước bằng phẳng giờ lên chiếc ly đầy bia chứ không phải rượu, và nói: Đây là máu của ta, món bia trắng của Liên minh mới vĩnh cửu, rót ra cho các ngươi và cho vô số những người mắc tội được xá lỗi, các ngươi sẽ làm thế để nhớ đến sự hy sinh của ta, bởi trong khi các ngươi chèn chén sò huyết thì có người phải làm việc, còn kẻ thứ mười ba đang nấp sau bếp lò và thậm chí không dám ra tặng ta nụ hôn của Judas, hẳn cứ đợi đấy.

Kẻ dám tự xưng là samurai Jesus mang đồ tráng miệng ra, kem tươi đánh bông rưới trà đạo mà tôi chẳng được liếc mắt vì còn đang mãi kết thúc câu chuyện:

- Rất nhiều loại bia tôi nói đến hôm nay có bán ở Kinokunya, thậm chí một số loại còn có bán ở siêu thị Azabu.

Tôi đáng được hưởng hơn cả một tràng pháo tay như sâm ấy chứ: tôi nhận thấy họ kết thúc bữa ăn mà tinh thần vô cùng thoải mái, được ru ngủ bởi tiếng trò chuyện của tôi có tác dụng như tiếng động nền làm họ yên tâm. Họ đã đến độ đầy ứ các giác quan, tình trạng mà một bữa tiệc no nê trong khung cảnh yên bình tuyệt đối có thể mang lại. Tôi cũng có ích đấy ch

Sau đó, Rinri mời chúng tôi ra phòng khách và ra ngồi uống cà phê với chúng tôi. Ngay khi anh ngồi cùng chúng tôi, những vị khách trở lại là những thanh niên hai mươi một tuổi đến nhà bạn chơi: họ bắt đầu trò chuyện thân mật tự nhiên, cười nói, vừa nghe Freddy Mercury vừa hút thuốc, ngồi ngả ngón, chân giạng ra. Tôi, người phải chịu sự yên lặng của mười một nhà sư cứng đờ, tôi thấy tuyệt vọng.

Tôi đổ sụp người xuống tràng kỷ, suy sụp như thể đã uống tất cả các loại bia tôi đã nói đến, và không thốt lên bất cứ lời nào nữa cho đến khi những kẻ xâm lược bỏ đi. Tôi những muốn bóp cổ Rinri: vậy đấy, chỉ cần anh cho

chúng tôi cái vinh dự được chứng kiến sự có mặt của anh trong ba giờ trước đó thì tôi đã thoát nơ! có thể không ám sát anh cơ chứ?

Sao tôi Khi những kẻ đột nhập đã ra về, tôi hít một hơi dài để bình tĩnh lại.

- Sao anh lại bỏ em lại một mình với họ suốt ba giờ đồng hồ?

- Để mọi người làm quen với nhau.

- Lẽ ra anh nên giải thích cho em biết cách ứng xử chứ. Em cố hết sức mà họ cũng chẳng nói năng gì.

- Họ thấy em rất vui tính. Anh thấy hài lòng: bạn bè anh quý em và buổi tối đã diễn ra thật tuyệt vời.

Chán quá, tôi im bật.

Chắc anh hiểu, vì cuối cùng anh bảo tôi:

- Người ta thông báo là cuối tuần này có bão. Giờ là tối thứ Sáu, thứ Hai bố mẹ anh sẽ quay về. Nếu em muốn, anh sẽ đóng hết cửa chớp và chỉ mở ra vào thứ Hai. Anh sẽ chèn cửa ra vào. Nội bắt xuất ngoại bắt nhập.

Tôi thấy ý tưởng rất hấp dẫn. Rinri kéo cái cầu rút lên và nhấn nút kéo rèm xuống. Thế giới bên ngoài không tồn tại nữa.

Ba ngày sau, hiện thực lại trở dậy. Tôi mở cửa sổ và trố hết cả mắt.

- Rinri, lại mà xem này.

Khu vườn bị tàn phá. Cái cây nhà hàng xóm đổ xuống mái nhà không còn

ngói. Mặt đất nứt ra.

- Cứ như thể Godzilla đến thăm chúng ta vậy, tôi bình luận.

- Anh nghĩ là cơn bão mạnh hơn người ta dự báo. Có lẽ một trận động đất đã xảy ra.

Tôi nhìn chàng trai mà cố nén cơn buồn cười. Anh chỉ thoáng cười dè dặt. Tôi đánh giá cao việc anh không ba hoa khoe khoang.

- Giờ phải đi dọn dấu vết của bọn mình ở phòng bố mẹ thôi, anh chỉ nói có vậy.

- Để em giúp anh.

- Thôi, em đi mặc đồ đi thì hơn. Mười lăm phút nữa là mọi người về đây.

Trong khi anh dọn chuồng ngựa của Augias để chuộc tội[44], tôi mặc chiếc váy mỏng nhất: hôm đó trời nóng hầm hập.

Rinri nhanh nhẹn dọn lại căn phòng gọn gàng y hệt như cũ trong nháy mắt rồi ra đứng bên tôi để đón mọi người trong nhà trở về.

Chúng tôi cúi mình nói những câu theo thông lệ trong khi ông bà và mẹ anh phá lên cười chỉ vào tôi. Ngượng chín người, tôi nhìn lại mình từ đầu đến chân xem có gì đặc biệt, nhưng chẳng thấy gì hết.

Hai ông bà già lại chõ tôi, vừa sờ vào da chân tôi vừa hét:

- Shiroi ashi! Shiroi ashi!

- Vâng, chân cháu trắng, tôi đáp ứng. Bà mẹ anh cười chế giễu bảo tôi:

- Ở nước chúng tôi, khi mặc váy ngắn, con gái phải đi tất bó, nhất là khi chân trắng như thế này.

- Đi tất bó khi trời nóng thế này ư? Tôi thốt lên.

- Phải, khi trời nóng cũng vậy, bà trả lời, giọng kiêu cách.

Bố anh lịch sự chuyển chủ đề, mắt nhìn ra vườn.

- Bố cứ nghĩ là còn thiệt hại nặng nề hơn kia. Con bão đã giết chết hàng chục người ngoài bờ biển. Ở Nagoya, bố mẹ và ông bà chẳng thấy động tĩnh gì hết. Thế hai đứa thì sao?

- Chẳng thấy gì cả, Rinri nói.

- Con quen rồi, nhưng còn cháu, Amélie, cháu không thấy sợ sao?

- Không ạ.

- Cháu là cô gái dũng cảm đấy.

Trong khi gia đình anh quay lại nhà, Rinri đưa tôi về. Càng rời xa tòa lâu đài bê tông, tôi lại càng có cảm giác như đang quay lại thế giới thực tại. Trong bảy ngày tôi đã sống xa thành phố ồn ào, không nhìn thấy gì ngoài khu vườn nhỏ xíu bài trí theo phong cách thiền và bức tranh phong cảnh hoàng hôn của Nakagami. Trong bảy ngày đó, tôi được chiều chuộng theo cách mà ít công chúa được hưởng. Giờ tôi thấy Tokyo thật bình dị.

Con bão và trận động đất không để lại dấu vết nào đập vào mắt. Ở Nhật, đó là chuyện thường mà.

Đó là vào cuối kỳ nghỉ hè. Tôi quay lại lớp học tiếng Nhật.

Tháng Chín hiến tôi cho lũ muỗi. Chắc hẳn chúng thích máu tôi nên cứ đồ xô vào đốt tôi. Rinri nhận ra hiện tượng đó và cam đoan rằng tôi là cách tốt nhất để chống lại thảm họa này của Ai Cập: có tôi bên cạnh cũng giống như có một cây cột thu lôi ở bên vậy.

Tôi đã thử đủ cách: xịt thuốc nước có mùi sả, bôi thứ thuốc dính ghê rợn lên người nhưng vô ích, lũ muỗi vẫn cứ vây quanh tôi. Tôi nhớ đến những buổi tối điên rồ khi ngoài việc phải chịu đựng không khí ngột ngạt, tôi còn phải chịu vô số vết đốt nhức nhối. Rượu long não cũng chẳng giúp ích cho tôi được mấy. Tôi rất nhanh chóng phát hiện ra chiến thuật duy nhất: chấp nhận thôi. Chịu bị ngứa và nhất là không được gãi.

Có chịu đựng điều không thể chịu đựng, dần dà tôi cảm thấy dễ chịu hơn: những vết ngứa ngứa một khi đã được chấp nhận cuối cùng làm tâm hồn lâng lâng và tiêm nhiễm niềm hạnh phúc hào hùng.

Ở Nhật, người ta thường đốt hương katorisenko để đuổi muỗi: tôi chẳng biết thứ hương vòng màu xanh ấy được làm bằng gì mà khi đốt lên chúng xua đuổi lũ côn trùng. Tôi cũng đốt hương muỗi, nhưng chỉ là để ngắm vẻ đẹp của thứ hương kỳ quặc đó, vì tôi hấp dẫn lũ muỗi đến mức chúng chẳng sợ hương mà rời bỏ tôi. Tôi tiếp nhận thứ tình yêu vô bờ của loài ký sinh ve ve này với sẵn nhục mà khi cơn khổ ải qua đi sẽ biến thành ân sủng. Dòng máu kích thích trong tôi cảm giác vui thích: khoái lạc nằm ở tận cùng những vết nhói lên.

Nhờ có trải nghiệm này, tôi hiểu được những ngôi đền muỗi ở Ấn Độ mà tôi từng thấy cách đó mười năm: trên các vách đền có cửa kéo nơi tín đồ giơ lưng ra nhận hàng nghìn vết cắn một lúc. Tôi luôn tự hỏi sao lũ muỗi có thể thỏa sức chèn chén trong khung cảnh hỗn tạp như thế, và làm sao người ta có thể yêu quý những vị thần có cánh ấy đến mức tự đưa thân xác ra làm mồi

cho chúng. Điều hấp dẫn nhất vẫn là hình dung ra cái lưng sưng phồng sau bữa tiệc tùng của loài côn trùng.

Đương nhiên là không đời nào tôi lại tự hiến mình cho lũ muỗi rồi. Tuy nhiên, tôi phát hiện ra là có thể nhẫn nhục chịu đựng bị muỗi cắn một cách đầy cảm hứng. Không phải tôi hiến máu cho lũ muỗi xoi, mà là cho chúng tiêm chích. Máu của tôi đủ dùng cho cả bữa tiệc tiêm chích của loài côn trùng có cánh này. Vì chẳng còn cách nào khác nên tôi đành lòng làm bữa tiệc cho chúng.

Qua trải nghiệm này, lòng kiên cường của tôi càng được củng cố: nhịn không gãy là cách rèn luyện tâm hồn vô cùng hiệu nghiệm. Và không phải là không nguy hiểm. Một đêm, nọc muỗi đầu độc não tôi đến mức không hiểu sao tôi bỗng thấy mình trần truồng đứng trước cửa nhà mình vào lúc hai giờ sáng. May là đường phố vắng tanh vắng ngắt và chẳng ai thấy tôi. Tôi trở vào nhà ngay khi tỉnh lại. Làm người tình của hàng nghìn côn trùng Nhật nguy hại thế đấy.

Tháng Mười, trời hết nóng. Mùa thu đến với vẻ huy hoàng quá đỗi. Khi mọi người hỏi tôi nên đến Nhật vào mùa nào, tôi luôn trả lời là tháng Mười. Đó là thời điểm chắc chắn cảnh vật và khí hậu luôn đẹp.

Cây thích ở Nhật đẹp hơn ở Canada nhiều. Khi muốn khen đôi bàn tay tôi đẹp, Rinri vận lời nói truyền thống như thế này:

- Đôi bàn tay em hoàn hảo như lá thích.

- Lá thích mùa nào? - tôi hỏi, tự vẫn xem tay mình màu xanh, vàng hay đỏ thì đẹp hơn.

Anh mời tôi thăm trường đại học của anh, trường thực ra chẳng có gì nổi tiếng, nhưng khu vườn thì đáng xem. Tôi mặc một chiếc váy dài bằng

nhung đen vì mong muốn được ngang hàng với những cô sinh viên Nhật xinh đẹp rạng rỡ mà chắc chắn tôi sẽ gặp.

- Trông em cứ như đi vũ hội vậy, - Rinri nhận xét.

Ngoài mười một trường đại học danh tiếng thì Nhật có hàng nghìn trường dễ thi vào đến mức người ta gọi chúng là “đại học nhà ga” vì chúng nhiều như những nhà ga trên đất nước nơi đường sắt rất phát triển này. Vậy là tôi có dịp thám hiểm một trường đại học như vậy, nơi Rinri “nghỉ hè” trong vài năm.

Trường chẳng khác gì trại hè sang trọng nơi đám thanh niên nhàn rỗi rong chơi. Các cô gái ăn vận kỳ cục đến nỗi chẳng ai để mắt đến trang phục của tôi. Nơi này tỏa ra không khí êm ái như ở nhà điều dưỡng.

Từ ba đến mười tám tuổi, người Nhật học như điên. Từ hai mươi lăm tuổi đến lúc về hưu, họ làm việc như phát rồ. Từ mười tám đến hai mươi lăm tuổi, họ rất có ý thức hưởng thụ khoảng thời gian thư giãn hy hữu trong đời: được thoải mái phát triển. Ngay cả những người đỗ được kỳ thi khủng khiếp vào mười một trường đại học danh tiếng cũng được xả hơi đôi chút: chỉ có kỳ thi đầu vào là thực sự quan trọng thôi. Những người học ở các trường “đại học nhà ga” thì lại càng có lý do để rong chơi.

Rinri bảo tôi ngồi lên một bức tường thấp rồi ngồi cạnh tôi.

- Em nhìn kia, từ đây nhìn lên đường tàu điện trên không rất đẹp. Anh thường hay đến đây mơ màng ngồi ngắm tàu điện.

Tôi lịch sự ngắm nhìn rồi nói:

- Tỉnh thoảng có giờ học không?

- Có. Bọn anh có đi học.

- Học gì?

- Ờ.... Khó nói lắm.

Anh dẫn tôi vào một lớp học sáng choang, có vài sinh viên uể oải ngồi.

- Giờ học về văn minh, cuối cùng anh trả lời cho câu hỏi của tôi.

- Nền văn minh nào? Suy nghĩ rất lung.

- Mỹ.

- Em cứ tưởng anh học tiếng Pháp.

- Ừ. Văn minh Mỹ rất hay.

Tôi hiểu là tranh luận nằm ngoài mọi logic.

Một thầy giáo trung niên bước vào và đứng trên bục giảng. Nếu cố nhớ lại bài giảng của thầy, tôi cũng chỉ nhớ được là ông có nói về điều này điều kia. Sinh viên bình thản lắng nghe. Sự có mặt của tôi có vẻ làm thầy thấy khó chịu nên đến cuối giờ, ông lại gần nói với tôi:

- Tôi không nói được tiếng Anh.

- Thưa thầy, em là người Bỉ, - tôi trả lời. Hình như điều đó không làm thầy yên lòng. Có lẽ với thầy, nước Bỉ là một trong những bang chẳng mấy ai biết đến ở Hoa Kỳ, kiểu như Maryland. Chắc chắn là tôi ở đó để kiểm tra kiến thức của thầy, vì vậy nên thầy thấy ngờ vực.

- Hay đấy chứ, Rinri nói với tôi sau giờ học dài lê thê đó.

- Vâng, thế bây giờ anh còn giờ học nào nữa không?

- Không, anh trả lời, như thể hốt hoảng với ý nghĩ là người ta có thể làm việc thêm nữa.

Tôi nhận thấy anh chẳng chơi với thanh niên nào ở trường.

- Thì anh có mấy khi gặp họ đâu, - anh bình luận.

Anh lại đưa tôi dạo chơi trong khuôn viên đẹp đẽ của trường, chỉ cho tôi tất cả những nơi thoáng đãng có thể nhìn thấy đường tàu điện trên không.

Quan sát việc học hành của anh càng làm tôi thấy thời gian biểu của anh còn mập mờ hơn trước kia. Từ chỗ ám muội, anh trở thành khả nghi trong mắt tôi.

Buổi tối, khi tôi hỏi ban ngày anh làm gì, anh trả lời là rất bận. Không thể biết là bận cái gì. Tệ nhất là hình như chính anh cũng không biết mình đã làm gì nữa.

Khi chúng hoang tưởng rời bỏ tôi, tôi hiểu ra rằng những năm tháng đại học là khoảng thời gian duy nhất người Nhật được tự cho phép mình hưởng thứ xa xỉ tuyệt vời là hoang phí ngày tháng. Thời học phổ thông, họ suốt ngày chỉ biết đến học, không chơi bời giải trí, cuộc sống khi đi làm thì chẳng khác gì tù khổ sai, vậy nên thời đại học được dành riêng cho những điều mơ hồ, vô định, thậm chí là chẳng làm gì hết.

Rinri và tôi rất thích bộ phim Tampopo, của đạo diễn Juzo Itami, kể về những cuộc phiêu lưu của một bà góa trẻ để tìm kiếm trong những tầng lớp dưới ở Nhật công thức nấu món mì ngon nhất. Đó là một trong những bộ phim châm biếm hài hước nhất, thú vị nhất.

Chúng tôi đã cùng xem bộ phim đó rất nhiều lần và thường thử diễn lại vài cảnh.

Đi xem phim ở Nhật rất lạ. Thoạt tiên, có vẻ cũng không khác gì khi ta đi xem phim ở châu Âu hay châu Mỹ. Mọi người ngồi trong những căn phòng rộng rãi tiện nghi, buổi chiếu phim bắt đầu, giới thiệu phim sắp chiếu, quảng cáo, một số người ra nhà vệ sinh, nhưng cố tình để lại ví trên ghế để giữ chỗ. Tôi cho rằng khi họ quay lại thì trong ví vẫn chẳng thiếu lấy một xu.

Việc chọn lựa phim chẳng có gì đáng đắn lăm, những điều sống sượng nhất vẫn được chiếu trên màn ảnh mà chẳng có lời cảnh báo hay che đậy gì cả: người Nhật không cả thẹn. Tuy nhiên, khi một phụ nữ xuất hiện trên màn ảnh trong tình trạng khỏa thân thì sẽ có đám mây che mờ lớp lông mu: bày bộ phận kín trên màn ảnh thì không sao, nhưng lông lá lại làm người ta thấy khó chịu.

Phản ứng của công chúng khi xem phim cũng rất đáng ngạc nhiên. Một phòng chiếu có phim Ben Hur. Vốn say mê những bộ phim về thời cổ, lại cũng tò mò muốn được xem lại một bộ phim kiểu này ở Tokyo, tôi đưa Rinri cùng đi. Những lời thoại giữa Ben Hur và Messala, có phụ đề bằng tiếng Nhật khiến tôi rất vui thích - ngấm ra thì khi dịch ra tiếng Nhật, chúng cũng chẳng phi lý hơn bản tiếng Anh. Một trong các cảnh cho thấy cảnh chúa Jesus ra đời, với những tia sáng thần thánh trên bầu trời đưa các vị đạo sĩ tới. Tôi nghe thấy phía sau lưng mình có một gia đình thốt lên kinh ngạc và thán phục: “Đĩa bay! Đĩa bay!”. Rõ ràng là việc vật thể bay lạ xuất hiện trong thế giới Do Thái La Mã này chẳng làm họ thấy kỳ quặc.

Rinri đưa tôi đi xem một bộ phim chiến tranh cổ, Tora tora tora. Đó là một phòng chiếu nhỏ kỳ quặc, khán giả chẳng phải người thường. Tuy nhiên, đến trường đoạn nổi tiếng quân đội Nhật ném bom Trân Châu Cảng thì

phần lớn khán giả lại vỗ tay. Tôi hỏi Rinri sao anh lại muốn tôi xem phim này.

- Đó là một trong những bộ phim truyện nên thơ nhất mà anh biết, anh trả lời tôi hết sức nghiêm túc.

Tôi chẳng gắng hỏi nữa. Chàng trai này không ngót làm tôi phải ngạc nhiên.

Tháng Mười một, các rạp ở Tokyo chiếu bộ phim *hững mối quan hệ nguy hiểm* [45] của đạo diễn người Anh Stephen Frears. Bộ phim này được chuyển thể từ một trong những tiểu thuyết tôi thích nhất, đạo diễn cũng là một trong những người tôi hâm mộ nhất, bởi vậy nên tôi rất muốn xem. Rinri chưa đọc cuốn tiểu thuyết đó nên không biết chuyện sẽ ra sao. Buổi tối công diễn đầu tiên, phòng chiếu chật cứng người. Tôi thường thấy công chúng Tokyo bò ra cười khi xem những bộ phim bạo lực, nhưng giờ lại đờ người ra sợ hãi trước bà hầu tước de Merteuil. Về phần tôi, từ đầu đến cuối phim, tôi hớn hờ đến nỗi rất khó tìm được những tiếng kêu cảm thán. Phim hay quá đi mất.

Tôi rời phòng chiếu với tâm trạng vô cùng hứng khởi, chợt nhận ra là Rinri đang khóc. Tôi nhìn anh có ý hỏi.

- Người phụ nữ tội nghiệp... người phụ nữ tội nghiệp..., anh nức nở nhắc đi nhắc lại.

- Ai cơ?

- Người phụ nữ tốt bụng ấy.

Và tôi hiểu ra hiện tượng đó: trong suốt thời gian chiếu phim, Rinri đặt mình vào vị trí của bà de Tourvel. Tôi không dám hỏi anh tại sao lại làm

vậy: tôi quá sợ phải nghe câu trả lời của anh. Tôi cố kéo anh ra khỏi trạng thái hóa thân điên rồ đó.

- Anh đừng đặt mình vào vị trí của bà ấy. Bộ phim này có nói về anh đâu. Anh không thấy là phim hay ghê gớm sao? Hình ảnh thật đẹp, và người diễn viên đóng vai chính thật tuyệt vời...

Chẳng khác gì đi tiêu vào đàn Shamisen[46].

Trong suốt một giờ đồng hồ, Rinri cứ khóc ti tỉ, nhắc đi nhắc lại.

- Người phụ nữ tội nghiệp...

Tôi chưa bao giờ thấy anh như vậy và cũng sẽ không bao giờ thấy anh như thế nữa. “Ít ra anh cũng không thờ ơ,” tôi tự nhủ.

Kỳ nghỉ cuối tuần giữa tháng mười Hai, tôi lên miền núi một mình. Rinri hiểu rằng chẳng ích gì mà đi với tôi đến cái lãnh địa nơi anh không theo được tôi nữa. Đã lâu tôi không còn đi chơi mà không có Rinri và viễn cảnh này làm thấy hài lòng. Nhất là vì tôi nóng lòng được leo núi có tuyết phủ ở Nhật.

Sau một giờ ba mươi phút đi tàu từ Tokyo, tôi xuống một làng ở tít sâu trong thung lũng nơi bắt đầu đường trèo lên ngọn Kumotori Yama ít người biết đến. Tôi thấy ngọn núi cao dưới hai nghìn mét này là vừa phải cho lần đầu tiên đi chơi một mình trong tuyết. Nhìn trên bản đồ, tôi thấy chuyến dạo chơi có vẻ vừa sức và hứa hẹn sẽ cho góc nhìn thoáng đãng về núi Phú Sĩ, ngọn núi đã trở thành người bạn thân thiết của tôi.

Một tiêu chí khác khiến tôi chọn ngọn núi này là cái tên Kumotori Yama, có nghĩa là “Núi của mây và chim muông”. Một địa danh như vậy ẩn chứa

hình ảnh đặc trưng mà tôi ao ước được khám phá. Hơn nữa, cuộc sống hỗn tạp ở Tokyo làm nảy sinh những ảo ảnh mộng tưởng khổ hạnh mà núi cao là nơi giải tỏa lý tưởng nhất.

Nhật là đất nước nhiều đồi núi không sao kể xiết. Vì lý do đó mà hai phần ba lãnh thổ hầu như không có người ở. Ở châu Âu, núi non là nơi rất nhiều người lui tới, đôi khi còn là nơi tổ chức hội hè, nhờ có rất nhiều nơi nghỉ dưỡng thời thượng ở vùng núi. Ở Nhật rất hiếm có những trạm trượt tuyết, chẳng có ai định cư trên núi, vương quốc của thần chết và phù thủy. Bởi vậy nên miền núi vẫn ở trong tình trạng hoang sơ không sao tả hết được.

Tôi phải tự thắng nỗi sợ phiêu lưu một thân một mình. Khi còn nhỏ, cô bảo mẫu người Nhật yêu quý của tôi thường kể cho tôi nghe những mẫu chuyện về Yamamba, phù thủy ác nghiệt nhất trong số các onibaba (mụ phù thủy). Mụ này thường hoành hành trên núi, bắt những người đi chơi một mình để nấu xúp - món xúp những người dạo chơi một mình, món canh thiên nhiên ám ảnh tôi đến mức tôi tin chắc là đã biết mùi vị của nó.

Nhìn bản đồ, tôi thấy một căn lều trú chân cách đỉnh núi không xa và dự định ngủ đêm ở đó, trừ phi Yamamba đã nhét tôi vào nôi.

Tôi rời làng hướng về nơi trồng trái. Con đường mòn dốc dần lên, phủ đầy tuyết trắng tinh khôi khiến tôi có cảm giác vui mừng ngốc nghếch như vị vương quân được là người lần đầu đặt chân lên lối mòn. Buổi sáng thứ Bảy hôm đó, chưa có ai leo núi trước tôi. Cho đến một nghìn mét thì vẫn là một cuộc dạo chơi dễ chịu.

Rừng thông và cây rậm lá kết thúc đột ngột, hiện ra trước mắt tôi bầu trời đầy những dấu hiệu cảnh báo mà tôi không chịu nghe. Trước mắt tôi mở ra một trong những phong cảnh đẹp nhất trên đời: một cánh rừng tre phủ tuyết trên sườn núi trải dài như hình chiếc juýp loa. Không gian tĩnh lặng dội lại nguyên vẹn tiếng kêu cảm thán của tôi.

Tôi lúc nào cũng yêu tre đến mê mẩn, thứ cây giống lai mà người Nhật không xếp vào loài thân mộc hay thân thảo, loài cây sống thành bụi, vừa mềm mại duyên dáng, vừa lịch lãm. Nhưng chưa bao giờ tôi thấy vẻ đẹp lộng lẫy đến kỳ lạ như rừng tre phủ tuyết này. Mỗi dáng hình dù rất mỏng mảnh đều mang trên mình gánh tuyết nặng, với mái tóc trắng cứng đờ, giống như những cô bé phải gánh vác sứ mệnh thiêng liêng dù còn quá trẻ.

Tôi đi qua rừng cây như bước vào một thế giới khác. Tôi hứng khởi quá nên chẳng để ý đã mất bao thời gian để leo sườn núi này.

Khi leo hết sườn núi, tôi thấy cách đó ba trăm mét ở phía trên là đỉnh núi Kumotori Yama. Tôi thấy có vẻ như đỉnh núi đã rất gần rồi, nhưng vẫn còn xa hơn đám mây trữu tuyết phủ lên mặt trái đỉnh núi. Chỉ còn thiếu một cánh chim nữa là đủ để chúng tỏ ngọn núi thật xứng với tên nó. Và tôi sẽ là cánh chim vô tư không nghĩ gì đến hiểm nguy ấy. Tôi xòe rộng đôi cánh, bước đi về phía đỉnh núi quá dễ trèo lên, lòng thầm nghĩ rằng một nghìn chín trăm mét thì người yếu ớt cũng trèo lên được, và tôi sẽ không bao giờ đánh giá thấp bản thân như vậy nữa.

Tôi vừa lên tới đỉnh thì đám mây đã đến bên tôi. Chắc hẳn nó đã nhận ra tôi là chú chim trời và đến cùng tôi để làm cho cái tên ngọn núi được hoàn chỉnh, núi của mây và chim muông. Đám mây chất chứa cơn bão, chẳng còn nhìn thấy gì ngoài một cơn lốc tuyết. Sững sờ thán phục, tôi ngồi bệt xuống đất mà xem cảnh tượng đang diễn ra. Tôi đã leo lên rất nhanh nên thấy nóng điên người, thật tuyết vời khi được để đầu trần dưới tuyết lạnh, ấy chính là thứ ân phước trời ban. Tôi chưa từng thấy tuyết rơi mạnh đến thế: tuyết đổ xuống ào ào liên tục đến nỗi thật khó mà mở mắt ra được. “Nếu muốn biết bí mật của tuyết thì giờ là lúc phải quan sát đây: mình đang vừa ở nơi tạo ra tuyết, vừa ở nơi nó được rải xuống.” Nhưng xem ra khó mà có thể dò la xét đoán gì được: chẳng có gì bí hiểm hơn điều đang diễn ra trước mắt tôi.

Đám mây không chịu rời đi, chẳng biết nó mê mẩn tôi hay đỉnh núi nữa. Bỗng tôi nhận ra mình có mái tóc trắng xóa như bộ râu băng giá đang bám quanh cằm: chắc trông tôi giống hệt thầy tu ẩn dật già nua.

“Minh sẽ đến lều trú chân,” tôi nghĩ vậy và gần như ngay lập tức tôi nhận ra là mình chẳng nhìn thấy nơi trú chân nào hết. Ấy vậy mà cái bản đồ chỉ rõ là ngôi lều ở đó, ở phía dưới một chút. Bản đồ này in năm ngoái: không hiểu trong thời gian đó, mụ phù thủy Yamamba có phá ngôi lều đó đi không? Ngay lập tức tôi đi tìm căn lều. Con bão tuyết đã lan rộng ra, giờ nó phủ kín hết cả quả núi không thể chui ra khỏi đám mây được. Tôi đi xuống theo đường vòng xung quanh đỉnh để chắc chắn là không bỏ qua mất mục tiêu mình đang tìm kiếm. Tôi chỉ lơ mơ nhìn thấy đầu ngón tay giơ ra phía trước. Tôi cứ đi dò dẫm như thế mãi, hệt như mê ngủ mà hai mắt vẫn mở trừng trừng.

Ngón tay tôi va vào thứ gì đó cứng cứng: căn lều trú chân. “Thoát rồi!” tôi reo lên. Tôi lần mò quanh căn lều, tìm thấy cửa và chui vào trong.

Bên trong chẳng có gì và cũng chẳng có ai hết. Nền nhà, tường và trần đều bằng gỗ. Trên mặt đất, một chiếc chăn cũ che chiếc lò sưởi kotatsu của Nhật: mắt tôi mở to nhìn thứ xa xỉ đó và kêu lên vui sướng ngạc nhiên khi thấy nó vẫn còn nóng bỏng. Tuyệt.

Kotatsu không chỉ là lò sưởi, nó còn là một lối sống: trong các ngôi nhà truyền thống thường có một cái hố vuông chiếm một góc rộng trong phòng khách, ở giữa hố đó là cái lò bằng kim loại. Người ta ngồi xuống đất, chân thông xuống hố tràn đầy hơi ấm, và dùng một tấm chăn rộng mênh mông để che cái hố không khí nóng bỏng đó.

Tôi biết có những người Nhật nguyên rửa lò kotatsu: “Suốt cả mùa đông bị cầm tù trong tấm chăn này, lúc nào cũng luẩn quẩn quanh cái hố đó và phải

chịu sự có mặt của những người khác, buộc phải ngồi ì ra nghe những người già lẩm cẩm lải nhải.”

Tôi lại có một chiếc kotatsu cho riêng mình ư? Ai đốt lò vậy?

“Trong khi người gác không có đây, phải tận dụng thời cơ mà cởi đồ mau,” tôi tự nhủ. Tôi cởi hết quần áo ướt sũng mồ hôi và tuyết rồi treo tạm lên xung quanh chõ khô. Trong ba lô tôi có mang một bộ pyjama. Tôi mặc vào người và tự giấu mình: “Pyjama cơ đấy, sao không mang luôn váy dạ hội một thể? Lẽ ra mình phải nghĩ đến chuyện mang quần áo đi để thay mới phải.” Tôi ăn những đồ dự trữ mang theo, ngồi ngay ngắn bên lò, nghe con bão gầm rú bên ngoài, thấy sung sướng vì mình được yên ấm trong này.

Tôi sốt ruột chờ ông chủ hoặc bà chủ của căn lều tới: chắc ông hoặc bà ấy hẳn ngày nào cũng rẽ qua đây để đốt lò chứ. Tôi hình dung ra cuộc trò chuyện có thể có giữa tôi và người chủ lều, chắc chắn sẽ là một cuộc trò chuyện thật đặc biệt.

Tôi chợt rụng rời: tôi buồn tiều. Lẽ ra phải nghĩ đến điều này từ trước mới phải. Ở đây, nhà vệ sinh là ra ngoài trời thôi. Mặc pyjama mà ra ngoài trời bão thì có nghĩa là mất nốt bộ quần áo khô duy nhất, mà tôi thì không thể chui vào đám quần áo ướt đang phơi kia. Chẳng có tới ba mươi sáu giải pháp: tôi cởi bộ pyjama ra, hít mạnh một hơi rồi chạy ra ngoài như người ta nhảy xuống khoảng không. Chân trần giẫm trên tuyết, trần truồng ngồi xổm, tôi trút bầu tâm sự trong cảm giác vừa ghê sợ vừa ngất ngây. Trời tối đen như mực, không thể nhìn thấy màu trắng của tuyết đang quay tròn, chỉ cảm nhận được nó bằng những giác quan khác: ta sờ thấy, nếm thấy trắng, ngửi thấy và nghe thấy trắng. Đau đớn đến phát cuồng, tôi quay lại lều và chui vào nằm bên lò, tin chắc là người gác sẽ không bắt gặp tôi trong tư thế này.

Khi da đã khô, tôi mặc lại bộ pyjama.

Tôi nằm đắp tấm chăn phủ lò và cố ngủ. Dần dần tôi nhận ra là sau bài thể dục khổ sở ở bên ngoài, tôi không làm mình ấm lên được. Dù cố cuộn chặt mình trong tấm chăn và nằm sát hết mức vào lò, tôi vẫn run lập cập. Vết cắn của cơn bão cắm sâu vào tôi đến mức tôi không thể rút những cái răng băng giá của nó khỏi cơ thể mình.

Cuối cùng tôi làm một điều điên rồ, vì chẳng còn cách nào khác: giữa việc bị bỏng độ hai hay độ ba và cái chết thì tôi chọn bị bỏng vậy. Tôi cuộn mình quanh cái lò, sát vào lớp kim loại nóng bỏng, trên người chỉ có bộ pyja- ma và lớp chăn để bảo vệ. Đến lúc đó tôi mới nhận ra tình hình nghiêm trọng đến mức nào: tôi không còn cảm nhận được gì nữa. Da tôi không hề nhận thức được cái nóng lẽ ra phải làm nó cháy sém.

Tuy nhiên, bằng đầu ngón tay, tôi có thể kiểm tra xem lò còn cháy không: chỉ các đầu ngón tay là còn đầu dây thần kinh. Tôi là cái thây chỉ còn sống ở đầu ngón tay và trong não nơi đang phát ra tín hiệu báo động vô vọng.

Giá mà tôi rùng mình được! Cơ thể tôi chết đến mức nó từ chối không chịu có cái phản xạ có lợi đó. Nó cứ đờ ra như chì đông cứng. May là nó còn biết đau: tôi đâm ra lại cảm ơn cơn đau, thứ bằng chứng duy nhất cho thấy tôi còn thuộc về thế giới người sống. Nỗi thống khổ này thật đáng ngờ, nó làm đảo lộn mọi cảm giác: cái lò làm tôi bỏng vì lạnh. Nhưng thế còn hơn là cái khoảnh khắc khủng khiếp sắp tới khi tôi không còn cảm nhận được gì nữa.

Ấy thế mà tôi từng sợ bị Yamamba cho vào nồi! Cô bảo mẫu của tôi ngày xưa đã đánh giá thấp sự tàn ác của mù phù thủy trên núi. Mù ta không biến những người đi dạo chơi một mình thành xúp, mà thành đồ đông lạnh - có lẽ để sau này nấu xúp. Ý nghĩ ấy làm tôi thấy buồn cười, và phản ứng thần kinh đó làm sống lại các phản ứng khác. Cuối cùng tôi cũng có được phản xạ có lợi: rùng mình. Cơ thể tôi bắt đầu run lên bần bật như một cỗ máy.

Khô hình vẫn chưa giảm bớt: từ khi biết mình sẽ sống, tôi thấy đêm dài ra

như cả mười năm. Tôi già đi đến cả thế kỷ: nằm ôm lấy cái lò mà tôi không cảm nhận được độ nóng bỏng, tôi nằm nghe suốt những giờ dài lê thê đó. Đầu tiên tôi nghe cơn bão tuyết cứ đổ mãi xuống ngọn núi rồi bỏ đi, để lại sự yên lặng nặng trĩu đáng sợ.

Rồi nghe với hy vọng thú tính nhất trên đời, phút đăng quang của phép màu có tên gọi là buổi sáng - sao nó mãi chẳng chịu đến!

Tôi đã kịp có thời gian để thề nguyện trong lòng: “Mỗi lần được ngủ trên giường, dù có đơn sơ đến đâu, thì cũng phải tạ ơn điều ấy và khóc lên vì sung sướng!” Cho đến hôm nay, tôi chưa từng phản bội tính linh thiêng của lời thề ấy.

Trong khi chờ những tia bình minh lên, tôi như nghe thấy có tiếng chân trong căn lều: không đủ can đảm để thò đầu ra khỏi kotatsu nên tôi không thể kiểm chứng được liệu có phải những tiếng động đó chỉ là do tôi tưởng tượng ra, do quá căng thẳng vì lạnh, hay có ai đó vào lều thật. Tôi sợ đến nỗi càng run mạnh hơn.

Rất khó có khả năng đó là một con vật, vì tiếng bước chân nghe có vẻ là của người. Nếu có ai đó thì hẳn người ấy đang ngắm nghía đồng quần áo của tôi vương vãi khắp nơi và biết rằng tôi nằm trong lò. Lẽ ra tôi phải nói gì đó để cho thấy là mình không ngủ, nhưng tôi chẳng tìm được lời nào thích hợp: nỗi hoảng loạn làm tê liệt mọi khả năng của tôi.

Tiếng động đó tan đi, mà có thể nó cũng chưa từng tồn tại. Bỗng dưng, nín thở, tôi nghe thấy bên ngoài càng thêm tĩnh lặng, hơi thở thiêng liêng của vũ trụ cho thấy bình minh lên.

Không chút ngần ngại, tôi lao vọt ra khỏi lò: không một bóng người, cũng chẳng có dấu vết của ai hết. Một bất ngờ tôi tẹt đang chờ tôi: quần áo tôi treo trong lều bị đóng băng. Đủ thấy nhiệt độ trong lều thấp đến mức nào. Tôi nhét chân vào ống quần như rạch đường trên băng. Khoảnh khắc tẹt nhất

là lúc lưng tôi sát vào chiếc áo thun phủ đầy băng giá. May là tôi chẳng có thời gian để phân tích những cảm giác đó. Đi lúc này là vấn đề sống còn: phải xua đuổi cái lạnh cứ không ngừng gặm nhấm cơ thể tôi càng lúc càng sâu hơn.

Không thể nào tả nổi cú sốc tôi cảm nhận được khi mở cửa: cứ như thể nạy nắp nắm mồ để tìm ra bí mật. Tôi đứng sững vài giây trước thế giới lạ lẫm ấy: hôm qua, cơn bão đã che lấp hết thế giới đó, vùi sâu xuống dưới hàng mét tuyết trắng tinh khôi. Tai tôi đã nghe đúng: bình minh đang dần ló rạng. Không một làn gió, không một tiếng chim săn mồi, chỉ có sự tĩnh lặng giá băng. Không hề có vết chân trong tuyết: vị khách đêm của tôi, nếu quả từng có người vào lều, chỉ có thể là mục phù thủy Yamamba đến xem có bẫy được kẻ lữ hành cô đơn nào không và nhìn đám quần áo mà đoán xem kẻ sập bẫy là ai. Tôi phải cảm ơn mục ấy: không có kotatsu, tôi chắc chẳng sống sót được. Nhưng nếu muốn sống lâu hơn thì không được chờ đợi nữa: lúc đó là năm giờ mười phút sáng.

Tôi lao vào cảnh vật. Ôi, chạy thật tuyệt vời! Không gian giải phóng hết mọi thứ. Không có nỗi đau đớn dần vật nào khi cơ thể ta được phát tán trong vũ trụ. Thế giới rộng lớn vậy đâu phải vô ích. Ngôn ngữ nói rất đúng: chuồn đi chính là chạy trốn khỏi nguy hiểm. Nếu bạn sắp chết, hãy chạy đi. Nếu bạn đau đớn, hãy cử động đi. Chẳng có quy luật nào khác ngoài sự vận động.

Đêm tối cảm tù tôi ở xứ sở của Yamamba, ánh sáng ban ngày giải phóng tôi, trả lại cho tôi cảnh vật. Tôi vui mừng hơn hờ: không, Yamamba, ta không phải là hồn món xúp, ta là người sống và ta chứng tỏ điều đó, ta chạy trốn, người không bao giờ biết được ăn thịt ta chán đến mức nào đâu. Cơn mất ngủ của tôi trắng như tuyết xung quanh, nhưng tôi có nghị lực phi thường của những kẻ vừa thoát chết và tôi chạy trên ngọn núi quá đẹp để mà chịu chết ở đó. Mỗi lần lên đến đỉnh một sườn núi, tôi lại khám phá ra một thế giới tuyệt diệu và nguyên sơ đến phát sợ.

Vâng, đúng là sợ. Từ lúc chạy trốn đến giờ, lẽ ra tôi phải nhận ra phong cảnh đã thấy hôm qua, nhưng không hề. Con bão làm biến đổi vũ trụ đến vậy ư? Tôi lấy bản đồ ra và tìm mốc: núi Phú Sỹ. Núi ở rất xa, nhưng ngay khi nào nhìn thấy nó tức là tôi đã đi đúng hướng. Trong khi chờ đợi thì tôi đã tìm ra một nơi ở Nhật mà từ đó không nhìn thấy núi Phú Sỹ: đó chính là nơi tôi đang đứng. Chạy đi chỗ khác thôi.

Tôi lạc đường. Bị lạc đường làm tôi thấy chũnh choáng và càng chạy nhanh hơn. Yamamba, người thua ta rồi nhé, chưa có người nào từng đến nơi ta đang ở. Tôi làm ra vẻ bạo dạn để che giấu nỗi hoảng sợ. Đêm qua tôi đã thoát khỏi tay thần chết, giờ nó lại tóm được tôi. Số phận đã định là tôi tạ thế ở tuổi hai mươi hai, tại miền núi Nhật Bản. Người ta có tìm thấy xác tôi không nhỉ?

Tôi không muốn chết, tôi chạy. Sao người ta có thể chạy được lâu đến vậy nhỉ? Mười giờ sáng. Trời xanh biếc không một gợn mây. Hôm nay trời đẹp quá, không thể chết được. Zarathoustra sẽ tự cứu mình. Đôi chân tôi rất lớn, chúng sẽ ngón ngấu những đỉnh núi, bạn không biết chúng thềm chạy đến chừng nào đâu.

Nhưng tôi cứ chạy mãi mà chẳng tìm thấy gì hết. Cứ mỗi lần đến đỉnh một sườn núi, tôi lại cầu mong trông thấy núi Phú Sỹ, tôi gọi nó như người ta gọi bạn thân nhớ không anh bạn, tôi đã ngủ bên miệng núi lửa của anh, tôi đã kêu lên chào đón mặt trời mọc, tôi là bạn anh mà, xin anh đấy, hãy công nhận đi, hãy công nhận tôi là bạn anh, hãy đợi tôi ở đỉnh sườn núi này, tôi sẽ bác bỏ hết mọi vị thần khác để chỉ tin vào anh thôi, hãy ở đó đi, tôi lạc mất rồi, anh chỉ cần xuất hiện là tôi được cứu thoát, tôi lên đến đỉnh và anh không có đó.

Nghị lực của tôi trở thành nghị lực của nỗi tuyệt vọng, tôi vẫn cứ chạy. Đã sắp trưa. Tôi đã lạc gần bảy giờ liền và tình hình ngày càng trầm trọng hơn. Tôi máy móc chạy, đêm sẽ xuống và sẽ nhấn chìm tôi trong màn tuyết đen.

Đó là kết thúc cuộc chạy của tôi trên cõi đời này. Tôi không muốn tin như thế. Zarathoustra không thể chết. Chưa bao giờ có chuyện đó.

Lại một sườn núi nữa. Tôi không tin vào điều đó nữa, nhưng vẫn trèo lên. Tôi chẳng còn gì để mất, tôi đã mất hết rồi còn gì. Chân tôi leo lên, chúng chẳng còn năng lượng để mà cảm thấy đói. Mỗi bước đều là nhọc nhằn. Đường đỉnh núi đây rồi, chắc chắn lại thất vọng nữa thôi. Tôi chạy những mét cuối cùng.

Núi Phú Sĩ đứng đó, trước mặt tôi. Tôi ngã khụy xuống. Không ai biết được ngọn núi lớn đến chừng nào. Tôi đã tìm thấy nơi nhìn thấy toàn cảnh ngọn núi. Tôi gào lên, tôi khóc, núi ơi, người thật vĩ đại, người báo hiệu sự sống cho ta! Người đẹp biết bao nhiêu!

Sự giải thoát làm tôi thấy quặn ruột. Tôi tụt quần trút bầu tâm sự. Hỡi núi Phú Sĩ, ta để lại cho người một bằng chứng bất diệt cho người thấy ta không phải là kẻ thờ ơ. Tôi cười hạnh phúc.

Đúng mười hai giờ trưa. Tôi nhìn đường đỉnh núi, tôi chỉ việc đi theo nó, ước chừng bằng mắt thì tôi phải đi bộ khoảng sáu giờ mới tới thung lũng. Như thế chẳng đáng kể gì khi người ta biết mình sẽ sống.

Tôi chạy theo đường đỉnh núi. Tôi sẽ có núi Phú Sĩ cho riêng mình trong suốt sáu giờ đồng hồ, dưới ánh nắng và trời xanh. Sáu giờ ấy không đủ để kìm nén cơn thăng hoa của tôi. Trạng thái hưng khởi cung cấp cho tôi năng lượng: chẳng gì tốt hơn được. Chưa bao giờ Zarathoustra lại chạy nhanh và say sưa đến thế. Tôi xung hô thân mật với núi Phú Sĩ, tôi nhảy múa trên đỉnh núi. Thật tuyệt vời, tôi muốn điều đó đừng bao giờ dừng lại.

Sáu giờ ấy là sáu giờ đẹp nhất trong đời tôi. Tôi vui vẻ bước đi. Tôi biết tại sao loại nhạc khải hoàn lại được gọi là hành khúc. Núi Phú Sĩ choán hết bầu trời, ai cũng có phần, nhưng tôi có nó nguyên vẹn cho riêng mình, ai vắng mặt thì thiệt. Không ai biết rõ hơn tôi núi Phú Sĩ hùng vĩ tuyệt diệu

đến chừng nào, nhưng điều đó không cản nó làm người bạn đồng hành dễ chịu nhất. Nó là người bạn tốt nhất của tôi. Zarathoustra chẳng lên mặt làm bộ.

Đã tới thung lũng, trời chạng vạng tối.

Chuyến trở về diễn ra quá nhanh so với mong muốn của tôi. Tôi cúi chào người bạn thân và lao xuống thung lũng nơi người ta không thấy được ngọn núi nữa. Tôi đã bắt đầu thấy nhớ nó rồi. Tôi lao xuống nhanh như tốc độ ánh sáng đang tắt dần. Tôi chẳng hề thấy lại bất kỳ cảnh vật nào đã thấy hôm qua. Hẳn tôi phải lạc đi rất xa. Tôi về đến ngôi làng thì vừa lúc trời sập tối.

Tàu đưa tôi về Tokyo. Tôi sửng sốt nhìn loài người vây quanh mình. Họ không có vẻ gì là ngạc nhiên trước vẻ ngoài của tôi. Tôi kết luận là cuộc phiêu lưu đầy hào hùng của mình không lộ ra mặt. Xuống ga, tôi lên tàu điện ngầm. Lúc đó là hai mươi hai giờ ngày Chủ nhật, thế giới bình dị đến không thể tin được. Còn tôi, tôi ngạc nhiên quá đỗi.

Tôi xuống bến nhà mình. Ở nhà tôi có lò sưởi, giường và bồn tắm: tôi chẳng phải họ hàng với Sardanapale[47]. Điện thoại reo liên hồi.

Ở đầu dây đang kia, một người còn sống nói với tôi.

- Ông là ai? - tôi nói.

- Amélie, anh đây, Rinri đây mà. Em không nhận ra giọng anh nữa à?

Tôi không dám trả lời anh rằng tôi đã quên hẳn mặt có anh trên đời này.

- Em về muộn quá, anh thấy lo.

- Em sẽ kể cho anh nghe sau. Em mệt quá.

Trong lúc chờ bồn tắm đầy, tôi ngắm mình trong gương. Tôi xám xịt từ chân lên đầu. Không hề có dấu vết bóng lò. Cơ thể con người quả là một phát minh vĩ đại. Tôi bước vào bồn nước nóng và bỗng dung thân mình tôi nhả ra con lạnh nó vẫn chưa chết. Tôi khóc vì dễ chịu và tuyệt vọng. Những người thoát chết biết là mọi người chẳng bao giờ hiểu được họ. Trường hợp của tôi còn trầm trọng hơn: tôi vừa thoát khỏi một thứ quá đẹp, quá hùng vĩ. Tôi muốn mọi người biết được điều tuyệt vời đó. Nhưng tôi đã biết là mình không thể giải thích cho mọi người đ

Tôi đi nằm. Tôi kêu lên: cái giường này là một cái bẫy. Tiện nghi quá khiến tôi chần động. Tôi nhớ đến người con gái tội nghiệp cuộn mình quanh lò: về mặt lịch sử và địa lý mà nói thì tôi chỉ cách cô có một đoạn đường. Từ giờ, trong số rất nhiều con người sống trong tôi, sẽ có cả cô gái tội nghiệp trên đỉnh núi. Cũng sẽ có cả Zarathoustra nhảy múa cùng núi Phú Sĩ trên đường đỉnh núi. Tôi sẽ mãi là tất cả những người đó, cộng với những gì đã từng là tôi.

Từ lâu, những nhân cách khác nhau của tôi không còn yên ngủ, mà thậm chí chúng chưa từng yên ngủ. Giấc ngủ nuốt lấy tôi, tập hợp chúng lại trong tôi.

Sau những cuộc phiêu lưu kiểu như thế này thì điều khủng khiếp nhất là cuộc sống vẫn tiếp diễn. Ngày hôm sau, trong giờ học, tôi muốn kể, nhưng các sinh viên khác chẳng quan tâm. Họ chỉ chăm chăm nghĩ đến kỳ nghỉ sắp tới: chỉ còn hơn một tuần nữa là họ đi Hawaê rồi.

Chiếc Mercedes trắng chờ tôi ở lối ra.

- Giá mà anh biết được chuyện gì đã xảy ra với em!

- Minh đi ăn mì Tàu nhé? Anh đói muốn chết đi được.

Ngồi trước bát mì, tôi tuyệt vọng cố gắng tả cánh rừng tre phủ tuyết trắng, cơn bão, đêm ngủ ở xứ sở của Yamamba, những giờ đặng đặng chạy lạc trên núi, cuộc gặp gỡ mặt đối mặt với núi Phú Sĩ - đến đoạn đó thì Rinri phá lên cười vì tôi dang tay ra hết cỡ để tả cho anh thấy tầm vóc của ngọn núi lửa. Không thể nào kể hết được điều tuyệt diệu. Hoặc là ta tỏ ra chẳng hấp dẫn chút nào, hoặc là ta đâm ra buồn cười.

Rinri cầm lấy tay tôi.

- Em nghĩ Noel cùng anh nhé? - anh bảo tôi.

- Vâng.

- Từ hai ba đến hai sáu, anh sẽ đưa em đi chơi.

- Mình đi đâu?

- Rồi em sẽ thấy. Mang quần áo ấm đi nhé. Không, mình không đi núi đâu, anh đảm bảo với em đấy.

- Noel có quan trọng với anh không

- Không. Nhưng năm nay thì có, vì anh được ở cùng em.

Tuần học cuối cùng. Chẳng bao lâu nữa, tôi sẽ không còn thuộc về giới sinh viên. Tôi đã thi tuyển. Đầu năm sau, tôi sẽ vào một trong những công ty lớn nhất của Nhật. Tương lai có vẻ hứa hẹn.

Một cô sinh viên Canada hỏi tôi có định lấy Rinri không.

- Tớ cũng chẳng biết nữa.

- Cậu cẩn thận đấy. Những cặp vợ chồng kiểu đó sinh ra những đứa con thật kinh khủng.

- Cậu nói gì lạ vậy? Người lai Âu Á rất đẹp.

- Nhưng hỗn lắm. Tớ có cô bạn lấy chồng người Nhật. Họ có hai đứa con, lên sáu và lên bốn. Chúng nó gọi mẹ là nước đái còn bố thì là phân.

Tôi phá lên cười.

- Có thể chúng nó có lý do riêng, tôi nói.

- Sao cậu có thể cười vì chuyện đó được nhỉ? Thế nhỡ nó xảy ra với cậu thì sao?

- Tớ không nghĩ sẽ có con.

- Thế à? Sao vậy? Thế thật không bình thường.

Tôi bỏ đi, trong đầu thâm ngâm nga bài hát của Brassens^[48]: “Không, những người trung hậu tử tế không thích người ta đi con đường khác với họ.”

Sáng ngày hai ba tháng Mười hai, chiếc Mercedes trắng chờ dưới bầu trời xám xịt. Đường đi thật dài, xấu và chán ngắt vì Nhật Bản không theo ngày lễ này.

- Em biết là rồi em sẽ thấy, nhưng mình đang đi đâu đây?

- Dù phong cảnh dọc đường có thế nào thì rồi em cũng không phải thất vọng đâu.

“Thật khác xa với hồi anh còn nói ourrrhh!” tôi nghĩ. Chắc hẳn không đập vỡ trứng thì chẳng thể nào nói tốt tiếng Pháp được[49].

Bỗng dung thấy biển.

- Biển Nhật Bản, Rinri trịnh trọng nói.

- Em đã thấy nó khi còn bé, ở Tottori. Suýt nữa thì em chết đuối đấy.

- Em vẫn còn sống đấy thôi, - chàng trai nói để biện minh cho biển thiêng liêng.

Anh đậu xe vào cảng Niigata.

- Mình xuống tàu ra đảo Sado.

Tôi nhảy lên vì vui sướng. Tôi vẫn luôn mơ ước được thấy hòn đảo nổi tiếng vì đẹp và hoang dã này. Rinri lôi trong cốp xe ra chiếc vali to như cái hòm. Tôi thấy chuyến vượt biển ra đảo lạnh buốt và dài lê thê.

- Biển Nhật Bản là biển đầy nam tính, Rinri nói.

Tôi đã từng rất nhiều lần nghe người Nhật nói vậy, nhưng chưa bao giờ bình luận về điều đó, vì nó làm tôi thấy bối rối vô cùng. Trí tưởng tượng thô lỗ của tôi cứ tìm kiếm đám râu cằm nhô lên từ những lớp sóng.

Tàu đưa chúng tôi đến đảo nơi có bến cảng thô sơ thật tương phản với cảng Niigata. Một chiếc xe ca từ thời những năm sáu mươi đưa chúng tôi đến một nhà trọ cổ kính và rộng rãi, cách cảng chừng nửa giờ xe. Nhà trọ điển hình kiểu Nhật này nằm ở trung tâm đảo: ở đây nghe thấy biển nhưng không nhìn rõ biển. Xung quanh chỉ có thiên nhiên gần như còn nguyên sơ.

Tuyết bắt đầu rơi. Tôi sướng run lên, rủ anh đi dạo.

- Để mai đi, Rinri trả lời. Bốn giờ chiều rồi, đường xa làm anh mệt quá.

Chắc anh muốn tận hưởng tiện nghi sang trọng trong nhà trọ, tôi chẳng thể trách anh được. Những căn phòng kiểu truyền thống tuyệt đẹp thơm mùi chiếu tatami mới, phòng nào cũng có bồn tắm thiên rộng mênh mông, có đường ống tre dẫn nước nóng bỏng liên tục đổ vào bồn. Để tránh cho bồn không bị tràn, một lỗ hồng được khoét trên lớp đá mộc thành bể, trên lỗ hồng là chữ tượng hình đóng rơm cháy có nghĩa là hư vô.

- Trừu tượng thật! tôi thốt l

Sau khi đã xát xà phòng và kỳ cọ người ở bồn rửa theo tục lệ, Rinri và tôi ngồi vào trong cái bồn tắm kỳ lạ ấy với ý định chẳng ra nữa.

- Hình như còn có một bồn furo còn nổi tiếng hơn ở khu vực chung của khách sạn, - anh nói.

- Nó không thể nào tuyệt hơn cái bồn trong phòng mình được, tôi trả lời.

- Em nhầm rồi. Nó to gấp mười cái bồn này, có hệ thống ống tre dẫn nước đổ vào và là bồn lộ thiên.

Lý lẽ cuối cùng này có hiệu lực. Tôi nản nì để cả hai chúng tôi cùng ra đó. Chẳng có ai hét: lại càng may hơn nữa vì theo phong tục cổ thì cả đàn ông lẫn đàn bà đều tắm chung trong bồn.

Khỏa thân trong bồn nước nóng dưới trời tuyết rơi: tôi reo lên sung sướng. Trong cái bồn tắm ngọt ngọt hơi nóng này thì được nhận những bông tuyết lạnh giá rơi xuống đầu quả là tuyệt vời.

Nửa giờ sau, Rinri ra khỏi bồn furo, mặc lại áo choàng yukata vào.

- Sớm thế? - tôi phần nộ.

- Ngồi lâu trong bồn không tốt đâu. Lên thôi.

- Không, em ngồi lại.

- Tùy em. Anh về phòng đây. Đừng có về muộn quá.

Thích thú vì trong bồn chỉ còn lại một mình, tôi lật ngửa người trên mặt nước để cả cơ thể được sống giây phút kỳ diệu khi tiếp xúc với giá lạnh: thật tuyệt vời khi được tra tấn bằng băng tuyết, nhất là khi mặt dưới cơ thể lại ngâm trong nước nóng bốc hơi.

Tiếc là khoảnh khắc cô độc của tôi chẳng được bao lâu: một ông già thuộc bộ phận hậu cần ở khách sạn ra quét mép bể. Tôi thu tấm thân trần truồng lại dưới làn nước, tay chân đập loạn xạ để nước ngàu bọt lên, che chở thân mình.

Ông già chừng tám mươi tuổi, nhỏ bé và gầy gò như bụi cây, có vẻ như chưa từng rời đảo đi đâu. Chăm cái chổi làm bằng những cành cây nhỏ, ông cẩn thận quét mép bồn tắm. Gương mặt bình thản của ông làm tôi thấy yên tâm.

Nhưng khi đã quét xong, ông già bắt đầu từ đầu. Vả lại, liệu có gì mờ ám ở đây không khi ông già đợi Rinri đi rồi mới ra làm việc?

Tôi nhận thấy ông già phủi những bông tuyết đang dần dần phủ quanh bồn furo. Trong khi ấy tuyết chắc chắn sẽ còn rơi lâu: chẳng ai ra khỏi nhà trọ. Thực tế là tôi không thể ra khỏi bồn chừng nào ông già còn ở đó: từ lúc tôi lao ra khỏi mặt nước cho đến khi vớ được cái áo choàng yukata thì sẽ phải

có một lúc cơ thể tôi hoàn toàn trần truồng, chẳng có cách nào che đậy được.

Tất nhiên là tôi chẳng sợ sẽ có chuyện gì xảy ra. Ông già dân đảo cân cả quần áo lên chắc cũng chỉ được bốn mươi lăm kilô. Hơn nữa với tuổi tác như vậy thì cũng chẳng mấy đáng sợ. Có điều là tình huống này vẫn thật khó chịu. Chân tay tôi đã thấm mệt. Chúng khua khoắng chẳng mấy tích cực và nước trong bồn không ngàu bọt lên được là bao. Dù mặt tỉnh bơ, ông cụ chắc phải thấy cảnh này thật thú vị.

Tôi quyết định phải làm cho ông già câm họng bằng cách nói cộc cằn. Tôi hát cầm ý chỉ cái chổi rồi nói cộc lốc:

- Iranai!

Trong ngôn ngữ thông thường, từ đó có nghĩa là: “Không cần đâu!”

Ông ta nói là không hiểu tiếng Anh. Câu trả lời đó chứng tỏ nhân vật này có ý xấu và tôi chắc chắn ông già là kẻ đòi bại.

Thế nhưng đó chưa phải là điều tồi tệ nhất: điều tệ nhất đã đến khi tôi thấy trong người bắt đầu có dấu hiệu sắp ngất. Rinri có lý, không nên nán lại lâu quá trong bồn tắm nóng bỏng thế này. Sức lực trong tôi bay biến cả mà tôi không nhận ra. Tôi như thấy lúc mình thực sự bất tỉnh trong bồn furo và lấy có là cứu tôi, lão già tha hồ muốn làm gì thì làm. Hoảng sợ.

Hơn nữa, giai đoạn trước khi bất tỉnh thật là khủng khiếp. Cứ như thể cả chục triệu con kiến xâm chiếm bên trong cơ thể và biến lực phủ ngũ tạng thành cơn buồn nôn. Kèm theo nó là cảm giác yếu ớt không biết gọi là gì. Amélie, ra ngay khi người còn có thể, tức là ngay bây giờ. Lão sẽ thấy người trần truồng, thầy kệ, chuyện có thể còn tệ hơn nhiều.

Lão già quét tuyết thấy cái vôi rỗng trắng toát lao đến chỗ cái áo choàng

yukata, chui vào áo và chạy trốn. Tôi chạy hộc tốc tới gian phòng nơi Rinri thấy tôi lẩn lộn vào rồi nằm sõng soài trên nệm. Tôi còn nhớ là lúc tôi tự cho phép mình được ngắt đi, tôi còn bản năng nhìn giờ và đọc được 18h46. Rồi sau đó tôi rơi xuống một cái giếng không đá

Tôi đi. Tôi khám phá hoàng cung Kyoto thời thế kỷ XVII. Một đoàn các quý tộc cả nam lẫn nữ lộng lẫy trong những chiếc kimono tím, phủ hoa lên các sườn đồi. Một người thiếu phụ mặc áo có tay rộng, có lẽ là bà Murasaki[50], trong tiếng đàn koto đệm theo, bà đang hát ca ngợi về huy hoàng của đêm Nagasaki, chắc hẳn là vì tên bà và tên thành phố này hợp vần với nhau.

Những hoạt động đó trải ra nhiều thập kỷ. Tôi có thời gian đắm mình trong cái quá khứ Nhật ấy, nơi tôi làm mt nghề được nhiều người thèm muốn: ném rượu sakê. Tôi chẳng hề muốn rời bỏ nghề ném rượu ở Kyoto nhưng bỗng bị gọi ngược về ngày hai mươi ba tháng mười Hai năm 1989. Đồng hồ chỉ 19h10. Làm sao tôi có thể sống qua biết bao điều như vậy chỉ trong có hai mươi tư phút?

Rinri đợi tôi tỉnh lại chứ không đánh thức. Ngồi cạnh tôi, anh hỏi chuyện gì đã xảy ra. Tôi kể với anh về thế kỷ XVII; anh lịch sự nghe tôi rồi lại hỏi:

- Ủ, nhưng trước đó thì sao?

Tôi nhớ lại, và bằng giọng ít thơ mộng hơn, tôi kể cho anh nghe về lão già đòi bại giả vờ quét tuyết để nhìn cô gái da trắng khỏa thân.

Rinri vỗ tay và phá lên cười:

- Anh thích câu chuyện này lắm! Em phải kể lại cho anh nghe thường xuyên đấy nhé.

Phản ứng đó làm tôi thấy chung hứng. Nếu tôi hy vọng anh phần nộ thì

chắc đã phải thất vọng rồi: Rinri khoái trí đóng lại cánh đó, còng người xuống như ông già lụ khụ, tay cầm cái chổi tưởng tượng, mắt lờm lờm nhìn vào bồn tắm; rồi anh bắt chước tôi, khoa tay múa chân và nói “Iranai”, sau đó lại trả lời bằng giọng run run rằng mình không hiểu tiếng Anh, vừa bắt chước vừa cười cợt. Tôi cắt lời anh bằng một nhận xét:

- Đảo này thật xứng với tên nó.

Rinri lại càng khoái chí hơn. Trong tiếng Nhật, trò chơi chữ này còn đắt hơn: Hầu tước Thần thánh được gọi là Sado[51].

Có người gõ cửa.

- Em đã sẵn sàng ăn tiệc chưa? - Rinri hỏi. Cửa trượt được kéo ra và hai cô gái tinh lẻ duyên dáng mang mấy cái bàn thấp vào, xếp đầy những món tinh tế lên đó.

Trước bữa tiệc kiểu kaiseki này, tôi chẳng còn nghĩ chút nào đến lão già đơ bản và bắt đầu ăn uống ngon lành. Chúng tôi đã dùng nhiều loại sakê: tôi kết luận là giấc mơ của tôi khi ngất đi có tính chất dự báo và tò mò mong chờ đoạn tiếp theo.

Sáng hôm sau, đảo Sado trắng tuyết. Rinri đưa tôi đến bờ biển cực Bắc của đảo.

- Em có thấy đằng kia không? anh nói, tay chỉ chân trời ngoài biển. Có thể đoán đó là Vladivostok.

Tôi thán phục trí tưởng tượng của anh. Nhưng anh có lý: mảnh đất duy nhất có thể hình dung ra sau lớp mây cầm tù kia là vùng Sibêri.

- Mình đi bộ quanh đảo nhé? - tôi gợi ý.

- Em không biết đâu, sẽ rất lâu đấy.

- Đi mà, chẳng mấy khi được nhìn bờ biển phủ tuyết.

- Ở Nhật thì không hiếm đâu.

Sau bốn giờ đi bộ trong gió từ ngoài khơi thổi vào, bị biến thành viên nước đá di động, tôi đành bỏ cuộc.

- May quá, Rinri nói. Nếu muốn đi vòng quanh đảo thì còn phải mất chừng mười giờ nữa, không kể đường về nhà trọ mà nhà trọ thì lại ở giữa đảo.

- Mình đi đường ngắn nhất đi, tôi thì thăm qua kẽ môi tím ngắt.

- Trong trường hợp này thì hai giờ nữa mình sẽ về đến phòng.

Phía bên trong đảo hóa ra lại đẹp và thú vị hơn bờ biển rất nhiều lần. Điểm nổi bật nhất là những vườn hồng mênh mông dưới tuyết: thiên nhiên thật lạ kỳ, mùa đông, những cây hồng trụi hết lá như mọi giống cây ăn quả khác, nhưng lại không bao giờ rụng quả, ngay cả khi quả đã chín nẫu ra rồi. Trong những trường hợp xấu nhất, cây sống mang quả chết, gọi cảnh gỡ Chúa Jesus từ trên cây thập ác xuống. Nhưng giờ chưa phải lúc quả chết và tôi được nhìn những cây Noel kỳ lạ nhất: những cây hồng đen trụi đầy quả chín đến phát thèm, tuyết tạo thành vương miện lóng lánh trên màu quả hồng chín đ

Chỉ cần một cây được trang trí như vậy cũng đủ làm tôi thấy phấn chấn lắm rồi. Vậy mà tôi lại thấy biết bao nhiêu là cây đứng im lìm trong thảo nguyên hoang vắng: đầu tôi quay cuồng vì thán phục và ham muốn, vì hồng vừa chín tới là lạc thú của tôi. Tiếc thay, dù nhảy lên tôi cũng chẳng tóm được quả nào. “Nhìn đẹp như mơ, tôi nghĩ. Không nên lúc nào cũng muốn ăn mọi thứ.” Lý lẽ cuối cùng này chẳng thuyết phục được tôi mấy.

- Đi nào, Rinri nói, bọn mình chết rét mất thôi.

Về đến nhà trọ, anh lại bỏ đi. Tôi tắm nhanh rồi nằm soài ra nệm. Ngủ thiếp đi mất nên tôi không thấy anh về. Khi anh đánh thức tôi, đã là mười chín giờ. Mấy cô gái sắp mang tiệc lên cho chúng tôi.

Đã xảy ra một sự cố lúc ăn. Họ mang những con bạch tuộc nhỏ còn sống lên. Tôi biết nguyên tắc và đã từng chứng kiến cảnh chẳng mấy dễ chịu này: đó là ăn cá hoặc đồ biển ngay sau khi người ta giết chúng trước mặt ta, để chúng tỏ là chúng còn tươi. Tôi không đếm nổi số cá tráp còn hớp hớp mà tôi từng cho vào miệng, trong khi người đầu bếp vui sướng nhìn tôi nói: “Còn sống, đúng không? Cô có thấy vị sống không?” Tôi chưa bao giờ thấy cái vị đó xứng với tập tục dã man này.

Khi nhìn mấy con bạch tuộc, tôi càng sàu não hơn: trước hết là vì mấy con vật đầy xúc tu này trông thật dễ thương, sau đó là vì tôi không thích ăn bạch tuộc sống. Nhưng từ chối món ăn thì lại bất lịch sự.

Tôi quay mặt đi chỗ khác khi người ta giết mấy con bạch tuộc. Một trong mấy cô gái đặt nạn nhân đầu tiên vào đĩa tôi. Con bạch tuộc nhỏ nhắn xinh xắn như bông tụy líp làm tan nát trái tim tôi. “Nhai nhanh lên, nuốt rồi nói là mình không đói nữa,” tôi nghĩ.

Tôi cho nó vào miệng và thử đặt răng lên. Lúc đó bỗng xảy ra một việc thật khủng khiếp: những dây thần kinh còn sống của con bạch tuộc lệnh cho nó phải kháng cự và cái xác bảo thù tóm lấy lưỡi tôi bằng tất cả các xúc tu. Nó không chịu nhả ra nữa. Tôi hét lên như người ta có thể hét khi lưỡi bị bạch tuộc quặp. Tôi lôi nó ra để cho mọi người thấy chuyện đã xảy ra với mình: các cô gái phá lên cười. Tôi cố dùng tay lôi con bạch tuộc ra: vô ích, các giác mút bám chặt hết mức vào lưỡi. Tôi hình dung cảnh tôi giật đứt cái lưỡi mình ra khỏi miệng.

Rinri hoảng sợ bất động nhìn tôi. Ít ra tôi cũng cảm thấy là có người hiểu mình. Tôi rên bằng mũi, hy vọng là mấy cô gái đừng cười cợt nữa. Một trong hai cô dường như nghĩ là trò đùa kéo dài thế đủ rồi, b đến cắm đũa vào một điểm chính xác trên cơ thể kẻ đang tấn công tôi, con vật buông ngay ra. Nếu đơn giản thế sao cô ta không cứu tôi ngay? Tôi nắm con bạch tuộc bị lôi ra khỏi miệng mình giờ nằm trên đĩa và nghĩ là rõ ràng đảo này thật xứng với tên nó.

Khi các cô gái dọn dẹp xong, Rinri hỏi tôi đã bình tâm lại chưa. Tôi cười trả lời rằng đây là một buổi tối Noel kỳ lạ.

- Anh có quà cho em, anh nói.

Và anh mang cho tôi chiếc khăn phula bằng lụa màu xanh ngọc, bên trong ních chặt đồ.

- Có cái gì trong chiếc furoshiki này?

- Em mở ra đi.

Tôi mở nút chiếc khăn phula truyền thống, thấy phong tục tặng quà kiểu này thật đẹp, rồi kêu lên: chiếc furoshiki đầy những quả hồng mà mùa đông đã biến thành những viên đá quý không lồ.

- Anh làm thế nào mà hái được hồng?

- Trong khi em ngủ, anh quay lại vườn hồng và leo lên cây.

Tôi nhảy lên ôm cổ anh: thế mà tôi lại nghĩ anh biến đi vì những lý do mờ ám cơ đấy.

- Em ăn chúng đi, được không?

Tôi chưa bao giờ hiểu tại sao anh lại thích nhìn tôi ăn đến thế, nhưng tôi vui vẻ làm ngay. Mọi người cứ ám sát lũ mực, trong khi có những quả hồng chín ngon thế này! Thịt quả dưới tác động của băng giá có vị như kem đá quý. Tuyệt có quyền năng ẩm thực thật kỳ diệu: nó làm đường cô đặc lại và các mùi vị ngon hân lên. Nó có tác dụng nấu chín thức ăn với sự tinh tế thần kỳ.

Tôi vui sướng ăn hết quả hồng này đến quả hồng khác, mắt nhòa lệ vì thích thú. Tôi chỉ ngừng lại khi chẳng còn quả nào nữa. Cái khăn trông không.

Rinri hồi hộp chăm chăm nhìn tôi. Tôi hỏi anh có thích cảnh vừa nhìn không. Anh nhắc chiếc khăn lăm lên và chìa cho tôi cái túi nhỏ xíu bằng vải the giấu phía dưới. Tôi mở túi với nỗi e ngại ngay lập tức đã thành sự thật: chiếc nhẫn bằng platine có khảm thạch anh tím.

- Bố anh thật xuất sắc, tôi lúng búng nó

- Em có muốn lấy anh không?

- Anh tưởng em còn ngón tay nào trống ư? tôi trả lời, chìa hai bàn tay đeo đầy những tác phẩm của bố anh ra.

Anh lao vào tính toán, giải thích là nếu tôi chuyển chiếc nhẫn mặt mã não sang ngón út, chiếc nhẫn mặt zircon sang ngón giữa, chiếc vàng trắng sang ngón cái và chiếc nhẫn có mặt ngọc mắt mèo sang ngón trỏ thì tôi có thể giải phóng được ngón đeo nhẫn.

- Anh giỏi quá, tôi bình luận.

- Vậy là em không muốn, anh nói.

- Em không nói thế. Bọn mình còn trẻ quá.

- Em không muốn, anh lạnh lùng nhắc lại.
- Trước đám cưới còn có giai đoạn gọi là đính hôn.
- Đừng có nói với anh như với người sao Hỏa. Anh biết đính hôn là gì.
- Anh không thấy đó là một từ thật đẹp ư?
- Em nói đến đính hôn vì đó là một từ đẹp hay vì em từ chối không lấy anh?
- Em chỉ muốn mọi chuyện diễn ra theo thứ tự.
- Tại sao?
- Em có những nguyên tắc riêng, tôi ngỡ ngàng nghe chính mình nói.

Người Nhật rất tôn trọng kiểu lý luận như thế này.

- Thời gian đính hôn kéo dài bao lâu? Rinri hỏi như muốn biết quy định.
- Không cố định.

Anh có vẻ không thích câu trả lời này.

- Đính hôn có nguồn gốc là từ tin tưởng, tôi nói thêm để biện hộ cho mình. Người đính hôn là người đem niềm tin của mình cho người kia. Thật đẹp, phải không anh? Trong khi nghĩa của từ hôn nhân thật nhạt nhẽo vô cùng, nó gọi người ta nghĩ đến hợp đồng hôn nhân
- Vậy là em chẳng bao giờ muốn lấy anh, Rinri suy luận.
- Em có nói thế đâu, tôi nói, hiểu là mình đã đi quá xa.

Tôi phá vỡ khoảng lặng gò bó diễn ra sau đó:

- Em chấp nhận cái nhẫn đính hôn của anh.

Vậy là anh di chuyển mấy cái nhẫn trên những ngón tay nhọn hoắt của tôi như đã tính toán lúc nãy và đeo vào ngón đeo nhẫn lúc này đã rãnh chiếc nhẫn có miếng thạch anh tím bị cầm tù trong platine.

- Anh biết không, người xưa cho rằng thạch anh tím có khả năng chữa say đắm.

- Vậy thì anh rất cần đấy, Rinri nói, lại trở nên rất tình tứ.

Vài giờ sau, anh ngủ thiếp đi, còn tôi thì bắt đầu cơn mất ngủ. Khi nghĩ lại lời cầu hôn của Rinri, tôi có cảm giác như sống lại khoảnh khắc lúc mấy cái vòi của con bạch tuộc chết tóm lấy lưới tôi. Sự liên tưởng chua chát này chẳng liên quan gì đến việc hai sự kiện diễn ra gần như cùng lúc. Tôi cố tự an ủi rằng mình đã thoát được vòng siết của đám xúc tu và hoãn vô thời hạn mối hiểm họa hôn nhân.

Mặt khác, còn vụ việc mấy quả hồng. Trong vườn, Eva không hái được thứ quả nàg thêm. Chàng Adam mới đã học được tính phong nhã, lịch sự với phụ nữ nên hái cho nàg cả lô rồi cảm động nhìn nàg ăn. Nàg Eva mới, ích kỷ không muốn chia sẻ tội lỗi, ăn sạch mà chẳng mời chàng lấy một miếng.

Tôi rất khoái câu chuyện kể lại này, thấy nó văn minh hơn câu chuyện cổ điển về thủy tổ loài người. Tuy nhiên, lời cầu hôn làm cho phần kết câu chuyện tầm tối hẳn. Tại sao bao giờ cũng phải trả giá cho vui thú? Và tại sao cái giá của khoái lạc bao giờ cũng là việc mất đi sự nhẹ dạ bản năng?

Sau suốt nhiều giờ nghiền ngẫm cái chủ đề nặng nề đó, cuối cùng tôi cũng

ngủ được đôi chút. Giác mơ của tôi cũng dễ đoán thôi: trong nhà thờ, linh mục làm đám cưới cho tôi với một con bạch tuộc khổng lồ. Nó đeo nhẫn vào ngón tay cho tôi, còn tôi đeo vòng vào từng xúc tu cho nó. Linh mục nói:

- Con có thể hôn cô dâu.

Con bạch tuộc ngậm lưỡi tôi vào lỗ miệng nó rồi không nh

Hôm sau, chiếc xe ca của đảo đưa chúng tôi quay ra bến. Trên tàu, nhìn đảo xa dần, Rinri nói:

- Rồi Sado thật là buồn.

- Vâng, tôi trả lời, có đôi chút thành thật. Tôi tiếc những quả hồng.

Rinri nhìn tôi bằng đôi mắt đăm lẹ và thốt lên:

- Vợ chưa cưới ở Sado của anh! Nghe hứa hẹn nhỉ.

Đến Niigata, chúng tôi lấy chiếc Mercedes rồi về Tokyo. Trên đường về, tôi tự hỏi tại sao không từ chối lời cầu hôn của Rinri. Tôi không muốn lấy anh. Hơn nữa, tôi chưa bao giờ thấy thích thú hôn nhân. Vậy thì cái gì cản tôi từ chối lời cầu hôn của anh?

Lời giải thích có liên quan đến việc tôi rất quý Rinri. Từ chối đồng nghĩa với cắt đứt quan hệ với anh, mà tôi lại không muốn cắt đứt.

Tình bạn, sự quyến luyến, tiếng cười, biết bao điều gắn bó tôi với chàng trai tình cảm này. Tôi không muốn từ bỏ việc được ở gần người dễ chịu như anh.

Tôi cảm ơn người đã nghĩ ra chuyện đính hôn. Cuộc đời đầy những thử thách cứng như đá, nhưng nếu mềm dẻo linh hoạt như nước chảy thì vẫn vượt qua được hết thảy. Kinh thánh, cuốn kinh tuyệt vời về đạo đức, dùng đá cuội, núi đá, tượng đài đá để dạy cho chúng ta những nguyên tắc cứng nhắc đáng phục: “Con phải nói rõ có hay không. Từ gì nói thêm vào đều là thuộc về Quỷ dữ.” Những người tuân theo những nguyên tắc đó là những người thẳng thắn, được trọng vọng. Ngược lại, có những người không thể tuân theo những cách ứng xử cứng nhắc đó và chỉ có cách luồn lách, len lỏi, đi đường vòng để tiến lên. Khi người ta hỏi họ có muốn cưới ai đó hay không, họ đề nghị đính hôn, tức là đám cưới theo kiểu nước. Các bậc trưởng lão có quan niệm cứng nhắc kiểu đá coi họ là những kẻ phản bội hay lừa dối, trong khi thực ra họ thành thực theo cách của nước. Nếu em là nước thì việc nói với anh rằng “vâng, em sẽ lấy anh” sẽ có nghĩa gì?

Đó chính là lừa dối. Người ta không giữ nước lại được. Đúng vậy, em tưới mát cho anh, em trao tặng anh hết thảy của cải của em, em làm mát cho anh, xoa dịu cơn khát của anh, nhưng em chẳng biết dòng chảy con sông em sẽ đến đâu, anh không bao giờ có thể tắm hai lần trên cùng một người vợ chưa cưới[52].

Những người sống theo kiểu nước chảy thường bị đám đông khinh rẻ trong khi thái độ mềm dẻo của họ giúp tránh được biết bao xung đột. Những tảng đá lớn tiết hạnh thường được người ta hét lời ca ngợi lại chính là nguyên nhân của mọi cuộc chiến. Tất nhiên 1 chuyện của tôi với Rinri chẳng có gì là mang tính chính trị quốc tế, nhưng tôi phải lựa chọn giữa hai nguy cơ rất lớn: một là đồng ý, và như thế đồng nghĩa với vĩnh cửu, an toàn, vững vàng, ổn định, và những từ khác nữa, làm nước đóng băng lại vì sợ hãi; hai là từ chối, dẫn đến chia cắt, tuyệt vọng, thế mà anh cứ tưởng là em yêu anh cơ đấy, em biến đi cho rồi, ấy thế mà trông em có vẻ rất hạnh phúc khi, và còn nhiều lời kết tội khác làm nước sôi lên giận dữ, vì chúng thật bất công và thô lỗ.

Thật nhẹ cả lòng vì tìm được giải pháp đính hôn! Đó là câu trả lời kiểu nước vì nó chẳng giải quyết gì hết và gác vấn đề lại sau. Nhưng kéo dài thời gian cũng là việc lớn trong đời.

Ở Tokyo, cản tắc vô áy náy, tôi không nói với bất cứ ai về vụ đính hôn này.

Đầu năm 1990, tôi vào làm việc tại một trong bảy công ty lớn của Nhật. Với danh nghĩa là làm ăn kinh doanh, chính những công ty này mới là những kẻ nắm quyền lực thực sự ở Nhật. Như bất kỳ người làm công nào, tôi nghĩ mình sẽ làm việc ở đó chừng bốn mươi năm.

Trong cuốn *Sững sờ và run rẩy* [53], tôi đã kể tại sao tôi khó nhọc lắm mới ở lại được công ty ấy cho đến hết hạn hợp đồng một năm.

Đó là sự trượt dốc vô cùng tâm thường xuống địa ngục. Số phận tôi chẳng khác mấy với đa phần những người làm công ăn lương Nhật. Nó chỉ tệ hại hơn vì ti là người nước ngoài và vì thói hậu đậu của riêng tôi.

Tôi về gặp Rinri, tôi kể anh nghe những việc diễn ra trong ngày. Ngày nào cũng đầy những sỉ nhục. Rinri nghe tôi kể, anh còn thấy khổ sở hơn những gì tôi phải chịu đựng, và khi tôi kể xong, anh lắc đầu rồi xin tôi tha thứ cho người dân nước anh.

Tôi cam đoan với anh là người Nhật chẳng có lỗi gì cả. Trong công ty này, tôi có nhiều đồng minh đáng giá lắm. Rốt cuộc, nỗi thống khổ của tôi chỉ là do một người gây ra, như thường thấy trong môi trường làm việc. Tất nhiên là cô ta cũng được nhiều người trợ giúp c lực, nhưng chỉ cần cô ta thay đổi thái độ là số phận tôi có thể đã khác biệt bao nhiêu.

Tôi có hai cuộc sống song song. Ban ngày là nô lệ, ban đêm là vợ chưa cưới. Lẽ ra tôi vẫn thấy tạm ổn nếu đêm không ngắn đến thế: phải tới hai mươi hai giờ tôi mới gặp được Rinri, mà ngay từ hồi ấy tôi đã dậy từ bốn

giờ sáng để viết lách. Đây là còn chưa kể đến một số đêm phải ở lại công ty vì chưa hoàn thành công việc.

Những kỳ nghỉ cuối tuần biến mất trong vực sâu không để lại chút ký ức nào. Tôi dậy muộn, cho quần áo bẩn vào máy giặt, viết, phơi quần áo. Một bã người vì những công việc đó, tôi lại ngã mình xuống giường với cơn mệt mỏi của cả tuần. Như trước đây, Rinri muốn đưa tôi đi làm đủ mọi chuyện. Tôi chẳng còn hơi sức đâu nữa. Điều tối đa anh có thể bắt tôi làm là đi xem phim tối thứ Bảy. Mà cũng có hôm tôi ngủ gật trong rạp.

Rinri cũng cảm chịu đựng cô vợ chưa cưới vô vị. Chính tôi lại không chịu được mình nữa. Khi đi làm, tôi vẫn hiểu được mình. Nhưng tôi chẳng hiểu gì về cái bóng ma mà tôi biến thành khi ra ngoài công ty.

Khi tàu điện ngầm đưa tôi đến nơi hành xác, tôi nghĩ đến cuộc đời trước đây của mình. Mới chỉ có vài tháng trước đây thôi. Thật khó tin. Chỉ trong thời gian ngắn như thế mà chuyện gì đã xảy đến với Zarathoustra vậy? Có phải tôi đã từng chân trần leo những ngọn núi Nhật Bản không? Có phải tôi từng nhảy múa cùng núi Phú Sĩ như tôi vẫn nhớ không? Và phải chăng tôi từng vui vẻ biết bao với chàng trai giờ đây đang nhìn tôi ngủ?

Giá mà tôi có thể tự thuyết phục mình rằng đó chỉ là lúc rủi ro! Nhưng không, mọi điều đều cho thấy đó là số phận tôi trong vòng bốn mươi năm tới. Tôi tâm sự với Rinri, anh vội bảo tôi:

- Đừng đi làm nữa. Lấy anh đi. Vậy là em hết phải băn khoăn lo lắng.

Nghe hấp dẫn đấy. Rồi bỏ cô ả đao phủ của tôi[54], hưởng cảnh sống an nhàn, vật chất đầy đủ mãi mãi chỉ với điều kiện duy nhất là sống cùng một chàng trai dễ thương, ai còn lưỡng lự chứ?

Không thể tự giải thích được, nhưng tôi mong chờ điều khác. Tôi cũng

chẳng biết đó là điều gì, nhưng tôi tin chắc có thể hy vọng. Vì không biết nó là gì nên ta lại càng mong muốn có nó hơn.

Phần ý thức được trong giấc mơ ấy là việc viết lách, việc vốn choán rất nhiều thì giờ và tâm trí tôi. Tất nhiên là tôi không ảo tưởng đến mức tin là sẽ có ngày sách mình được in, càng không hình dung là sống nhờ việc viết lách. Nhưng tôi vẫn muốn thử làm việc đó, dù thật phi lý, dù chỉ để sau này không tiếc là đã không thử.

Trước khi đến Nhật, tôi chưa bao giờ nghĩ về việc đó một cách nghiêm túc. Tôi ngờ rằng mình sẽ phải chịu sự sỉ nhục dưới dạng thư từ chối của nhà xuất bản.

Giờ đây, chẳng còn sự sỉ nhục nào làm tôi sợ được nữa vì hàng ngày tôi đã phải chịu cảnh đó rồi.

Tuy nhiên tất cả những chuyện đó đều không chắc chắn. Lý trí hét gào bảo tôi chấp nhận đám cưới này: “Không những người được giàu có chẳng cần làm việc, mà hơn nữa, người còn có người chồng tử tế nhất trên đời. Người chưa từng gặp chàng trai nào tốt bụng, hài hước và thú vị đến thế. Anh ấy chỉ toàn là ưu điểm. Anh ấy yêu người, còn người, chắc cũng yêu anh ấy hơn là người tưởng. Từ chối cưới Rinri chẳng khác nào tự sát.”

Tôi không có cách nào quyết định được. Tôi không sao nói đồng ý được. Cũng như lúc còn ở đảo Sado, tôi cứ khát lần khát hoài.

Rinri thường xuyên nhắc lại lời cầu hôn. Tôi thì lúc nào cũng thoái thác. Tuy vẫn tỏ ra bình thản, nhưng tôi thấy gương mặt chết đi được. Tôi cảm thấy như mình làm tất cả mọi người đau khổ, mà trước hết là bản thân tôi.

Ở nơi làm việc thì chẳng khác gì địa ngục. Rinri đối xử với tôi dịu dàng, mà tôi lại chẳng xứng với sự dịu dàng ấy. Đôi khi tôi nghĩ nỗi thống khổ của mình ở nơi làm việc chính là hình phạt thích đáng cho sự vô ơn của tôi với

tình yêu. Ban ngày, nước Nhật lấy lại những gì nó tặng tôi ban đêm. Câu chuyện này rồi sẽ kết thúc tồi tệ.

Đôi khi tôi thấy nhẹ nhõm vì được đi làm. Có lúc tôi thấy thích hoàn cảnh chiến tranh thực sự hơn là hòa bình giả tạo. Và tôi thích mình là kẻ chịu hình phạt không chủ ý hơn là đao phủ thiện chí. Tôi luôn luôn sợ quyền lực, nhưng tôi thấy chịu đựng nó thì đỡ khổ sở hơn là áp đặt nó lên người khác.

Những tai nạn tồi tệ nhất trong đời đều là do vạ mồm cả. Một buổi tối trong tuần, sau nửa đêm, trong khi tôi đang buồn ngủ díu mắt, Rinri lại cầu hôn tôi đến lần thứ hai trăm bốn mươi. Quá mệt để có thể thoái thác, tôi trả lời không và thiếp đi luôn.

Sáng hôm sau, gần bàn viết, tôi thấy một mẫu giấy anh để lại: “Cảm ơn em, anh hạnh phúc lắm.”

Tôi rút ra bài học có giá trị đạo đức cao: “Người đã làm cho một người hạnh phúc nhờ nói thẳng. Phải biết nói không. Chẳng có gì là tử tế khi làm người ta hy vọng hão. Sự mập mờ là cội nguồn của đau khổ, vân vân và vân vân.” Tôi đi làm, nhận sự sỉ nhục hàng ngày.

Tối đến, Rinri đợi tôi ở cổng công ty.

- Anh đưa em đi ăn hàng.

- Anh có chắc không? Em mệt bã người rồi.

- Không lâu đâu mà.

Ngồi trước mấy bát xúp dương xỉ núi, Rinri nói với tôi là bố mẹ anh rất vui vì tin mừng này. Tôi phá lên cười và nói:

- Em không ngạc nhiên đâu.

- Nhất là bố anh.

- Em ngạc nhiên đấy. Em cứ nghĩ là mẹ anh sẽ vui cơ đấy.

- Các bà mẹ thường thấy khó xa con trai mình hơn.

Câu này phát lên một chuỗi tín hiệu báo động trong não tôi. Tôi không nghi ngờ đã nói không hôm qua, nhưng tôi không chắc lời cầu hôn được thể hiện như thế nào. Nếu Rinri hỏi theo kiểu phủ định, điều rất phổ biến ở đất nước phức tạp này, thì tôi thua rồi. Tôi cố nhớ lại những quy tắc ngữ pháp Nhật Bản để trả lời cho câu hỏi phủ định, thật khó chẳng khác gì phải nhớ các bước trong điệu tango. Trí não tôi kiệt sức chẳng thể nào nhớ được và tôi quyết định làm thí nghiệm. Tôi vớ lấy hũ rượu sakê và hỏi:

- Anh không muốn uống rượu sakê nữa à?

- Không, anh uống nữa chứ, chàng trai lịch sự đáp.

Tôi bèn đặt hũ rượu vô tích sự xuống. Rinri bối rối, nhưng không muốn sai bảo tôi nên cầm lấy hũ rượu và tự rót.

Tôi lấy hai tay che mặt. Tôi đã hiểu. Chắc hôm qua anh đã hỏi tôi: “Em vẫn không muốn lấy anh phải không?”, và tôi đã trả lời theo kiểu phương Tây[55]. Quá nửa đêm là tôi chẳng còn phân được nguyên tắc ngữ pháp tiếng Nhật nữa.

Thật khủng khiếp. Tôi chẳng còn lạ gì bản thân nên biết chắc rằng mình sẽ chẳng có đủ dũng khí mà nói rõ ràng lại mọi chuyện với anh. Tôi không thể nào tỏ ra khó chịu với người tử tế như anh nên đành hy sinh để anh khỏi thất vọng.

Tôi tự hỏi liệu Rinri có cố tình đặt câu hỏi ở dạng phủ định không. Tôi

không tin là vậy. Nhưng tôi ngờ là tiềm thức đã mách bảo anh kế hoạch xảo quyệt này.

Vậy là vì sự hiểu nhầm ngôn ngữ mà tôi sẽ lấy một chàng trai dễ thương có tiềm thức tai ác. Biết làm thế nào để thoát khỏi cái mớ bòng bong này bây giờ?

- Anh đã báo cho bố mẹ em rồi đấy, anh nói thêm. Bố mẹ em rú lên vì vui sướng.

Đương nhiên rồi. Bố mẹ tôi đều mê anh chàng này.

- Chẳng phải là nếu em tự báo cho bố mẹ thì tốt hơn hay sao? tôi hỏi, quyết định từ nay chỉ đặt câu hỏi phủ định.

Rinri tránh bẫy.

- Anh biết. Nhưng em thì đi làm còn anh đang là sinh viên. Anh nghĩ là em không có thời gian. Em giận anh à?

- Không, tôi trả lời, lấy làm tiếc là anh không đặt câu hỏi theo kiểu phủ định, giá anh làm thế thì tôi đã có thể lấy cớ khác biệt văn hóa mà nói cho anh biết điều tôi nghĩ.

“Thôi cũng chẳng sao!” tôi kết luận.

- Em thích ngày nào? anh hỏi.

Chỉ còn thiếu một điều này nữa thôi.

- Mình đừng quyết định mọi việc trong thời gian ngắn như thế, tôi trả lời. Dù sao thì chừng nào em còn làm ở Yumimoto thì không thể được.

- Anh hiểu. Khi nào hợp đồng của em chấm dứt?

- Đầu tháng Một.

Rinri ăn nốt bát xúp và phán:

-Vậy là năm 1991. Đọc ngược hay đọc xuôi thì các con số vẫn không thay đổi. Năm tốt để cưới

Năm 1990 kết thúc trong mớ lộn xộn mơ hồ. Chỉ có một điều duy nhất rõ ràng: tôi xin thôi việc. Công ty Yumimoto sắp không còn được hưởng sự phục vụ đáng giá của tôi nữa.

Tôi cũng rất muốn từ bỏ đám cưới. Tiếc là Rinri ngày càng tử tế tốt bụng nên chẳng có cách nào từ bỏ anh được.

Một đêm, tôi nghe thấy tiếng nói từ bên trong: “Hãy nhớ lại bài học ở núi Kumotori Yama. Khi phù thủy Yamamba cầm tù người, người đã tìm ra giải pháp: chạy trốn. Không trốn được bằng lời nói ư? Hãy dùng chân mà chạy trốn.”

Khi chạy trốn một đất nước thì chân được thay thế bằng máy bay: tôi lặng lẽ mua vé máy bay Tokyo-Bruxelles. Vé một chiều.

- Mua vé khứ hồi sẽ rẻ hơn, cô bán vé nói.

- Vé một chiều thôi, tôi khăng khăng.

Tự do không có giá.

Đó là cái thời không quá xa khi vé điện tử còn chưa ra đời: tấm vé máy bay bằng bìa các tông có ép plastic, nó là thực tế sờ thấy được trong đáy túi xách hay trong túi áo nơi bàn tay sờ vào ba mươi lần mỗi ngày cho yên tâm. Bất tiện là ở chỗ nếu đánh mất vé thì phải kỳ công lắm mới có được một bản sao khác. Nhưng không có chuyện tôi đánh mất biểu tượng tự do của mình.

Gia đình anh đi Nagoya, tôi ở cùng Rinri trong lâu đài bê tông ba ngày tết, những ngày duy nhất thực sự bị cấm không làm việc ở Nhật. Người ta còn cấm cả nấu nướng. Mẹ anh chất đầy những chiếc hộp sơn mài truyền thống những món nguội thường được dùng trong ba ngày không làm việc đó: mì kiều mạch, đậu ngọt, bánh gạo và những thứ kỳ quặc khác ngon mắt hơn là ngon miệng.

- Em không phải cố ăn mấy món đó đâu, Rinri nói. Bản thân anh cũng chẳng ngại ngần gì mà cứ nấu spaghetti ăn.

Tôi không thấy mình phải cố: đúng là không ngon lắm thật, nhưng tôi mê mẩn nhìn những hạt đậu bóng nhẫy đường phản chiếu trên nền đen sâu thẳm của sơn mài. Tôi lấy đũa nhón từng hạt một, cầm cái hộp vuông lên ngang mắt để khỏi bỏ lỡ bất cứ giây phút nào cảnh đó.

Nhờ có tấm vé máy bay giấu kỹ mà những ngày đó trôi qua thật. Tôi nhìn chàng trai với vẻ tò mò khoan dung: anh là người tôi đã cùng trải qua hai năm hạnh phúc và giờ sắp bỏ trốn đi. Chuyện thật kỳ cục, thật phí hoài vô lý. Chẳng phải anh là người có cái gáy đẹp nhất, có kiểu cách cao nhã nhất đó sao? Chẳng phải tôi thấy thực sự dễ chịu khi ở cùng anh đó sao, vừa tò mò vừa thoải mái, cuộc sống chung như vậy chẳng phải là lý tưởng sao?

Chẳng phải anh thuộc về đất nước tôi yêu đó sao? Chẳng phải anh là bằng chứng duy nhất cho thấy hòn đảo tôi yêu dấu không rũ bỏ tôi sao? Chẳng

phải anh đã cho tôi cách đơn giản nhất và hợp pháp nhất để có được cái quốc tịch huyền thoại đó sao?

Cuối cùng thì chẳng phải tôi cũng có tình cảm thật với anh đó sao? Đúng, chắc chắn rồi.

Tôi rất quý anh, và cái “rất” ấy với tôi thật mới mẻ. Thế nhưng chính sự có mặt của trạng từ “rất”[\[56\]](#) trong câu vừa rồi đã thuyết phục tôi phải ra đi ngay.

Chỉ cần hình dung trong đầu chuyện xé bỏ cái vé máy bay là tình bạn thắm thiết của tôi với Rinri biến thành mối hoảng loạn thù địch. Ngược lại, chỉ cần tôi sờ thấy lớp giấy trơn của chiếc vé trong túi xách là đủ để tim tôi tràn ngập th tình cảm pha trộn giữa vui mừng hơn hờ và cảm giác có lỗi giống như tình yêu nhưng không phải, giống như âm nhạc linh thiêng tiêm nhiễm vào tâm hồn một sự hơn hờ nhiệt tình giống như niềm tin tôn giáo nhưng không phải.

Đôi khi anh ôm tôi vào lòng mà chẳng nói gì. Tôi không mong kể cả kẻ thù tồi tệ nhất của mình phải cảm nhận thấy điều tôi cảm nhận được khi đó. Chẳng bao giờ Rinri tỏ ra thấp hèn, tầm thường hay nhỏ nhen. Nếu thế thì tôi đã dễ dàng dứt áo ra đi.

- Xét cho cùng thì trong anh chẳng có gì xấu hết, tôi bảo anh.

Anh ngạc nhiên cảm bật rồi cuối cùng hỏi tôi đó có phải là câu hỏi không. Với tôi, đó là câu trả lời rõ ràng.

Tôi đã chạm đúng chỗ: chính vì trong anh không có gì xấu nên tôi rất quý anh. Chính vì anh xa lạ với cái xấu nên tôi không có tình yêu với anh. Tuy nhiên, tôi đâu có thích cái xấu. Nhưng món ăn chỉ thực sự tuyệt vời khi có một chút đắng. Bản giao hưởng số chín của Beethoven sẽ không thể nghe nổi nếu nó không có vài chỗ do dự tuyệt vọng. Jesus sẽ không gây cảm

hứng cho nhiều người đến thế nếu không đôi khi thốt ra những lời thật gần với hằn thù.

Ý nghĩ này gợi cho tôi đến ý nghĩ khác:

- Anh có còn là chàng samurai Jesus nữa không?

Rinri trả lời tôi với vẻ ngây thơ tuyệt vời:

- Ừ nhỉ. Anh không nghĩ đến chuyện đó nữa.

- Anh có còn là người đó hay không?

- Có, anh nói, như thể đang tuyên bố mình là sinh viên vậy.

- Thế anh có dấu hiệu gì không?

Anh nhún vai theo cách quen thuộc và nói tiếp:

- Anh đang đọc một cuốn sách về Ramsès đệ nhị[57]. Anh rất mê nền văn minh đó. Anh muốn thành người Ai Cập.

Tôi hiểu anh là người Nhật điển hình vì anh có lòng hiếu kỳ chân thành và sâu sắc với mọi hiện tượng văn hóa nước ngoài. Vì thế mà người ta thấy có các chuyên gia Nhật nghiên cứu tiếng vùng Bretagne[58] hồi thế kỷ XII và họa tiết thuốc lá hít trong hội họa vùng Flandre[59]. Trong số các khuynh hướng nối tiếp nhau của Rinri, tôi đã nhầm khi nghĩ anh tự coi mình là những nhân vật đó: thực ra anh chỉ quan tâm đến họ mà thôi.

Ngày mừng chín tháng Một năm 1991, tôi thông báo với chồng chưa cưới là ngày hôm sau tôi đi Bruxelles. Tôi nói nhẹ nhàng như thể nói đến chuyện đi mua bo.

- Em về Bỉ làm gì? Rinri hỏi.

- Gặp chị gái và vài người quen.

- Khi nào em quay lại?

- Em không biết. Chắc là nhanh thôi.

- Em có muốn anh đưa ra sân bay không?

- Anh tốt quá. Nhưng em tự l

Anh cứ nằn nì. Ngày mồng mười tháng Một, lần cuối cùng, chiếc Mercedes trắng đợi tôi trước cửa nhà tôi.

- Vali gì mà to và nặng thế! Chàng trai nói và xếp vào cốp xe.

- Quà ấy mà, tôi bình luận. Tôi đã mang tất cả đồ đạc đi. Đến Narita, tôi bảo anh về ngay.

- Em rất sợ cảnh chia tay ở sân bay.

Anh ôm hôn tôi và đi. Anh vừa biến mất là họng tôi hết nghẹn, tim tôi giãn ra và nỗi buồn của tôi nhường chỗ cho niềm vui khác thường.

Tôi cười. Tôi gọi mình bằng đủ thứ tên, tôi thóa mạ bản thân bằng đủ loại câu chữ mà tôi đáng chịu, nhưng điều đó không cản tôi cười nhẹ nhõm.

Tôi biết là lẽ ra mình phải cảm thấy buồn, xấu hổ, v.v. Nhưng tôi không làm thế được.

Ở quầy đăng ký, tôi xin chỗ ngồi gần cửa sổ.

Có một niềm vui còn lớn hơn niềm vui ở sân bay: đó là niềm vui ta cảm nhận được khi ngồi lên máy bay. Niềm vui đó lên đến cực điểm khi máy bay cất cánh và khi ta ngồi cạnh cửa sổ.

Tuy nhiên, tôi thành thực tuyệt vọng vì phải rời bỏ đất nước mình yêu quý và ra đi trong những điều kiện như thế này: có lẽ phải tin rằng trong tôi, nỗi sợ hôn nhân lớn hơn mọi điều. Tôi vui sướng hoan hỉ. Đôi cánh máy bay chính là cánh của tôi.

Chắc người phi công cố tình bay qua núi Phú Sĩ. Nhìn từ trên cao xuống, ngọn núi đẹp quá đi mất! Tôi thầm nói với nó:

“Chào anh bạn, tôi quý anh lắm. Tôi ra đi nhưng không phản bội anh đâu. Đôi khi bỏ trốn cũng là một hành động của tình yêu. Muốn yêu, tôi cần được tự do. Tôi ra đi để gìn giữ vẻ đẹp tôi cảm nhận được về anh. Đừng thay đổi nhé.”

Chẳng mấy chốc, không còn nhìn thấy Nhật Bản qua cửa sổ máy bay nữa. Lúc đó cũng vậy, nỗi đau đớn chia cắt không làm giảm cơn hân hoan say sưa trong tôi. Đôi cánh máy bay nối dài cơ thể tôi. Còn gì tuyệt hơn khi ta có cánh? Địa danh thành phố nào bén được gót chân Las Vegas? Thật phi lý, đó là thành phố nơi người ta cưới nhau dễ dàng nhất, trong khi Reno^[60] là thành phố nơi ly dị nhanh nhất. Tôi thấy điều ngược lại có lẽ hợp lý hơn: cánh dùng để chạy trốn.

Chạy trốn dường như chẳng có gì là vẻ vang. Tiếc thật, chạy trốn thế này dễ chịu biết bao nhiêu. Trốn chạy cho ta cảm giác tự do tuyệt vời nhất mà con người có thể cảm nhận được. Khi chạy trốn người ta thấy mình tự do hơn cả khi chẳng có gì khiến phải trốn chạy. Các cơ trên bắp chân kẻ chạy trốn như lên đồng, da run rẩy, lỗ mũi phập phồng, mắt mở to.

Khái niệm tự do là đề tài được nhắc đi nhắc lại mãi mà chỉ nghe vài từ đã đủ khiến tôi ngáp. Trải nghiệm tự do bằng chính bản thân mình lại là chuyện khác. Ta luôn phải có gì đó mà trốn chạy để có thể gây dựng trong bản thân mình cái khả năng tuyệt vời ấy. Hơn nữa, ta luôn có điều gì đó để mà trốn chạy. Ít ra là bản thân mình.

Tin mừng, đó là ta có thể thoát khỏi bản thân mình. Điều ta muốn trốn tránh trong bản thân mình, đó là cái nhà ngục nhỏ bé mà cuộc sống tĩnh tại dựng lên ở bất cứ đâu. Ta thu vén hết đồ đạc rồi ra đi: cái tôi ngạc nhiên đến nỗi nó quên không đóng vai trò người cai ngục. Ta có thể trốn khỏi bản thân cũng như khi ta cắt đuôi những kẻ truy đuổi ta.

Nhìn qua cửa sổ, vùng Sibêri trải dài đến vô tận, trắng toát trong mùa đông, nhà tù lý tưởng vì nó rộng mênh mông. Những kẻ trốn chạy sẽ chết vì lạc trong không gian mênh mông. Đó là nghịch lý của vô tận: người ta dự cảm thấy tự do nhưng nó không tồn tại ở đó. Đó là nhà tù rộng lớn đến mức người ta chẳng bao giờ thoát ra được. Nhìn từ trên máy bay thì thật dễ hiểu.

Zarathoustra trong tôi đột nhiên nghĩ đến việc nếu đi bộ chắc hẳn tôi đã để lại dấu vết trong tuyết và người ta sẽ lần ra tôi. Đôi cánh quả là một khám phá tuyệt diệu.

Chạy trốn là việc chẳng mấy vẻ vang ư? Nhưng vẫn còn hơn là để bị tóm. Điều duy nhất làm ô danh chính là không được tự do.

Hành khách ai nấy đều được phát tai nghe. Tôi nghe lướt qua tất cả các chương trình ca nhạc đủ mọi thể loại, thấy ngạc nhiên thích thú vì mọi người đều có thể du ngoạn với một loại nhạc nào đó. Bỗng dưng tôi nghe thấy bản Hungarian Rhapsody của Liszt[61]: bản nhạc này chính là kỷ niệm âm nhạc đầu tiên của tôi. Hồi đó tôi lên hai tuổi rưỡi, tôi ngồi trong phòng khách ngồi nhà ở Shukugawa, m bảo tôi: “Đây là bản Hungarian Rhapsody.” Tôi nghe như nghe một câu chuyện. Đó chính là một câu

chuyện. Bọn độc ác truy đuổi những người tử tế đang cưỡi ngựa chạy trốn. Bọn độc ác cũng cưỡi ngựa. Ai cũng mong mình phi nhanh nhất. Đôi khi nhạc nói những người tốt thoát, nhưng họ đã nhầm, bọn người độc ác bày trò khiến họ tưởng mình đã thoát để bắt họ dễ hơn. Rồi những người tốt cũng hiểu mưu mẹo đó, nhưng đã muộn, liệu họ có thoát được hiểm nguy không? Họ phi ngựa đến đứt cả hơi, rạp mình trên lưng ngựa, cuộc hành trình khiến cả người lẫn ngựa đều kiệt sức, tôi đứng về phía họ, tôi không biết mình tốt bụng hay độc ác, nhưng chắc chắn tôi thuộc về phe những người chạy trốn, tôi có tâm hồn của con thú bị săn đuổi, tim tôi đập như điên, ô kia, vực thẳm, liệu lũ ngựa có vượt qua được vực sâu như thế không nhỉ, phải vượt qua thôi, nếu không sẽ rơi vào tay chúng mất, mắt mở to vì sợ hãi, tôi nghe tiếng ngựa chồm lên và chạm vó đúng sát mép vực phía bên kia, thoát rồi, bọn người độc ác không nhảy sang, chúng không dừng cảm bằng họ, vì chúng không phải chạy trốn, ham muốn bắt người không mạnh bằng nỗi sợ bị tóm, đó là lý do bản Hungarian Rhapsody của Liszt kết thúc bằng khúc Khải Hoàn.

Tôi gọi máy bay là Pégase[62]. Nhạc của Liszt nhân niềm vui của tôi lên bội phần. Tôi hai mươi ba tuổi và vẫn chưa tìm thấy điều mình tìm kiếm. Vì thế mà tôi thấy thích cuộc sống. Thật tốt khi hai mươi ba tuổi mà vẫn chưa tìm thấy con đường của mình.

Ngày mười một tháng Một năm 1991, tôi hạ cánh xuống sân bay Zaventem. Tôi nhảy vào vòng tay chị Juliette, chị đang đợi tôi. Sau khi cả hai chị em đã hí, sữa, gặm, kêu, ré, hú, ăng ăng chán chê, chị tôi hỏi:

- Em không đi nữa, phải không?

- Em ở lại! tôi nói để dẹp bỏ ngay mọi mập mờ của câu hỏi kiểu phủ định.

Juliette chở tôi về nhà chúng tôi, ở Bruxelles. Nước Bỉ là thế này đây. Tôi thấy mũi lòng trước bầu trời xám nặng trĩu, trước sự gần gũi giữa các nơi chốn, trước những bà già co ro trong áo choàng và đeo túi gập trên tàu điện.

- Thế Rinri, cậu ấy sẽ đến chứ? Juliette hỏi.

- Em không nghĩ thế, tôi trả lời thoái thác nước đôi.

Chị tế nhị nên không gặng hỏi tiếp.

Chúng tôi lại sống cùng nhau ước năm 1989. Sống cùng chị thật dễ chịu. Bảo hiểm xã hội Bỉ đã chính thức hóa cuộc sống chung đó bằng cách trao cho tôi cương vị nội trợ đích thực: các giấy tờ của tôi có ghi: “người làm nội trợ của Juliette Nothomb”. Không bịa đâu nhé. Tôi rất coi trọng nghề nghiệp của mình và giặt đồ cho chị tôi.

Ngày mười bốn tháng Một năm 1991, tôi bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết có nhan đề Hồi ức kẻ sát nhân. Buổi sáng, trước khi đi làm Juliette nói: “Chào bà nội trợ!” Tôi viết rất lâu, sau đó phơi quần áo mà tôi bỏ quên trong máy giặt. Buổi tối, Juliette về và ôm hôn cảm ơn bà nội trợ của mình.

Khi còn ở Nhật, tôi đã để dành được một phần lương và mang về Bỉ. Tôi tính là với khoản tiền tiết kiệm được, tôi có thể sống tằn tiện trong hai năm. Nếu sau hai năm mà tôi không tìm được nhà xuất bản thì vẫn còn thời gian để tìm giải pháp khác, tôi tự nhủ về bất cần. Tôi thích cuộc sống như thế này. Chính sự trái ngược với công việc nặng nhọc của tôi trong công ty Nhật khiến cuộc sống đó càng thi vị hơn.

Đôi khi điện thoại reo. Tôi hết sức ngạc nhiên khi nghe giọng Rinri. Tôi chẳng lúc nào nghĩ đến anh và chẳng thấy có bất cứ mối quan hệ nào giữa cuộc sống của tôi ở Nhật và cuộc sống của tôi ở Bỉ: việc có trao đổi điện thoại giữa hai cuộc sống đó làm tôi thấy lạ chẳng khác gì du hành ngược thời gian. Chàng trai ngạc nhiên vì vẻ sững sờ của tôi.

- Em làm gì thế? anh hỏi tôi.

- Em viết.

- Quay về đi. Em sẽ viết ở đây.

- Em cũng là bà nội trợ của Juliette nữa. Em giặt đồ cho chị ấy.

- Không có em thì chị ấy làm thế nào?

- Tệ lắm.

- Mang chị ấy sang đây cùng em.

- Tốt lắm, anh cưới cả hai chị em nhé.

Anh cười. Thế nhưng tôi có đùa đâu. Với tôi đó là điều kiện duy nhất khiến tôi có thể chấp nhận cuộc hôn nhân này.

Cuối cùng anh nói:

- Anh hy vọng em không lần nữa ở lại đó lâu quá. Anh nhớ em

Rồi anh gác máy. Không bao giờ trách móc. Anh thật tốt bụng. Tôi thấy lương tâm cắn rứt, nhưng điều đó qua nhanh.

Dần dần, những cuộc gọi điện thưa dần rồi ngừng hẳn. Tôi thoát không phải chịu đựng cái sự thăm thê, dã man và lừa dối có tên là cắt đứt quan hệ. Trừ trường hợp tội ác đơ bản, còn thì tôi không hiểu tại sao người ta cắt đứt quan hệ. Nói với ai đó rằng thế là hết nghe thật xấu xa, giả dối. Chẳng bao giờ hết được. Ngay cả khi ta không nghĩ đến người đó nữa, làm sao biết rằng người đó không còn tồn tại trong ta? Người từng có ý nghĩa với ta sẽ vẫn còn ý nghĩa.

Tôi mà làm thế với Rinri thì thật vô cùng độc ác: “Thế đây, anh đã làm em vô cùng dễ chịu, anh là người đàn ông đầu tiên khiến em hạnh phúc, em chẳng trách anh điều gì, với anh em chỉ có toàn những kỷ niệm tuyệt vời, nhưng em không muốn ở cùng anh nữa.” Tôi sẽ giận mình vô cùng nếu nói với anh những lời bi ối đó. Nó làm vấy bẩn câu chuyện đẹp tuyệt của chúng tôi.

Tôi biết ơn Rinri đã cư xử thật tế nhị: anh đã hiểu thông điệp mà tôi không cần phải nói ra. Nhờ thế, anh đã cho tôi được trải nghiệm một mối quan hệ hoàn hảo.

Một ngày, điện thoại reo. Đó là Francis Esménard, ở nhà xuất bản Albin Michel. Ông thông báo sẽ xuất bản cuốn *Hồi ức kẻ sát nhân* vào ngày mừng một tháng Chín năm 1992, tại Paris. Một cuộc đời mới bắt đầu.

Đầu năm 1996, bố tôi gọi từ Tokyo:

- Bố mẹ nhận được thiệp của Rinri. Cậu ấy lấy vợ.

- Thế ạ?

- Cậu ấy lấy một cô gái Pháp.

Tôi mỉm cười. Anh vẫn bị cuốn hút bởi ngôn ngữ của Voltaire.

Tháng Mười hai năm 1996, nhà xuất bản ở Nhật mời tôi đến Tokyo nhân dịp cuốn *Hồi ức kẻ sát nhân* được xuất bản bằng tiếng Nhật.

Trên máy bay từ Bruxelles đi Tokyo, tôi cảm thấy rất lạ. Gần sáu năm nay tôi không nhìn thấy đất nước yêu quý mà tôi đã bỏ trốn. Trong thời gian đó, biết bao nhiêu điều đã đến với tôi. Ngày mừng mười tháng Một năm 1991, tôi là người dọn vệ sinh vừa cởi bỏ tạp dề.

Nhìn tháng Mười hai năm 1996, tôi là nhà văn đến trả lời câu hỏi của cánh nhà báo. Ở mức độ như vậy thì không còn là thăng tiến xã hội nữa, mà là gian lận căn cước.

Chắc viên phi công đã nhận được lệnh không bay qua núi Phú Sĩ. Ở Tokyo, tôi thấy thật ngỡ ngàng. Thành phố chẳng thay đổi là bao, nhưng nó không còn là mảnh đất thể nghiệm của tôi nữa. Một chiếc xe công đưa tôi đến những nơi mà ở đó các nhà báo nói với tôi đầy trân trọng và đặt cho tôi những câu hỏi nghiêm túc. Tôi trả lời bông lơn và lúng túng thấy họ ghi chép rất kính cẩn. Tôi những muốn bảo họ: “Tôi chỉ đùa thôi mà!”

Nhà xuất bản Nhật tổ chức tiệc cocktail nhân dịp phát hành cuốn sách. Có rất nhiều khách mời. Ngày mười ba tháng Mười hai năm 1996, trong đám đông ấy, tôi thấy một gương mặt tôi chưa từng gặp lại từ ngày mừng chín tháng Một năm 1991. Tôi chạy lại phía anh, miệng kêu tên anh. Anh gọi tên tôi. Tôi dừng phắt lại. Tôi rời bỏ một chàng trai sáu mươi kilô, giờ gặp lại người đàn ông trẻ chín mươi kilô. Anh cười và bảo:

- Anh béo lên, phải không?

- Có chuyện gì xảy ra thế?

Tôi cắn môi vì đã hỏi câu ngu ngốc như thế. Anh có thể trả lời: “Vì em bỏ đi.” Anh lịch sự nên không nói thế, chỉ nhún vai theo kiểu riêng của anh.

- Anh chẳng thay đổi, tôi cười bảo.

- Em cũng vậy.

Tôi hai mươi chín tuổi, anh hai mươi tám.

- Hình như anh đã cưới vợ Pháp, tôi lại nói.

Anh gạt đầu và xin lỗi vì cô không cùng đến với anh được.

- Cô ấy là con gái một viên tướng, anh nói thêm.

Tôi bật cười vì nét độc đáo mới này.

- Rinri ngộ thật!

- Anh ngộ thật.

Anh đề nghị tôi viết lời đề tặng cho cuốn *Hồi ức kẻ sát nhân* anh có. Tôi chẳng biết mình đã viết gì nữa.

Những người khác đang đợi tôi viết lời đề tặng. Phải chia tay anh thôi. Lúc đó bỗng diễn ra một việc khủng khiếp.

Rinri chỉ bảo tôi:

- Anh muốn ôm em bằng vòng tay bạn hữu của samurai.

Những từ đó có tác động khủng khiếp với tôi. Tôi đã vui biết bao khi gặp lại chàng trai này, giờ bỗng dưng thấy lòng ngộp một tình cảm không chịu đựng nổi. Tôi lao mình vào vòng tay anh để giấu những giọt nước mắt đang dâng lên. Anh ôm chặt lấy tôi, tôi ôm chặt anh.

Anh đã tìm ra những từ chính xác. Anh đã mất hơn bảy năm mới tìm ra chúng, nhưng vẫn chưa quá muộn. Khi anh nói với tôi về tình yêu, tôi chẳng mấy quan tâm vì đó không đúng là từ cần nói. Nhưng giờ anh vừa nói ra đúng cái điều tôi đã trải qua cùng anh, tôi vừa hiểu ra điều này. Khi người ta dùng đúng từ để nói với tôi, cuối cùng tôi cũng cảm nhận được.

Và trong cái ôm kéo dài mười giây ấy, tôi cảm nhận được tất cả những điều

lẽ ra tôi đã phải cảm nhận được trong suốt những năm tháng qua.

Tình cảm của bảy năm trời dồn nén trong mười giây thật mạnh mẽ biết bao. Giữa tôi và Rinri là vậy đó: *vòng tay bạn hữu của samurai*. Đẹp hơn và cao quý hơn biết bao nhiêu so với câu chuyện tình yêu ngốc nghếch.

Rồi hai chàng samurai rời nhau ra. Rinri tế nhị nên đi ngay không ngoái đầu lại.

Tôi ngửa mặt lên trời để nước mắt trôi ngược vào trong.

Tôi là chàng samurai phải viết lời đề tặng cho người tiếp theo.

HẾT



[1] Rinri dùng từ “matresse” có hai nghĩa: cô giáo hoặc người tình. Thường từ “matresse” với nghĩa cô giáo chỉ dùng cho trẻ nhỏ. Lẽ ra Rinri phải dùng từ “professeur” với nghĩa là giáo viên (tất cả các chú thích trong truyện là của người dịch).

[2] Lẽ ra phải dùng tính từ “belge” để chỉ người Bỉ thì Hara lại dùng từ “Belgique”, tức là nước Bỉ.

[3] Thực ra không có tiếng Bỉ, ở Bỉ có ba ngôn ngữ chính thức là tiếng Pháp, tiếng Hà Lan và tiếng Đức. Rinri nghĩ Amélie là người Bỉ thì với cô tiếng Pháp cũng là một ngoại ngữ, nên mới khen như vậy.

[4] Nguyên bản tiếng Anh: món bơ lạc.

[5] Nguyên bản tiếng Anh có nghĩa là “chơi”.

[6] Nguyên bản tiếng Anh, có nghĩa là “tôi biết”.

[7] Nguyên bản tiếng Anh: “Cái gì thế này?”.

[8] Nguyên bản tiếng Anh: “Ôi Chúa ơi!”.

[9] Nguyên bản tiếng Anh: “Thôi mà!”.

[10] Cô giáo, thầy giáo (phiên âm tiếng Nhật).

[11] Alphonse de Lamartine (1790-1869) nhà thơ lãng mạn người Pháp, ông có bài thơ mang tên Le Lac (Hồ nước) rất nổi tiếng.

[12] Mishima Yukio (1925-1970): nhà văn, nhà viết kịch Nhật, tác phẩm của ông nói về nét hấp dẫn ca hư không. Ông đã tự sát công khai sau thất bại của một vụ đảo chính.

align="justify">[13] Nhựa nhiệt dẻo tạo ra bởi quá trình trùng hợp chất styrene.

[14] Đây là loại búp dành cho tàu vũ trụ nên tác giả liên tưởng như vậy.

[15] Một địa phương ở Áo.

[16] Đảo thuộc Hy Lạp, nằm giữa Péloponnèse và Crète.

[17] Nguyên văn: “Quel beau tu es”. Cấu trúc tiếng Anh tương ứng là “What beautiful you are”. “Beau” có nghĩa là đẹp, nhưng là dạng thức dùng để chỉ đàn ông, Rinri lẽ ra phải nói là “belle” vì Amélie là phụ nữ.

[18] Nhng mỗi tình bị cảm đoán, tác phẩm của Mishima, viết năm 1951.

[19] Yêu (tiếng Nhật).

[20] Arthur Schopenhauer (1788-1860): triết gia Đức.

[21] Tên một món mì Ý, gồm các nguyên liệu như trứng, mỡ, pho mát sữa cừu, hạt tiêu đen.

[22] Alexander Calder (1898-1976): Họa sĩ, nhà điêu khắc Mỹ, người sáng tạo ra một loạt các tác phẩm gồm nhiều thành tố di chuyển, đc lập, được điều khiển bằng động cơ hoặc bằng tay.

[23] Gérard de Nerval (1808-1855): nhà thơ Pháp, người từng dịch Faust của Goethe sang tiếng Pháp. Ông rất thích pha trộn mơ tưởng vào hiện thực và quá khứ vào cuộc sống hiện tại.

[24] Hiroshima mon amour, tác phẩm của nhà văn Pháp, Marguerite Duras. Bà cũng là tác giả cuốn Amant (Người tình) với bối cảnh là miền Nam Việt Nam. Cả hai tác phẩm này đã được dựng thành phim.

[25] Mort à Venise, phim ca đạo diễn Luchino Visconti, do Pháp và Ý sản xuất, công chiếu lần đầu năm 1971.

[26] La Chartreuse de Parme, tiểu thuyết của Stendal, nhà văn Pháp (1783-1842).

[27] Tên chiếc máy bay đã ném bom nguyên tử xuống Hiroshima.

[28] Nữ diễn viên Pháp, người đóng vai nữ chính trong phim Hiroshima tình yêu của tôi do Alain Resnais đạo diễn.

[29] Sau Thế chiến thứ hai, những cô gái Pháp có quan hệ với lính Đức thường bị cạo trọc đầu để sỉ nhục.

[30] Vua Pháp (1268-1314).

[31] Les rois maudits: serie tiểu thuyết lịch sử gồm bảy tập của Maurice Druon.

[32] Zarathoustra (628-551): người sáng lập ra đạo Thiện (tôn giáo ở Iran xưa, quan niệm thế giới là sự đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, cuối cùng cái thiện sẽ thắng).

[33] Nguyên bản tiếng Anh: “Ừ, vùng này đẹp quá.”

[34] Nguyên bản tiếng Anh: “Con gái phải thế chứ!”

[35] Nguyên bản tiếng Anh: “Không vấn đề gì.”

[36] Rinri nhại tên cuốn sách Zarathoustra đã nói như thế.

[37] Vạn tuế.

[38] Deliverance, phim Mỹ, của đạo diễn John Boorman, với các diễn viên Jon Voight và Burt Reynolds.

[39] Phim Anh-Mỹ, thể loại kinh dị-kỳ ảo, do Stanley Kubrick thực hiện năm 1980.

[40] INRI: viết tắt của những từ tiếng Latin : IESUS NAZARENUS REX IUDAEORUM, có nghĩa là Jesus người xứ Nazareth, vua của dân Do Thái.

[41] Từ chỉ các samurai bị ruồng rẫy trong xã hội phong kiến Nhật Bản vì nhiều lý do: chủ chết, mắc lỗi lầm hoặc thất bại trong chiến đấu.

[42] Những phụ nữ Nhật được đào tạo từ nhỏ để biết múa, hát, trò chuyện để làm tiếp viên trong các phòng trà hoặc tại các buổi tiệc tùng.

[43] Một loại bia Bỉ mạnh vì được lên men hai lần.

[44] Tác giả so sánh việc Rinri dọn phòng bố mẹ với một sự tích trong thần thoại Hy Lạp: Héraclès lau dọn các chuồng ngựa rộng mênh mông của vua Augias xứ Elide (một vùng thuộc Hy Lạp cổ) chỉ trong vòng một ngày. Đó là một trong mười hai công việc anh phải làm để chực tội đã giết vợ và các con mình.

[45] Dangerous liaisons.

[46] Nhạc cụ truyền thống của Nhật, có cần dài và phím ngắn, trông gần giống như đàn tì bà Việt Nam.

[47] Vị vua huyền thoại của Ninive, thủ đô của Assyrie, vương quốc ở Trung Đông, sống khoảng vào thế kỷ thứ bảy trước Công Nguyên. Quá yếu không đủ sức bảo vệ thành phố của mình nên đối diện với quân thù, ông đã tổ chức một cuộc tự tử tập thể rất ngoạn mục, bằng cách đốt cháy cung điện nơi ông đã tập hợp mọi của cải, vàng bạc và hoạn quan của mình.

[48] Georges Charles Brassens (1921-1981): nhạc sĩ, ca sĩ Pháp.

[49] Câu này theo nghĩa bóng còn gợi đến một câu ngôn ngữ của Pháp, nghĩa tương tự như: có công mài sắt có ngày nên kim.

[50] Murasaki Shikibu (sinh vào khoảng năm 973 - mất vào khoảng năm 1014), nữ tiểu thuyết gia Nhật, tác giả của Genji mono- gatari, một trong các tác phẩm kinh điển của Nhật nói về cuộc sống trong triều đình Kyoto vào khoảng năm một nghìn.

[51] Hầu tước Thần thánh hay Hầu tước de Sade (1740-1814), nhà quý tộc, nhà văn người Pháp. Ông nổi tiếng với những tiểu thuyết mang tính khổ dâm và bạo dâm. Tên ông được đặt làm danh từ cho chứng bạo dâm trong nhiều thứ tiếng trên thế giới.

[52] Tác giả mượn ý “ không thể tắm hai lần trên cùng một dòng sông”, và ở đây, người vợ chưa cưới được ví như dòng sông tươi mát, xoa dịu cơn khát cho chàng trai.

[53] Sững sờ và run rẩy cũng đã được Nhã Nam dịch và ấn hành năm 2008. Trong cuốn này, tác giả kể về kinh nghiệm làm việc trong một công ty Nhật. Amélie bị cấp trên trực tiếp là cô Mori Fubuki lần lượt giáng chức, từ nhân viên phòng kế toán đến cuối cùng làm người dọn vệ sinh.

[54] Ý nói đến cấp trên trực tiếp của Amélie, cô Mori Fubuki, người đã biến Amélie thành người dọn vệ sinh.

[55] Trong tiếng Pháp, khi trả lời “không” với một câu hỏi phủ định tức là khẳng định điều phủ định ấy. Ở đây ý Amélie là “không, em không muốn lấy anh” nhưng Rinri lại hiểu theo kiểu trả lời của Nhật: phủ định lại điều phủ định ở câu hỏi, tức là “không, em muốn lấy anh chứ”.

[56] Trong tiếng Pháp, người ta dùng động từ aimer (yêu, quý) khi đi với trạng từ beaucoup (nhiều) để chỉ tình cảm giữa bạn bè. Trong câu này, tác giả viết: “Je l'aimais beaucoup” có nghĩa là “tôi đã rất quý anh ấy”. Nếu muốn nói yêu người đó thì phải viết: “Je l'aimais”. Như vậy trạng từ beaucoup tạo ra sự khác biệt sắc thái trong hai câu này.

[57] Ramsès đệ nhị (khoảng 1305-1213 trước CN): một trong mười một pharaon thuộc triều đại phong kiến thứ 19 và 20 của Ai Cập.

[58] Vùng phía Tây nước Pháp, có tiếng nói riêng khác hẳn tiếng Pháp.

[59] Vùng ngày nay thuộc Pháp, Bỉ và Hà Lan, ở biển Bắc.

[60] Las Vegas, Reno: hai thành phố ở Hoa Kỳ. Las Vegas nổi tiếng với các sòng bạc và các đám cưới chớp nhoáng, còn Reno là một trung tâm du lịch và nơi có thể ly dị nhanh chóng.

[61] Franz Liszt (1811-1886): nhà soạn nhạc, nghệ sĩ dương cầm Hungari.

[62] Ngựa có cánh trong thần thoại Hy Lạp, là vật cưỡi của Bellérophon - biểu tượng của cảm hứng thi ca.